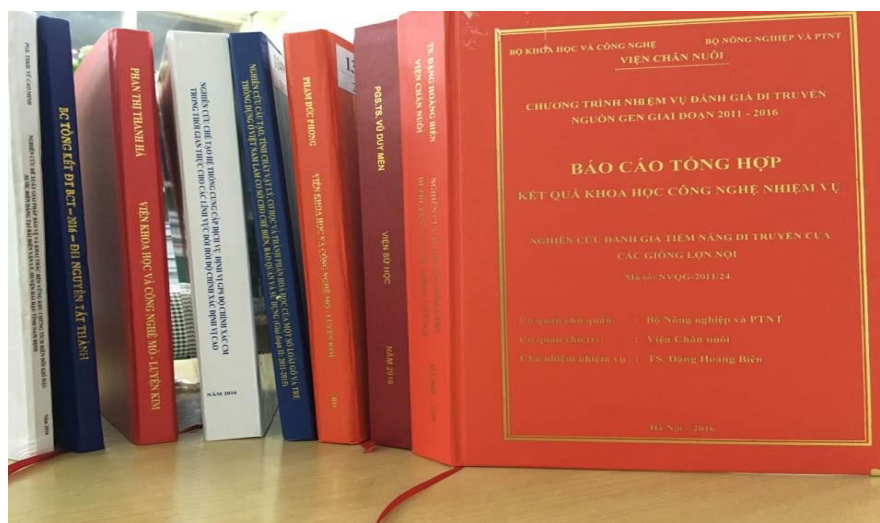


# THÔNG BÁO

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



**SỐ 12**  
**2021**



**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**  
National Agency for Science and Technology Information

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**(Định kỳ 1 số/tháng)**

**BAN BIÊN TẬP**

<i>Trưởng ban:</i>	THS. VŨ ANH TUẤN
<i>Phó Trưởng ban:</i>	ThS. Võ Thị Thu Hà ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh
<i>Ủy viên thư ký:</i>	ThS. Nguyễn Thị Thưa CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu CN. Nguyễn Thu Hà

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	ii
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	10
<u>Phụ lục</u> : Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	111

## LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

***Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội***

**ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)**

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

**GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

① 74479.1-2020. ② Nghiên cứu đề xuất một số khu vực có thể phục hồi và tái tạo hệ sinh thái rạn san hô phục vụ du lịch sinh thái biển Khánh Hòa/ Võ Sĩ Tuấn, TS. Nguyễn Văn Long; CN. Phan Kim Hoàng; ThS. Thái Minh Quang; ThS. Phan Thị Kim Hồng; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Phạm Sĩ Hoàn; ThS. Phạm Bá Trung; CN. Hứa Thái Tuyên; TS. Hoàng Xuân Bền - Khánh Hòa - Viện Hải dương học Nha Trang, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

③

⑥

⑦

⑧

⑨

⑩—Tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, đa dạng sinh học ở vùng biển Khánh Hoà. Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô ở các khu vực có tiềm năng sử dụng cho mục tiêu du lịch sinh thái biển. Điều tra hiện trạng sử dụng và quản lý tài nguyên tại các khu vực tiềm năng. Phân tích các yếu tố tích cực và hạn chế liên quan đến phục hồi rạn san hô và phát triển du lịch sinh thái và đề xuất các khu vực có thể phục hồi và tái tạo rạn san hô nhằm sử dụng cho du lịch sinh thái. Xây dựng mô hình phục hồi, tái tạo rạn san hô với sự tham gia quản lý của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: KHA-2019-002

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP  
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

<b>1. Khoa học tự nhiên .....</b>	<b>10</b>
<b>101. Toán học và thống kê.....</b>	<b>14</b>
10101. Toán học cơ bản .....	14
10102. Toán học ứng dụng.....	15
<b>102. Khoa học máy tính và thông tin .....</b>	<b>15</b>
10201. Khoa học máy tính .....	15
10202. Khoa học thông tin .....	16
<b>103. Vật lý .....</b>	<b>16</b>
10304. Vật lý hạt nhân .....	16
<b>104. Hóa học .....</b>	<b>17</b>
10401. Hoá hữu cơ .....	17
10403. Hoá lý .....	17
10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân) ..	18
<b>105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan .....</b>	<b>18</b>
10508. Trắc địa học và bản đồ học .....	18
10509. Các khoa học môi trường .....	19
10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển .....	19
10511. Khí hậu học .....	19
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước .....	20
<b>106. Sinh học.....</b>	<b>21</b>
10602. Tế bào học, mô - phôi học.....	21
10606. Sinh học phân tử.....	21
10609. Di truyền học .....	22
10611. Thực vật học .....	22
10613. Sinh học biển và nước ngọt.....	23
<b>2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....</b>	<b>23</b>
<b>201. Kỹ thuật dân dụng .....</b>	<b>23</b>

20102. Kỹ thuật xây dựng .....	23
20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị .....	24
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải .....	24
20105. Kỹ thuật thủy lợi.....	25
20106. Kỹ thuật địa chất công trình.....	25
20199. Kỹ thuật dân dụng khác.....	26
<b>202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin .....</b>	<b>27</b>
20201. Kỹ thuật điện và điện tử .....	27
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..	28
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông .....	31
20205. Viễn thông .....	35
<b>203. Kỹ thuật cơ khí.....</b>	<b>36</b>
20302. Chế tạo máy nói chung.....	36
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	36
20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông.....	36
20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy .....	37
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng.....	37
20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng .....	38
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân .....	38
<b>204. Kỹ thuật hóa học .....</b>	<b>39</b>
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm).....	39
20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung .....	40
<b>205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim.....</b>	<b>40</b>
20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen .....	40
20505. Cán kim loại; kéo kim loại; sản xuất sản phẩm kim loại; sản xuất ống kim loại, v.v.....	41

20507. Vật liệu xây dựng .....	42
20508. Vật liệu điện tử .....	43
20509. Vật liệu kim loại .....	44
20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ .....	44
20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...) .....	44
20513. Gỗ, giấy, bột giấy .....	45
20515. Vật liệu tiên tiến .....	45
<b>206. Kỹ thuật y học .....</b>	<b>46</b>
20601. Kỹ thuật và thiết bị y học .....	46
20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh .....	46
<b>207. Kỹ thuật môi trường.....</b>	<b>47</b>
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	47
20708. Kỹ thuật bờ biển .....	49
20799. Kỹ thuật môi trường khác .....	50
<b>208. Công nghệ sinh học môi trường .....</b>	<b>50</b>
20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học) .....	50
<b>209. Công nghệ sinh học công nghiệp .....</b>	<b>51</b>
20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.....	51
<b>210. Công nghệ nano.....</b>	<b>51</b>
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất) .....	51
21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano) .....	53
<b>211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống.....</b>	<b>54</b>
21101. Kỹ thuật thực phẩm .....	54

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác .....	54
<b>3. Khoa học y, dược .....</b>	<b>55</b>
302. Y học lâm sàng .....	55
30219. Tiêu hoá và gan mật học .....	55
304. Dược học .....	56
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc .....	56
30404. Hoá dược học .....	57
305. Công nghệ sinh học trong y học.....	57
30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế.....	57
<b>4. Khoa học nông nghiệp .....</b>	<b>57</b>
401. Trồng trọt .....	58
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	58
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả .....	60
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc .....	63
40106. Bảo vệ thực vật.....	64
40107. Bảo quản và chế biến nông sản .....	65
40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác .....	65
402. Chăn nuôi.....	66
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....	66
40205. Bảo vệ động vật nuôi.....	68
40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi .....	68
403. Thú y .....	69
40312. Dược học thú y .....	69
404. Lâm nghiệp .....	69
40403. Quản lý và bảo vệ rừng .....	69
40405. Giống cây rừng.....	69
405. Thủy sản.....	70
40503. Bệnh học thủy sản .....	70
40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thủy sản .....	71



<b>406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp .....</b>	<b>71</b>
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....	71
40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp .....	72
40605. Đạo đức học trong công nghệ sinh học nông nghiệp.....	72
<b>499. Khoa học nông nghiệp khác.....</b>	<b>73</b>
<b>5. Khoa học xã hội .....</b>	<b>74</b>
<b>501. Tâm lý học .....</b>	<b>77</b>
50101. Tâm lý học nói chung.....	77
<b>502. Kinh tế và kinh doanh .....</b>	<b>78</b>
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh....	78
50202. Kinh doanh và quản lý .....	81
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác .....	87
<b>503. Khoa học giáo dục.....</b>	<b>90</b>
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..	90
50302. Giáo dục chuyên biệt.....	92
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác .....	93
<b>504. Xã hội học .....</b>	<b>93</b>
50402. Nhân khẩu học.....	93
50404. Dân tộc học.....	94
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	94
50499. Xã hội học khác .....	95
<b>505. Pháp luật.....</b>	<b>97</b>
50501. Luật học .....	97
<b>506. Khoa học chính trị .....</b>	<b>99</b>
50601. Khoa học chính trị.....	99
50602. Hành chính công và quản lý hành chính .....	101
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	103

<b>507. Địa lý kinh tế và xã hội .....</b>	<b>103</b>
50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội .....	103
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....	104
50704. Quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải	105
<b>508. Thông tin đại chúng và truyền thông.....</b>	<b>106</b>
50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội .....	106
<b>6. Khoa học nhân văn.....</b>	<b>106</b>
<b>601. Lịch sử và khảo cổ học .....</b>	<b>106</b>
60102. Lịch sử thế giới; Lịch sử từng nước, từng vùng; từng khu vực .....	106
<b>602. Ngôn ngữ học và văn học .....</b>	<b>107</b>
60204. Lý luận văn học; Nghiên cứu văn học nói chung .....	107
60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam .....	107
<b>603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo .....</b>	<b>109</b>
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ .....	109
60399. Các vấn đề của triết học và tôn giáo khác.....	110

## THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

### 1. Khoa học tự nhiên

74208. 12-2021. **Ứng dụng công nghệ RO xử lý nước đạt QCVN 6-1:2010/BYT và sử dụng năng lượng mặt trời làm nóng nước tại Bệnh viện Đa khoa Cái Nước, tỉnh Cà Mau/** Nguyễn Lê Linh, Lưu Kiều Loan; Đinh Hùng Anh - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Cà Mau - Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Cà Mau, 2018 - 01/2017 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng công nghệ RO sử dụng năng lượng mặt trời xử lý nước uống trực tiếp phục vụ miễn phí cho bệnh nhân, thân nhân và cán bộ công chức, viên chức, nhân viên Bệnh viện Đa khoa Cái Nước, nhằm góp phần đảm bảo sức khỏe cộng đồng, tiết kiệm chi phí cho gia đình và xã hội; đồng thời nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc sử dụng tiết kiệm điện năng, thay thế bằng năng lượng mặt trời phục vụ sản xuất và đời sống.

Số hồ sơ lưu: CMU-2019-001

74212. 12-2021. **Nuôi tôm chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) thâm canh năng suất cao ứng dụng công nghệ semi-biofloc tại tỉnh Cà Mau./** Lê Thanh Tuấn, Phạm Minh Song; Nguyễn Duy Thanh - Chi Cục thủy sản Cà Mau - Chi cục Thủy sản tỉnh Cà Mau, 2018 - 12/2017 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) thâm canh năng suất cao ứng dụng công nghệ Semi-Biofloc tại tỉnh Cà Mau nhằm mục tiêu phát triển nghề nuôi tôm theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường, an toàn sinh học tại tỉnh để nhân rộng mô hình trong tỉnh. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi tôm chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) thâm canh theo quy trình Semi-Biofloc tại tỉnh Cà Mau để phổ biến và nhân rộng cho người nuôi tôm trong tỉnh.

Số hồ sơ lưu: CMU-2019-002

74526. 12-2021. **Bảo tồn nguồn gen chó vện và gà nhạn chân xanh của tỉnh Cà Mau./** PGS.TS. Đỗ Võ Anh Khoa, BSTY. Chung Hữu Nghị - Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh Cà Mau - Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh Cà Mau, 2019 - 06/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn gen giống chó Vện và gà Nhạn Chân xanh ở Cà Mau. Mục tiêu cụ thể. Điều tra và đánh giá hiện trạng chó Vện và gà Nhạn chân xanh. Xây dựng được bộ Atlas mô tả về đặc điểm ngoại hình, tập tính và khả năng sản xuất cơ bản của đối tượng bảo tồn. - Xây dựng được quy trình chọn lọc đàn hạt nhân dựa vào đặc điểm ngoại hình, tập tính và sự hỗ trợ của công cụ microsatellite. Xây dựng quy trình chăm sóc nuôi dưỡng; quy trình thú

y phòng bệnh cho đối tượng bảo tồn. Xây dựng được đàn hạt nhân tại Trung tâm Giống nông nghiệp Cà Mau (tại chỗ) và trong dân.

Số hồ sơ lưu: CMU-2019-005

74582. 12-2021. **Nghiên cứu ứng dụng giải pháp trụ xi măng đất trong gia cố đường đầu cầu, tỉnh Cà Mau.**/ PGS.TS. Lê Bá Vinh, ThS. Lê Nhật Trường PGS.TS. Lê Bá Vinh; ThS. Nguyễn Nhật Trường; Ts.Lê Bá Khánh; ThS. Lê Minh Luân; ThS. Nguyễn Minh Quang; ThS. Nguyễn Hoàng Ân; Ks. Nguyễn Công Huyền; Ks. Nguyễn Vũ Đăng - Ban Quản lý dự án công trình giao thông tỉnh Cà Mau - Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông Cà Mau., 2019 - 10/2016 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định được hàm lượng xi măng tối ưu để đạt được cường độ chịu nén cần thiết. Có giải pháp thiết kế gia cố nền tối ưu so với nhiều giải pháp truyền thống khác. Tiết kiệm được nguồn kinh phí trong việc xử lý hiện tượng lún lệch giữa móng cầu và đường dẫn vào cầu. Đánh giá được mức độ hiệu quả trong việc xử lý đất nền so với nhiều giải pháp khác. Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các chỉ tiêu cơ lý của đất nền (độ mặn, phèn,...) đến cường độ trộn xi măng bằng cách nghiên cứu thử nghiệm tại 02 vùng nuwosc mặn và vùng nước lợ.

Số hồ sơ lưu: CMU-2019-007

74583. 12-2021. **Điều tra đánh giá hiệu quả nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*)**

**quảng canh, quảng canh cải tiến. Đề xuất giải pháp quản lý trong thời gian tới.**/ Ks. Hồ Văn Việt, Ks. Hồ Văn Việt; Ks. Nguyễn Văn Toàn; Ks. Phạm Minh Song; Ks. Phạm Ngọc Khỏe; Ks. Nguyễn Phương Vỹ - Chi Cục thủy sản Cà Mau - Chi cục Thủy sản tỉnh Cà Mau, 2019 - 11/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tác động, hiệu quả nuôi tôm thẻ chân trắng quảng canh, quảng canh cải tiến. Thực hiện thí điểm mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng quảng canh cải tiến tại 03 điểm, với quy mô 01ha/01 hộ/01 điểm. Năng suất bình quân 500kg/01 ha/01 vụ nuôi, mật độ 10con/m<sup>2</sup>. Đề ra các giải pháp quản lý nuôi tôm thẻ chân trắng quảng canh, quảng canh cải tiến trên địa bàn tỉnh Cà Mau trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: CMU-2019-008

74683. 12-2021. **Ứng dụng công nghệ Semi-Biofloc nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) tại tỉnh Cà Mau.**/ Quách Nhật Bình, ThS. Quách Nhật Bình; ThS. Trần Hoàng Vũ; TS. Quách Văn Ân; ThS. Tiêu Hoàng Pho - Ban Quản lý dự án ODA và NGO - Ban Quản lý các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau, 2019 - 11/2017 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng thành công công nghệ Semi - Biofloc nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng, đảm bảo an toàn sinh học, bảo vệ môi trường, tạo ra sản phẩm sạch, phù hợp với khả năng phát triển và lợi thế của Cà Mau, giúp nâng cao năng suất, chất lượng

và hiệu quả cho người nuôi và định hình công nghệ nuôi siêu thâm canh một cách hợp lý và bền vững.

Số hồ sơ lưu: CMU-2019-012

74770. 12-2021. **Thực trạng và giải pháp giảm nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.**/ ThS. Nguyễn Duy Trường, ThS. Nguyễn Duy Trường; CN. Nguyễn Cẩm Tú; CN. Nguyễn Thành Niệm; CN. Nguyễn Văn Thuật; CN. Nguyễn Phương Nam; CN. Hồ Hồng Lĩnh; CN. Nguyễn Thanh Điền. - Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau - Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau, 2019 - 11/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, điều tra, khảo sát thực tế, đề tài đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác triển khai, thực hiện chính sách dân tộc, đánh giá thực trạng, xác định và phân tích các nguyên nhân dẫn đến hộ gia đình còn nghèo của đồng bào dân tộc Khmer; xác định và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh Cà Mau. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp giảm nghèo, nâng cao thu nhập đối với đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh Cà Mau trong giai đoạn hiện nay.

Số hồ sơ lưu: CMU-2019-013

74771. 12-2021. **Nuôi cua (scylla paramamosain) bán thâm canh trong ao đất tại xã Đất Mới và thị trấn Năm Căn, tỉnh Cà Mau.**/ ThS. Nguyễn Nghi Lễ, ThS. Nguyễn Nghi Lễ; KS. Trương Quốc Dẫn; KS. Lưu Anh Pháp; KS. Phan

Thanh Trọn. - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Năm Căn - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Năm Căn, 2018 - 08/2017 - 02/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình nuôi cua bán thâm canh theo hai giai đoạn trong ao đất nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và chất lượng sản phẩm để góp phần giữ vững và phát triển nhãn hiệu tập thể của Năm Căn, cũng như góp phần thực hiện đạt kế hoạch xây dựng Tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện nhà. Tạo thêm sự đa dạng các hình thức nuôi để giúp cho bà con nông dân có điều kiện tiếp cận và ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao. Tận dụng diện tích các ao nuôi tôm kém hiệu quả để nuôi cua, tránh lãng phí về tiềm năng đất đai đồng thời cải tạo môi trường đất nước của ao nuôi.

Số hồ sơ lưu: CMU-2019-014

74970. 12-2021. **Xây dựng mô hình sản xuất dưa hấu đạt tiêu chuẩn VietGap tại xã Lý Văn Lâm thành phố Cà Mau.**/ Phan Hoàng Minh, CN. Lý Khánh Ly; TS. Phạm Đức Toàn; KS. Phan Hoàng Minh; KS. Lâm Thị Bích Phượng; CN. Nguyễn Văn Nhân; KS. Mạc Ngọc Truyền; CN. Huỳnh Thanh Tuấn; KS. Trần Chí Nguyễn. - Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau - Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau, 2018 - 07/2016 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thông qua mô hình sản xuất dưa hấu đạt chứng nhận VietGap mang

lại hiệu quả kinh tế cho người sản xuất do giảm được chi phí đầu tư (giảm giống, phân bón, thuốc BVTV, công lao động...), tăng năng suất dưa hấu> Qua kết quả cho thấy năng suất dưa hấu trong mô hình đều cao hơn năng suất dưa hấu của nông dân ngoài mô hình từ 3.500 kg/ha (tăng 9.3%), giá bán ra cao hơn 1.000 đồng/kg từ đó lợi nhuận cao hơn ngoài mô hình 94.875.000 đồng/ha (tăng 47,7%). Từ đó khẳng định sản xuất dưa hấu tiêu chuẩn VietGap cho hiệu quả kinh tế cao, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Số hồ sơ lưu: CMU-2019-019

77455. 12-2021. **Xây dựng bao hộ nhãn hiệu chứng nhận cho 02 sản phẩm "Mực Sông Đốc Cà Mau" và "Cá thòi lòi Đất Mũi - Cà Mau"/>**/ PGS.TS. Lê Thị Nam Giang, PGS.TS. Lê Thị Nam Giang - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AGL - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AGL, 2019 - 06/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác lập thành công quyền sở hữu công nghiệp đối với NHCN “Mực Sông Đốc - Cà Mau” và NHCN “Cá thòi lòi Đất Mũi - Cà Mau”. Góp phần đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm; chống các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với NHCN “Mực Sông Đốc - Cà Mau” và NHCN “Cá thòi lòi Đất Mũi - Cà Mau”.

Số hồ sơ lưu: CMU-2020-008

78016. 12-2021. **Nuôi cá đối mục thương phẩm công nghiệp/** Ks. Đỗ Hoài Vui, Ks. Đỗ Hoài Vui; Ks. Trương Minh Sử; Ks. Mai Văn Đoan - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Ngọc Hiển - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ngọc Hiển, 2020 - 05/2019 - 01/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Dự án nuôi cá đối mục thương phẩm công nghiệp nhằm áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, tìm ra đối tượng nuôi mới, mức đầu tư cho mô hình không cao, thích hợp với khả năng kinh tế của đa số nông dân trên địa bàn, đây là ưu điểm góp phần mang lại hiệu quả kinh tế của mô hình. Sản phẩm của dự án là loài nuôi được thị trường ưa chuộng vì thịt thơm, ngon...

Số hồ sơ lưu: CMU-2020-009

78017. 12-2021. **Nuôi tôm sú quảng canh cải tiến 03 giai đoạn/** Ks. Lê Văn Luông, Ks. Lê Văn Luông; Ks. Trương Minh Sử; Ks. Mai Văn Đoan - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Ngọc Hiển - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ngọc Hiển, 2019 - 05/2019 - 10/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Dự án tôm sú quảng canh cải tiến 03 giai đoạn giúp cho các hộ nông dân cải thiện thu nhập từ tôm nuôi, đồng thời thông qua dự án xây dựng các hộ dân nâng cao kiến thức, trình độ sản xuất, từng bước nhân rộng dự án, chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên đặc thù của huyện Ngọc Hiển...

Số hồ sơ lưu: CMU-2020-010

79705. 12-2021. **Xây dựng mô hình trồng xen canh chanh không hạt và đu đủ ruột vàng trên vùng đất phèn nặng xã Khánh An, huyện U Minh./** Ks. Nguyễn Chí Thành, Ks. Nguyễn Chí Thành; Ks. Bùi Công Nghiệp; Ks. Ngô Văn Phúc; LDPT. Nguyễn Văn Hưởng - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ Cà Mau - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Khoa học công nghệ tỉnh Cà Mau, 2020 - 07/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Dự án đã xây dựng hoàn chỉnh quy trình trồng xen canh chanh không hạt với đu đủ ruột vàng trên vùng đất phèn nặng xã Khánh An huyện U Minh tỉnh Cà Mau. Đây là bộ tài liệu kỹ thuật quan trọng để hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân áp dụng quy trình kỹ thuật hiệu đạt được hiệu quả trong công tác thông qua các chương trình tập huấn chuyên giao khoa học công nghệ. Xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học của dự án sẽ hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân và sinh viên thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học có liên quan đến cây Chanh không hạt và Đu đủ ruột vàng trên vùng đất phèn nặng.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-005

79787. 12-2021. **Xây dựng mô hình sản xuất lúa đạt chuẩn VietGap tại xã An Xuyên, thành phố Cà Mau./** Ks. Nguyễn Thị Hằng, Ks. Nguyễn Thị Hằng; Ks. Phạm Trường Giang; Ks. Đàm Vũ Linh; Tc. Nguyễn Văn Đông - Hội Nông dân thành phố Cà Mau - Hội Nông dân thành phố Cà Mau, 2020 -

06/2018 - 05/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng thành công mô hình sản xuất lúa chất lượng cao đạt chuẩn VietGAP nhằm tạo ra sản phẩm lúa chất lượng, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông hộ và bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng. Phối hợp với đơn vị tư vấn và đơn vị chứng nhận VietGAP giám sát, đánh giá điều kiện sản xuất lúa đạt tiêu chuẩn VietGAP ở từng nông hộ, phấn đấu từ 70 - 80% diện tích được cấp giấy chứng nhận sản xuất lúa đạt tiêu chuẩn VietGAP. Thực hiện thành công mô hình sản xuất lúa đạt tiêu chuẩn VietGAP cho hệ canh tác lúa 2 vụ tại ấp Tân Thuộc, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau nhằm tạo ra sản phẩm lúa gạo có chất lượng tốt, nâng cao hiệu quả sản xuất. Quy mô thực hiện 40 ha, số hộ 35, năng suất lúa đạt 5-5,5 tấn/ha/vụ, giá lúa 6.500-7.500 đồng/kg.

Số hồ sơ lưu: CMU-2020-013

## **101. Toán học và thống kê**

### **10101. Toán học cơ bản**

79240. 12-2021. **Một vài lớp toán tử trên các không gian hàm/** TS. Phạm Trọng Tiến, PGS.TS. Ngô Quốc Anh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tính liên tục và tính compact cho toán tử kết hợp C và toán tử kết hợp có trọng W trên các không gian hàm khác nhau. Xác định tính chất động lực học và tính ergodic cho toán tử kết hợp C và

toán tử kết hợp có trọng  $W$  trên các không gian hàm khác nhau. Tìm hiểu dáng điệu của dãy lặp các toán tử, từ đó có thể đưa ra những dự đoán đối với các bài toán trong thực tế. Nghiên cứu các tính chất của một số lớp toán tử tích phân và vi phân trên một số không gian hàm thông dụng dựa vào việc tìm ra các ước lượng điểm hoặc ước lượng tích phân. Thực hiện nghiên cứu liên quan đến các bất đẳng thức hàm trên các không gian như không gian Fock, không gian Sobolev, không gian Fock-Sobolev, nhóm Heisenberg.

Số hồ sơ lưu: 18454

### **10102. Toán học ứng dụng**

79066. 12-2021. **Bất ổn định của kết cấu mảnh dưới tác động của gió**/ TS. Nguyễn Huy Cung, TS. Đặng Tiến Phúc; TS. Vũ Tân Văn; TS. Thái Phương Trúc - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển lý thuyết tổng quát hơn cho việc phân tích bất ổn định cho kết cấu mảnh có tiết diện bất kỳ trong các trường hợp có và không có gắn hệ cản. Đánh giá ảnh hưởng của tính phức của các mode, sự liên kết các mode và tương quan giữa hướng gió và các trục chính của tiết diện đối với sự ổn định của kết cấu dưới tác động của gió. Xây dựng các nghiệm giải tích cho các trường hợp đặt biệt để có thể đề xuất cải tiến các tiêu chuẩn thiết kế chống gió hiện nay. Từ đó đưa ra các ứng dụng của lý thuyết đề xuất đối với các kết cấu thực tế.

Số hồ sơ lưu: 18269

### **102. Khoa học máy tính và thông tin**

#### **10201. Khoa học máy tính**

79253. 12-2021. **Nghiên cứu, xây dựng hệ thống hỗ trợ bảo vệ, ngăn chặn rò rỉ dữ liệu trong hoạt động Chính phủ điện tử**/ TS. Hoàng Tuấn Hào, TS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Lưu Hồng Dũng; TS. Phan Việt Anh; TS. Trần Hồng Quang; TS. Hà Chí Trung; ThS. Vũ Đình Phái; ThS. Nguyễn Hữu Nội; ThS. Nguyễn Văn Cường; KS. Nguyễn Văn Quân; TS. Nguyễn Việt Hùng; ThS. Nhiếp Văn Ngọc; ThS. Vũ Văn Cảnh; ThS. Nguyễn Lương Bình; ThS. Vũ Thị Ly; TS. Khuất Văn Thành; KS. Nguyễn Duy Tùng Khánh; PGS.TS. Nguyễn Quang Uy; KS. Nguyễn Thị Thiện; TS. Bùi Quốc Hưng; TS. Nguyễn Thị Thu Hương; KS. Trần Thị Lan; PGS.TS. Nguyễn Hiếu Minh; CN. Nguyễn Thị Hoài; KS. Ngô Anh Dũng; ThS. Nguyễn Việt Hùng; ThS. Đặng Hoàng Anh; KS. Nguyễn Minh Hải; KS. Vương Xuân Vũ; CN. Nguyễn Đức Hiếu; CN. Nguyễn Minh Tùng; CN. Trần Văn Trình - Hà Nội - Viện Công nghệ Mô phỏng, 2021 - 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng hệ thống hỗ trợ bảo vệ, ngăn chặn rò rỉ dữ liệu trong hoạt động Chính phủ điện tử tại các cơ quan, đơn vị nhà nước và doanh nghiệp. Nghiên cứu giảm thiểu nguy cơ rò rỉ tài liệu mật của cơ quan chính phủ và doanh nghiệp từ bên trong nội bộ cơ quan ra bên ngoài



thông qua quá trình phân tích nội dung, phân loại dữ liệu theo Danh mục bí mật nhà nước ở mức độ Mật theo ngành, lĩnh vực; giám sát, kiểm soát các hoạt động truy cập, di chuyển các tài liệu mật ra bên ngoài qua các thiết bị ngoại vi (USB, HDD, CD/DVD), qua hoạt động in ấn hay thông qua các ứng dụng mạng (email, website).

Số hồ sơ lưu: 18470

### **10202. Khoa học thông tin**

79238. 12-2021. **Nghiên cứu việc tổ chức, quản lý, liên kết mạng dữ liệu về di sản văn hóa/** ThS. Trần Đình Thành, TS. Phạm Thị Khánh Ngân; ThS. Phạm Thị Khánh Trang; ThS. Vũ Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Khắc Đoài; ThS. Dương Thị Anh; ThS. Nguyễn Hải Ninh; ThS. Nguyễn Đình Huân; CN. Nguyễn Hồng Bích - Hà Nội - Cục Di sản văn hóa, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng việc tổ chức, quản lý, liên kết mạng dữ liệu về di sản văn hóa ở Cục Di sản văn hóa và một số đơn vị thuộc Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch. Từ những kết quả nghiên cứu về lý luận và thực tiễn trong nước và quốc tế làm cơ sở cho việc đề xuất tổ chức, quản lý, liên kết mạng dữ liệu về di sản văn hóa tại Việt Nam và kiến nghị các giải pháp thực hiện mang tính khả thi.

Số hồ sơ lưu: 18455

### **103. Vật lý**

74198. 12-2021. **Sản xuất thử nghiệm ghế vệ sinh di động medic/**

BS CKII. Trần Nguyên Phú, BS CKII. Trần Nguyên Phú; DS CKI. Lê Thị Huyền Trang; Th.s. Nguyễn Tiến Vũ; BS. Bùi Đức Hiền; Th.s. Nguyễn Thị Minh Thi; KTV TH. Lê Hữu Hợp; KTV TH. Trương Tiến Dũng; KTV TH. Trương Thế Hùng. - Hà Tĩnh - Bệnh viện Đa khoa thành phố Hà Tĩnh, 2016 - 09/2016 - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đã đào tạo chuyển giao quy trình công nghệ cho Doanh nghiệp tư nhân Anh Vũ sản xuất thử nghiệm ghế vệ sinh di động. Tổ chức sản xuất thử 40 sản phẩm (3 đợt) và triển khai dùng thử tại các bệnh viện trong tỉnh. Phối hợp với đơn vị sử dụng, người bệnh và người nhà bệnh nhân để đánh giá kết quả sản phẩm dùng thử. Hoàn chỉnh công nghệ, xây dựng nhãn hiệu và tổ chức sản xuất 40 ghế, sản phẩm đã được thương mại hóa, với nhãn hiệu ghế vệ sinh di động “WCM”. Dự án đã kết thúc, đơn vị chủ trì tiếp tục phối hợp với doanh nghiệp đăng ký bảo hộ nhãn hiệu cho sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: HTH-02-2018

### **10304. Vật lý hạt nhân**

79482. 12-2021. **Nghiên cứu, đánh giá độ bất định thông qua sự biến đổi ngẫu nhiên của các tham số trong một số mô hình vật lý phần mềm RELAP5/MOD 3.3 dựa trên kết quả thực nghiệm của hệ FEBA/** ThS. Trần Thanh Trâm, ThS. Trần Thanh Trâm; ThS. Hoàng Tân Hưng; ThS. Đoàn Mạnh Long; ThS. Vũ Hoàng Hải,; ThS. Lưu Thị Thu Hòa - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo Hạt nhân, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan phương pháp luận, công cụ tính toán và hệ thực nghiệm của tình hình nghiên cứu trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Từ đó đánh giá độ nhạy các tham số trong một số mô hình vật lý dựa trên số liệu thực nghiệm như FEBA. Trên cơ sở đó lựa chọn ra các tham số quan trọng nhất và phân tích độ bất định của chúng.

Số hồ sơ lưu: 18616

## 104. Hóa học

### 10401. Hoá hữu cơ

78633. 12-2021. **Xây dựng quy trình phân tích thành phần đồng vị C13 ( $\delta^{13}C$ ) trong mật ong và áp dụng để đánh giá hàm lượng đường C4 trong mật ong hoa nhãn/** KS. Vũ Hoài, ThS. Nguyễn Thị Hồng Thịnh; ThS. Võ Thị Anh; ThS. Hà Lan Anh; KS. Mai Đình Kiên; KS. Trương Việt Châu - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Ứng dụng kỹ thuật đồng vị bền trong xác thực chất lượng thực phẩm đang là xu hướng phổ biến trên thế giới. Mục đích của nghiên cứu nhằm ứng dụng kỹ thuật đồng vị bền để đánh giá độ tinh khiết mật ong thông qua hàm lượng đường C4 có trong đó. Để phát hiện việc bổ sung đường vào mật ong, giá trị  $\delta^{13}C$  trong mật ong và chiết xuất protein từ mật ong sẽ được phân tích trên hệ phổ kế tỉ số đồng vị (IRMS). Sự khác biệt giữa 2 giá trị trên không được vượt quá 10/100 theo tiêu chuẩn quốc tế. Nghiên cứu tập trung phân tích

mẫu mật ong hoa nhãn tại 2 địa phương là Sơn La và Hưng Yên. Trong tổng số 14 mẫu thu thập được từ các hộ nuôi ong và trên thị trường, có 6 mẫu được phát hiện pha thêm mật ong đường C4 với nồng độ từ 10,80 đến 23,54%. Các mẫu mật ong nguyên chất có giá trị  $\delta^{13}C$  dao động từ -25,41 đến -28,14 ‰.

Số hồ sơ lưu: 18087

78691. 12-2021. **Oxi hóa chọn lọc mạch nhánh của các hidrocarbon thơm trên xúc tác cấu trúc lớp/** GS. TS. Nguyễn Tiến Thảo, PGS. TS. Hoa Hữu Thu; GS. TS. Lê Thanh Sơn; TS. Đặng Văn Long - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp, biến tính và đặc trưng xúc tác hydrotalcite  $Mg_{1-x}Al_x(OH)_2(CO_3)_y/2.nH_2O$  và sepiolite  $Mg_4Si_6O_{15}(OH)_2$  chứa oxit kim loại chuyển tiếp. Nghiên cứu khả năng xúc tác của các họ vật liệu trên trong phản ứng oxi hóa chọn lọc các ankybenzen. Thực hiện phản ứng oxi hóa chọn lọc styrene thành benzaldehyde and styrene oxide trên hệ xúc tác tổng hợp. Thực hiện phản ứng oxi hóa các hợp chất hữu cơ bền. Xác định vai trò tâm hoạt động xúc tác và đề xuất con đường phản ứng.

Số hồ sơ lưu: 18108

### 10403. Hoá lý

79254. 12-2021. **Nghiên cứu hấp phụ hydrogen và carbon dioxide trong cấu trúc khung hữu cơ kim loại họ MIL-88 bằng phương pháp mô phỏng/** PGS.TS.

Đỗ Ngọc Sơn, ThS. Ông Kim Lệ; TS. Trần Thị Thu Hạnh; TS. Nguyễn Thị Xuân Huynh; ThS. Phạm Ngọc Thanh; ThS. Phan Ngọc Khương Cát; ThS. Dương Thị Như Tranh - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2021 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá khả năng lưu trữ H<sub>2</sub> của MIL-88 thông qua việc nghiên cứu các tính chất hấp phụ và các đường đẳng nhiệt hấp phụ H<sub>2</sub> ở các giá trị nhiệt độ xác định và vùng áp suất cho trước. Nghiên cứu sự bắt giữ CO<sub>2</sub> của MIL-88 thông qua việc nghiên cứu các tính chất hấp phụ và các đường đẳng nhiệt hấp phụ CO<sub>2</sub> ở các giá trị nhiệt độ xác định và vùng áp suất cho trước. Đánh giá khả năng sử dụng MIL-88 cho việc tách lọc CO<sub>2</sub>/H<sub>2</sub> bằng việc nghiên cứu độ tách lọc của CO<sub>2</sub> khỏi H<sub>2</sub> trong hỗn hợp hai khí.

Số hồ sơ lưu: 18474

#### **10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)**

79489. 12-2021. **Nghiên cứu chế tạo, khảo sát tính chất và định hướng ứng dụng của màng trao đổi anion hydroxyl/** TS. Nguyễn Văn Thức, PGS.TS. Nguyễn Thị Cẩm Hà; TS. Vũ Ngọc Duy; CN. Phạm Thị Hoa; CN. Nguyễn Thị Diệp - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020 - 02/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo màng trao đổi anion hydroxyl trên cơ sở sự biến tính poly(vinyl alcohol) (PVA), tổ hợp

của PVA với một số hợp chất cao phân tử khác và với polymer có khả năng dẫn anion (chứa nhóm chức ammonium trong thành phần polymer). Tìm ra điều kiện, thành phần phù hợp cho việc chế tạo màng trao đổi anion có khả năng ứng dụng cho pin nhiên liệu kiềm. Màng trao đổi thu được có độ dẫn điện riêng lớn hơn 1 mS/cm ở nhiệt độ phòng, khả năng trao đổi anion >0,9 mmol/g, bền trong môi trường kiềm và bền trong khoảng nhiệt độ từ nhiệt độ phòng tới 100o C.

Số hồ sơ lưu: 18614

#### **105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan**

##### **10508. Trắc địa học và bản đồ học**

78649. 12-2021. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS, viễn thám và các công cụ phân tích cảnh quan thành lập bản đồ phân vùng ưu tiên bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái đất ngập nước (thử nghiệm tại Đồng Tháp Mười)/** ThS. Nguyễn Thanh Thủy, ThS. Nguyễn Thị Huệ; TS. Hoàng Thị Thanh Nhàn; TS. Phạm Hạnh Nguyên; ThS. Lưu Thị Thúy Ngọc; ThS. Trần Thị Chính; ThS. Phạm Kiều Hoa; Cn. Lê Lan Lam; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; ThS. Lưu Thị Thiết - Hà Nội - Viện khoa học Đo đạc và bản đồ, 2020 - 06/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập cơ sở khoa học ứng dụng công nghệ GIS, viễn thám và phân tích cảnh quan thành lập bản đồ phân vùng ưu tiên bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái đất ngập nước. Đề xuất được quy trình thành lập bản đồ

phân vùng ưu tiên bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái đất ngập nước bằng công nghệ GIS, viễn thám và phân tích cảnh quan.

Số hồ sơ lưu: 18098

### **10509. Các khoa học môi trường**

79068. 12-2021. **Nghiên cứu xây dựng phương án quy hoạch không gian biển Vịnh Bắc Bộ/** GS.TS. Trần Đức Thanh, TS. Đặng Hoài Nhơn; TS. Nguyễn Văn Thảo; TS. Dương Thanh Nghị; TS. Nguyễn Đăng Ngải; PGS.TS. Uông Đình Khanh; TS. Vũ Việt Hà; TS. Trần Văn Trường; TS. Đào Mạnh Tiến; ThS. Hoàng Trần Phương - Hải Phòng - Viện Tài nguyên và Môi trường biển, 2021 - 09/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận, xu thế phát triển quy hoạch không gian biển. Nghiên cứu điều kiện tự nhiên và tài nguyên vịnh Bắc Bộ. Nghiên cứu điều kiện kinh tế xã hội và thực trạng môi trường vịnh Bắc Bộ. Dự báo các điều kiện tương lai cho vịnh Bắc Bộ. Xây dựng phương án quy hoạch không gian biển vịnh Bắc Bộ. Tổ chức và giải pháp thực hiện quy hoạch không gian biển vịnh Bắc Bộ.

Số hồ sơ lưu: 18268

### **10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển**

79202. 12-2021. **Nghiên cứu xu hướng biến động nồng độ Ôzôn trong không khí tại một số khu vực của Việt Nam và đề xuất phương án lồng ghép vào mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia/** ThS. Trần Sơn Tùng, ThS. Mạc

Thị Minh Trà; TS. Dương Thành Nam; ThS. Lê Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Hữu Thắng; Cử nhân. Vương Như Luận; ThS. Lê Văn Quy; Cử nhân. Lương Thị Phương Thảo; ThS. Lê Thị Hương; Kỹ sư. Lưu Hải Đăng - Hà Nội - Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc, 2021 - 07/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu là sự kết hợp giữa các phương pháp thực nghiệm (tích hợp thiết bị đo, quan trắc thực nghiệm và sử dụng kết quả mô hình) để đánh giá xu hướng biến động nồng độ Ôzôn trong không khí. Tính sáng tạo của đề tài bằng việc xây dựng “Giải pháp tích hợp phục vụ việc đo đạc, xác định nồng độ Ôzôn trong không khí” (gọi tắt là “Giải pháp tích hợp đo Ôzôn”) để khắc phục dữ liệu nồng độ khí Ôzôn còn quá ít, chưa mang tính đại diện, đặc trưng và đầy đủ; số lượng trạm quan trắc nồng độ khí Ôzôn tản mạn và phân tán. Từ đó xác định xu hướng biến động nồng độ Ôzôn tầng mặt trong không khí ở một số khu vực tại Việt Nam. Đề xuất lồng ghép quan trắc Ôzôn vào chương trình quan trắc không khí thuộc mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 18388

### **10511. Khí hậu học**

78687. 12-2021. **Nghiên cứu sử dụng và phát huy tri thức địa phương trong chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu ở các vùng, miền nước ta/** TS. Phạm Tất Thắng, PGS. TS. Đoàn Minh Huân; TS. Phạm Việt Dũng; TS. Nguyễn Thúy Anh; TS. Nguyễn Trí Thức; TS. Vũ

Trường Giang; PGS. TS. Đậu Tuấn Nam; PGS. TS. Trần Đình Thao; ThS. Trần Thanh Hải; PGS. TS. Trần Hồng Hạnh - Hà Nội - Tạp chí Công sản, 2020 - 09/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn việc sử dụng và phát huy tri thức địa phương trong chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu ở các vùng miền nước ta; Tổng hợp kết quả khảo sát, nghiên cứu sử dụng và phát huy tri thức địa phương trong chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu ở các vùng, miền nước ta; Thiết kế và xây dựng, đánh giá thử nghiệm 05 mô hình sử dụng và phát huy tri thức địa phương trong chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật 05 mô hình về sử dụng và phát huy tri thức địa phương trong chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 18114

79543. 12-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học và giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo để nhận dạng, hỗ trợ dự báo và cảnh báo một số hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại Việt Nam/** ThS. Ngô Văn Mạnh, PGS.TS. Nguyễn Xuân Hoài; TS. Ban Hà Bằng; TS. Nguyễn Đăng Quang; KS. Vũ Trọng Thành; TS. Nguyễn Bá Thủy; TS. Võ Văn Hòa; ThS. Bùi Đình Lập; ThS. Lê Đại Thắng; KS. Vũ Duy Tiến - Hà Nội - Trung tâm Thông tin

và Dữ liệu Khí tượng thủy văn, 2020 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định, đưa ra cơ sở khoa học và giải pháp ứng dụng của AI để nhận dạng và dự báo một số hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại Việt Nam hiện nay. Từ đó, đề xuất và ứng dụng một số mô hình AI để nhận dạng và dự báo một số hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm gồm bão, mưa lớn diện rộng, không khí lạnh, lũ, nước biển dâng do bão. Đồng thời, tiến hành xây dựng hệ thống nhận dạng, hỗ trợ dự báo và cảnh báo một số hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm dựa trên mô hình AI phù hợp và bước đầu triển khai thử nghiệm trong dự báo nghiệp vụ.

Số hồ sơ lưu: 18621

### **10513. Thủy văn; Tài nguyên nước**

79610. 12-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học xác định bộ tiêu chí đánh giá rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước mặt nhằm đề xuất giải pháp điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tài nguyên nước cấp tỉnh, thử nghiệm cho quy hoạch tài nguyên nước của một tỉnh điển hình/** ThS. Bùi Đức Hiếu, ThS. Nguyễn Anh Tuấn; PGS.TS. Huỳnh Thị Lan Hương; TS. Nguyễn Thị Liễu; TS. Đỗ Tiến Anh; TS. Trần Mai Kiên; ThS. Nguyễn Văn Đại; ThS. Nguyễn Thanh Thảo; ThS. Võ Ngọc Dũng; ThS. Võ Đình Sức - Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2021 - 07/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và đề xuất bộ tiêu chí đánh giá rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước mặt và áp dụng với một tỉnh điển hình với 4 bộ tiêu chí, 12 chỉ số và 41 chỉ thị đánh giá. Bộ chỉ số được xây dựng theo cách tiếp cận mới của IPCC với các thành phần tạo nên rủi ro, bao gồm: Hiểm họa (Hazard), Độ phơi lộ (Exposure) và tính dễ bị tổn thương (Vulnerability). Áp dụng bộ chỉ số trên cơ sở sử dụng mô hình toán và số liệu thống kê tính để tính toán giá trị rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước mặt tỉnh ở tỉnh Quảng Ngãi. Kết quả tính toán rủi ro trong ở điểm hiện tại là 0,33 và tương lai theo kịch bản biến đổi khí hậu RCP 4.5 và RCP 8.5 (2016-2035) là 0,32 và 0,33; theo RCP 4.5 và RCP 8.5 (2046-2065) là 0,33 và 0,34 và được đánh giá ở mức thấp.

Số hồ sơ lưu: 18663

## 106. Sinh học

### 10602. Tế bào học, mô - phôi học

78636. 12-2021. **Nghiên cứu xây dựng công nghệ sản xuất sinh khối tế bào và rễ sâm Ngọc Linh in vitro/** TS. Nguyễn Hữu Hồ, PGS. TS. Trần Công Luận; PGS. TS. Nguyễn Văn Kết; TS. Nguyễn Thị Thanh; TS. Phan Tường Lộc; TS. Phạm Đức Trí; TS. Đỗ Đăng Giáp; TS. Bùi Đình Thạch; ThS. Trần Trọng Tuấn; KS. Nguyễn Đức Minh Hùng - Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2020 - 08/2012 - 02/2016. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ nuôi cấy mô tế bào, rễ in vitro và chiết xuất được hoạt chất từ

dây dược liệu Sâm Ngọc Linh (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv.) dùng làm nguyên liệu dược phẩm hoặc mỹ phẩm. Cải thiện được môi trường và điều kiện nuôi cấy mô tế bào và rễ sâm Ngọc Linh in vitro cho năng suất sinh khối và hoạt chất cao. Xây dựng quy trình chiết xuất hợp chất saponin từ mô tế bào và rễ in vitro cây Sâm Ngọc Linh.

Số hồ sơ lưu: 18094

### 10606. Sinh học phân tử

78631. 12-2021. **Nghiên cứu xác định protein mới tương tác chức năng với phức hợp Mus81-Mms4 trong quá trình phân giải các phân tử ADN trung gian tái tổ hợp/** TS. Phùng Thị Thu Hường, TS. Vũ Văn Vân; TS. Lê Văn Minh; TS. Nguyễn Hoàng Dũng; ThS. Nguyễn Lương Hiếu Hòa; CN. Trần Lê Phương Duy; CN. Trần Hồng Diễm - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2020 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành sàng lọc để tìm những protein mới có khả năng tăng cường hoạt tính endonuclease của Mus81-Mms4 trên cơ chất ADN ưa thích của nó in vitro. Phát hiện được protein mới có khả năng tương tác chức năng với Mus81-Mms4 trong quá trình phân giải các phân tử ADN tái tổ hợp trung gian. Xác định những tính chất và sự tương tác của các protein mới với Mus81-Mms4 nhằm làm rõ hơn vai trò của chúng trong con đường phân giải các phân tử ADN tái tổ hợp trung gian phụ thuộc Mus81.

Số hồ sơ lưu: 18092

78681. 12-2021. **Phát triển phần mềm mô phỏng ADN đa cấp nhằm ứng dụng trong thiết kế thuốc và mô hình tính toán Vật lý-Sinh học-Được học/ PGS. TS. Nguyễn Thế Toàn, ThS. Nguyễn Thị Nhung; PGS. TS. Trịnh Xuân Hoàng; GS. TS. Nguyễn Quang Báu; TS. Nguyễn Duy Huy; TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân; ThS. Vũ Văn Quyền; GS. TS. Paolo Carloni - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 01/2016 - 01/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Khảo sát các mô hình phân tử ADN nguyên tử (atomistic) và siêu nguyên tử (coarse-grain). Tìm được các tham số vật lý thích hợp để làm cầu nối khi thay đổi cấp độ mô phỏng nguyên tử sang siêu nguyên tử và ngược lại. Nghiên cứu thuật toán để điều chỉnh các tham số của cấu hình siêu nguyên tử một cách “live” trong quá trình mô phỏng tùy vào hệ mô phỏng cụ thể. Xây dựng phần mềm để hỗ trợ mô phỏng cấu trúc ADN đa cấp. Tạo được hình ảnh 3D động của các cấu trúc ADN với nhau, với các chất thuốc, hoặc với các phân tử protein hoặc các phân tử khác, góp phần tiên đoán, thiết kế chất thuốc chữa bệnh.

Số hồ sơ lưu: 18104

### **10609. Di truyền học**

78638. 12-2021. **Phát hiện và đánh giá chức năng của một số gen mã hóa cho cytochrome P450 bền nhiệt từ quần xã vi sinh vật suối nước nóng Bình Châu, Việt Nam/ TS. Nguyễn Kim Thoa, PGS. TS.**

Trần Đình Mẫn; TS. Nguyễn Cường; TS. Hoa Thị Minh Tú; ThS. Lê Thị Thanh Xuân; ThS. Trần Thanh Thủy; ThS. Trần Thị Hoa - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2019 - 03/2015 - 03/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở dữ liệu về DNA metagenome của vi sinh vật ở suối nước nóng Bình Châu, Bà Rịa, Vũng Tàu, Việt Nam. Thu nhận một số cụm gen mã hóa cho cytochrome P450 bền nhiệt từ DNA metagenome của suối nước nóng Bình Châu. Xây dựng hệ thống biểu hiện cytochrome P450 bền nhiệt trong toàn bộ tế bào E. coli. Đánh giá được tính chất của enzyme và chức năng chuyển hóa một số loại cơ chất của các enzyme cytochrome P450 thu nhận được.

Số hồ sơ lưu: 18095

### **10611. Thực vật học**

79617. 12-2021. **Kết hợp phương pháp sinh học phân tử và hình thái trong nghiên cứu vị trí phân loại của các họ trong phân lớp Hoa môi (Lamiidae) ở Việt Nam/ PGS.TS. Trần Thế Bách, ThS. Đỗ Văn Hải; TS. Bùi Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; ThS. Bùi Hồng Quang; CN. Doãn Hoàng Sơn - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Giải mã một số vùng gen (ITS) và lục lạp (matK, rbcL) của các taxon đại diện cho các nhóm phân chia thuộc phân lớp Hoa môi. Xác định các đặc điểm hình thái để xây dựng ma trận đặc điểm hình thái cho

các taxon nghiên cứu. Xây dựng sơ đồ mối quan hệ gần gũi có thể của các nhóm taxon trong phân lớp Hoa môi dựa trên các trình tự gen đã phân tích, các đặc điểm hình thái và dựa trên sự tổ hợp dữ liệu của các trình tự gen và đặc điểm hình thái. Giải mã một số vùng gen nhân (ITS) và lục lạp (matK, rbcL) của các taxon bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam, các loài mới cho khoa học, tổ hợp tên mới, một số loài quý hiếm, một số loài có giá trị sử dụng quan trọng trong phân lớp Hoa môi.

Số hồ sơ lưu: 18670

### **10613. Sinh học biển và nước ngọt**

78435. 12-2021. **Nghiên cứu các hợp chất thiên nhiên có hoạt tính sinh học từ một số loài thực vật vùng ngập mặn ven biển Việt Nam/** TS. Trần Thị Phương Thảo, ThS. Nguyễn Thế Anh; CN. Phạm Thị Ninh; CN. Đào Đức Thiện; CN. Nguyễn Thị Lưu; ThS. Hồ Ngọc Anh; PGS. TS. Trịnh Thị Thủy - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2020 - 03/2013 - 09/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, phát hiện các hợp chất thiên nhiên có hoạt tính sinh học cao từ nguồn thực vật vùng ngập mặn ven biển của Việt Nam theo hướng sử dụng trong y sinh học, nông nghiệp và bảo vệ môi trường. Đề xuất khả năng bảo tồn, phát triển và khai thác bền vững, ứng dụng các loài thực vật này để sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng, phục vụ nông nghiệp...

Số hồ sơ lưu: 17870

## **2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ**

### **201. Kỹ thuật dân dụng**

#### **20102. Kỹ thuật xây dựng**

77722. 12-2021. **Nghiên cứu sử dụng tro bay nguyên khai nhà máy nhiệt điện Hải Phòng làm phụ gia khoáng cải thiện tính chất bê tông khối lớn/** PGS.TS Phạm Toàn Đức, TS Nguyễn Đức Lợi; KS Ngô Văn Đạt; TS Đỗ Trọng Quang; ThS Nguyễn Quang Tuấn; ThS Bùi Trường Giang; ThS Hoàng Hiếu Nghĩa; ThS Ngô Thị Mỹ Hạnh - Hải Phòng - Công ty Cổ phần Liên doanh bê tông Thành Hưng, 2020 - 05/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về tro bay, đặc tính của tro bay nguyên khai nhà máy nhiệt điện Hải Phòng và thực trạng việc ứng dụng tro bay làm phụ gia khoáng trong bê tông khối lớn. Nghiên cứu thiết kế 03 công thức cấp phối bê tông M300, M350, M400 sử dụng tro bay nguyên khai nhà máy nhiệt điện Hải Phòng làm phụ gia khoáng để cải thiện tính chất bê tông khối lớn. Nghiên cứu xây dựng các quy trình sản xuất, thi công và bảo dưỡng bê tông khối lớn sử dụng tro bay nguyên khai nhà máy nhiệt điện Hải Phòng làm phụ gia khoáng. Sản xuất thử nghiệm 1000m<sup>3</sup> bê tông khối lớn và tiến hành thi công, bảo dưỡng theo quy trình đã xây dựng tại 03 công trình. Đánh giá hiệu quả kinh tế.

Số hồ sơ lưu: HPG.2020.007



**20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị**

79218. 12-2021. **Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn, thử nghiệm và hoàn thiện hệ thống thu thập dữ liệu chỉ số (KPI) đô thị thông minh/** ThS. Đỗ Mạnh Hùng, TS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Hoàng Thị Thu; ThS. Hoàng Xuân Sơn; ThS. Lê Thị Hà; ThS. Đỗ Văn Hanh; ThS. Phạm Thị Thanh Thủy - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021 - 02/2020 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng các tài liệu hướng dẫn các chính quyền đô thị sử dụng hệ thống phần mềm tính toán và quản lý bộ chỉ số KPI đô thị thông minh. Thu thập dữ liệu, thử nghiệm tính toán bộ chỉ số KPI tại các đô thị, đưa ra báo cáo và phân tích kết quả thu được. Trên cơ sở thực tế thu thập và tính toán bộ chỉ số KPI tại các đô thị, phần này của đề tài đưa ra phân tích các khó khăn trong việc áp dụng bộ chỉ số KPI phiên bản 1.0 trong thực tế. Phân tích và thiết kế các tính năng phần mềm cần cập nhật để phục vụ hoạt động thu thập và tính toán bộ chỉ số KPI của các đô thị dễ dàng và phù hợp điều kiện thực tế. Nghiên cứu cập nhật tình hình và xu thế ứng dụng các bộ chỉ số đô thị thông minh trên thế giới. Đề xuất các nội dung hoàn thiện bộ chỉ số KPI phiên bản 1.0

Số hồ sơ lưu: 18398

**20104. Kỹ thuật giao thông vận tải**

78434. 12-2021. **Nghiên cứu, đánh giá đề xuất giải pháp giảm thiểu rủi ro trong giai đoạn thực hiện dự án xây dựng các tuyến đường sắt đô thị trong điều kiện**

**Việt Nam/** ThS. Đinh Văn Tuấn, ThS. Trần Thị Uyên; CN. Nguyễn Thị Tú Châm; ThS. Phạm Hạnh Quyên; ThS. Đoàn Thị Thu Trang; TS. Lê Công Thành; ThS. Bùi Văn Mạnh; ThS. Trần Mạnh Thường; ThS. Nguyễn Minh Tú; KS. Nguyễn Xuân Phương - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2019 - 03/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý luận khoa học, kinh nghiệm quốc tế và Việt nam về rủi ro và quản lý rủi ro tại các dự án công trình giao thông nói chung và các dự án đường sắt đô thị nói riêng. Đưa ra các khuyến nghị về rủi ro và quản lý rủi ro để đạt được các mục tiêu: Tổng quan và cơ sở lý luận về rủi ro và quản lý rủi ro trong giai đoạn thực hiện dự án xây dựng cơ sở GTVT nói chung và các dự án đường sắt đô thị nói riêng. Đánh giá thực trạng các dự án đường sắt đô thị tại Việt Nam. Đánh giá các nguyên nhân chính dẫn tới rủi ro tại các dự án đường sắt đô thị và đưa ra giải pháp khắc phục. Thu thập các số liệu, hình ảnh minh họa về rủi ro khi thi công các dự án đường sắt đô thị, phân tích làm rõ các yếu tố tác động tới rủi ro khi thực hiện dự án.

Số hồ sơ lưu: 16646

78688. 12-2021. **Nghiên cứu áp dụng các giải pháp kết cấu và công nghệ tiên tiến trong chế tạo dầm bê tông cốt thép dự ứng lực giản đơn chiều cao thấp có nhịp lớn đến 50m/** TS. Phùng Bá Thắng, ThS. Nguyễn Hữu Giang; PGS. TS. Đặng Gia Nải; ThS. Nguyễn Tiến Hưng; TS. Đặng Việt Đức; TS. Ngô Quốc

Trình; TS. Hoàng Vũ; ThS. Nguyễn Thanh Hưng; PGS. TS. Nguyễn Hữu Hưng; TS. Nguyễn Quang Huy; ThS. Đào Quang Huy; TS. Lại Văn Anh - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2020 - 04/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Công nghệ chế tạo dầm định hình cải tiến vẫn giữ nguyên công nghệ chế tạo các loại dầm truyền thống trong đó có yêu cầu về vật liệu, các công tác thi công chính, kiểm tra, đánh giá chất lượng và nghiệm thu dầm. Điểm mới trong công nghệ này là bổ sung bản thép ở vùng nén phải đảm bảo sự liên hợp với bê tông dầm. Đề xuất các giải pháp kết cấu và công nghệ chế tạo cho hai loại dầm khẩu độ lớn 45 và 50m. Tiết diện dầm có thể sử dụng mặt cắt chữ I với bản bê tông mặt cầu đổ sau hoặc mặt cắt chữ T và có thi công mối nối. Đề xuất cải tiến các dầm định hình truyền thống I33m, I42m trên cơ sở bổ sung cốt cứng vào vùng chịu nén của dầm, hai giải pháp kết cấu là sử dụng tiết diện chữ I bản mặt cầu đổ sau và giải pháp sử dụng tiết diện dầm dạng chữ T.

Số hồ sơ lưu: 18103

### **20105. Kỹ thuật thủy lợi**

79582. 12-2021. **Nghiên cứu quá trình xói lở, bồi tụ dải bờ biển, cửa sông từ Quảng Bình đến Thừa Thiên-Huế, có xét tới ảnh hưởng của các tác động từ thượng nguồn và đề xuất giải pháp ổn định.**/ PGS.TS. Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; PGS.TS. Trương Văn Bốn; PGS.TS. Trịnh Việt An; PGS.TS. Trần Thanh

Tùng; PGS.TS. Đỗ Minh Đức; TS. Nguyễn Thanh Hoàn; TS. Phạm Quang Sơn; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Nguyễn Thành Luân; ThS. Vũ Đình Cương; KS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Vũ Lê Minh; ThS. Thái Minh Hương; ThS. Nguyễn Bảo Khương; TS. Nguyễn Hoàng Minh - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực sông biển, 2021 - 10/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá quá trình diễn biến cửa sông ven biển khu vực Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế và tác động của nó đến phát triển kinh tế vùng. Thiết lập bộ công cụ mô hình tính toán, mô phỏng các quá trình thủy động lực, vận chuyển bùn cát và biến động hình thái vùng cửa sông, bờ biển. Xác định nguyên nhân, cơ chế và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xói lở, bồi tụ vùng cửa sông, bờ biển từ Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế. Dự báo diễn biến vùng cửa sông, ven biển từ Quảng Bình đến Thừa Thiên -Huế, ứng với kịch bản khai thác thượng nguồn trong kế hoạch trung, dài hạn có xét tới ảnh hưởng biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đề xuất giải pháp tổng thể phòng chống xói lở, bồi tụ nhằm ổn định vùng cửa sông, ven bờ từ Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội và thiết kế cơ sở công trình bảo vệ, tôn tạo cho một khu vực điển hình.

Số hồ sơ lưu: 18660

### **20106. Kỹ thuật địa chất công trình**

79492. 12-2021. **Nghiên cứu nguồn gốc hình thành trữ lượng**

**khai thác nước dưới đất trong các cồn cát ven biển và đề xuất giải pháp khai thác sử dụng bền vững phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Nam sông Hậu/** ThS. Tăng Hữu Đông, ThS. Nguyễn Tiến Bách; ThS. Đoàn Văn Long; ThS. Bùi Công Du; ThS. Nguyễn Văn Cường; ThS. Trần Đức Quang; ThS. Trần Thị Thùy Dương; Kỹ sư. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Nguyễn Đình Thanh; ThS. Lê Thanh Tùng; ThS. Lương Thị Thúy Chinh - Hà Nội - Trung tâm Giám sát tài nguyên nước và Hỗ trợ phát triển lưu vực sông (tiền thân là Trung tâm Công nghệ tài nguyên nước), 2020 - 03/2020 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về các phương pháp nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam về nguồn gốc và điều kiện hình thành trữ lượng khai thác nước dưới đất trong cồn cát ven biển. Nghiên cứu các nhân tố tự nhiên và nhân tạo ảnh hưởng đến đến nước dưới đất trong cồn cát ven biển khu vực Nam sông Hậu. Nghiên cứu cấu trúc địa chất và đặc điểm địa chất thủy của các cồn cát ven biển khu vực nghiên cứu. Nghiên cứu đánh giá nguồn gốc, điều kiện hình thành trữ lượng khai thác nước dưới đất trong cồn cát. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trong cồn cát bền vững phục vụ phát triển kinh tế xã hội ven biển khu vực Nam sông Hậu.

Số hồ sơ lưu: 18608

79518. 12-2021. **Nghiên cứu cấu trúc địa chất và các điều kiện hình thành khí Hydrat ở vùng**

**nước sâu thềm lục địa miền Trung và Đông Nam Bộ Việt Nam/** TS. Nguyễn Thanh Tùng, TS. Lê Chi Mai; TS. Vũ Trường Sơn; TS. Nguyễn Thu Huyền; TS. Đoàn Huy Hiên; TS. Hoàng Ngọc Đăng; TS. Phùng Văn Phách; TS. Phạm Thanh Liêm; TS. Bùi Việt Dũng; ThS. Nguyễn Hoàng Sơn - Hà Nội - Viện dầu khí Việt Nam, 2020 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập, tổng hợp và đánh giá các dữ liệu địa chất, địa vật lý, kết quả khoan và các thông tin địa chất liên quan đến sự tồn tại của khí hydrate trên thế giới nói chung và tại khu vực nước sâu thềm lục địa miền Trung và Đông Nam Bộ Việt Nam nói riêng. Xử lý, liên kết tài liệu địa chấn nhằm nâng cao chất lượng tài liệu, đồng thời làm rõ các cấu trúc tiềm năng có khả năng tích tụ khí Hydrat trong khu vực nghiên cứu. Nghiên cứu cấu trúc, kiến tạo và địa động lực hiện đại nhằm xác định các thể địa chất có dấu hiệu tồn tại khí Hydrat. Đặc điểm tướng đá và môi trường trầm tích. Khoanh vùng các cấu trúc tiềm năng và dự báo sự tồn tại khí hydrate trong khu vực nghiên cứu. Xây dựng định hướng nghiên cứu và đề xuất giải pháp triển khai công tác điều tra, đánh giá tài nguyên khí Hydrat trong khu vực nghiên cứu

Số hồ sơ lưu: 18588

### **20199. Kỹ thuật dân dụng khác**

79315. 12-2021. **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo phom giầy phù hợp với bàn chân người Việt Nam/** CN. Hoàng Thị Hồng, CN. Nguyễn Thị Phương Hoa; CN. Lưu Toàn

Năng; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Trần Ngọc Sơn - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Da - Giấy, 2021 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về hiện trạng, công nghệ chế tạo phom giấy tại Việt Nam. Xây dựng bộ thông số phom giấy cho các loại phom nam, nữ cho các loại giấy khác nhau. Thiết lập các thông số phom giấy nam theo các kích thước tương ứng của bàn chân. Xây dựng hệ thống cỡ số phom giấy nam. Thiết lập các thông số phom giấy nữ theo các kích thước tương ứng của bàn chân. Xây dựng hệ thống cỡ số phom giấy nữ. Ứng dụng phần mềm thiết kế phom để thiết kế phom giấy chuẩn cho giày da nam, nữ. Chế tạo phom giấy và đánh giá chất lượng phom giấy. Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế và xây dựng phương án phát triển sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 18478

79316. 12-2021. **Nghiên cứu công nghệ sản xuất da chống thấm nước (waterproof) đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.**/ ThS. Phạm Phú Dũng, ThS. Phạm Phú Dũng; KS. Nguyễn Hồng Sơn; KS. Nguyễn Thành Lam; KS. Phạm Đức Anh; Mai Anh Tuấn - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Da - Giấy, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về sản phẩm da chống thấm nước và thực trạng ứng dụng sản phẩm da chống thấm nước tại Việt Nam. Nghiên cứu lựa chọn công nghệ sản xuất da chống thấm nước. Thực nghiệm, đánh giá và hiệu chỉnh quy trình công nghệ sản

xuất da chống thấm nước. Sản xuất thử nghiệm da chống thấm nước để sản xuất da mũi giày đảm bảo tiêu chí thấm nước theo ISO 17702. Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế và đề xuất phương án phát triển sản phẩm và ứng dụng công nghệ trong thực tế.

Số hồ sơ lưu: 18479

## **202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin**

### **20201. Kỹ thuật điện và điện tử**

78684. 12-2021. **Nghiên cứu đầu tư nâng cấp làm chủ dây chuyền công nghệ, thiết kế, sản xuất hợp bộ máy biến áp phòng nổ công suất đến 1250 kVA, sử dụng trong khai thác than hầm lò và các công trình ngầm.**/ KS. Lê Anh Thúc, KS. Phạm Văn Phụng; KS. Phạm Xuân Trường; KS. Nguyễn Văn Ân; KS. Phạm Trọng Phương; KS. Đặng Quang Tiên; KS. Vũ Lương Đông; KS. Vũ Thị Thu Hương; KS. Đào Thanh Quảng; KS. Nguyễn Hùng Thi; KS. Lê Văn Bảy; KS. Nguyễn Mạnh Tín; KS. Trần Văn Chín; KTV. Đặng Văn Quảng, Kỹ sư. Phạm Tiến Dũng; KS. Bùi Cẩm Hưng; KS. Trịnh Tiến Cảnh; KS. Bùi Mạnh Đông; KS. Phạm Ngọc Đạm; KS. Trần Duy Phương; CN. Hoàng Thị Thu; CN. Tô Thị Hải Yến - Quảng Ninh - Công ty Cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả (VEE), 2020 - 10/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế hợp bộ trạm biến áp phòng nổ công suất 630kVA, 800kVA, 1000kVA và 1250kVA. Xây dựng quy trình công

nghe chế tạo hợp bộ MBA công suất 630kVA, 800kVA, 1000kVA và 1250kVA. Chế tạo MBA phòng nổ công suất

630kVA, 800kVA, 1000kVA và 1250kVA. Đầu tư làm chủ dây chuyền công nghệ chế tạo MBA phòng nổ công

suất 630kVA, 800kVA, 1000kVA và 1250kVA, với số lượng 100 máy/tháng và có thể mở rộng nâng cao công suất khi nhu cầu thị trường tăng cao. Đào tạo được lực lượng cán bộ nghiên cứu và đội ngũ kỹ sư chuyên về tính toán, thiết kế MBA phòng nổ trong nước.

Số hồ sơ lưu: 18110

79251. 12-2021. **Tính chất truyền tải và định xứ sóng trong hệ mất trật tự thấp chiều/** TS. Nguyễn Bá Phi, TS. Phùng Duy Khương; TS. Đặng Hữu Định; ThS. Hồ Thị Thân - Phú Yên - Trường đại học xây dựng miền Trung, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu ảnh hưởng kết hợp của sự có mặt đồng thời của tính mất trật tự và tính không Hermite lên sự lan truyền và định xứ sóng trong môi trường phức hợp. Nghiên cứu sự định xứ sóng trong các hệ thấp chiều trong sự có mặt của tính tương quan không gian tầm xa và tầm gần trong hàm phân bố của thế mất trật tự ảo (nghĩa là gain/loss được phân bố một cách ngẫu nhiên trong hệ). Nghiên cứu ảnh hưởng kết hợp của sự có mặt đồng thời của tính mất trật tự và từ trường lên tính chất định xứ của các trạng thái riêng của các điện tử

(không tương tác) chuyển động trong một vòng kín.

Số hồ sơ lưu: 18403

**20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v.) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..**

78589. 12-2021. **Nghiên cứu thiết kế tích hợp hệ thống giám sát, điều hành giao thông thủy áp dụng thí điểm tại trạm quản lý đường sông cầu Đuống/** ThS. Hoàng Hồng Giang, ThS. Trương Trọng Doanh; PGS. TS. Nguyễn Việt Thanh; TS. Bùi Ngọc Dũng; ThS. Nguyễn Văn Loan; KS. Nguyễn Việt Thắng; ThS. Lê Tùng Anh; KS. Nguyễn Thị Hạnh - Hà Nội - Cục đường Thủy Nội địa Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết lập hệ thống phần mềm giám sát và điều tiết giao thông đường thủy trên cơ sở tích hợp các thông số đầu vào từ radar, camera, trạm bờ AIS, trạm đo mực nước,... phục vụ giám sát và điều hành giao thông thủy, áp dụng thí điểm tại trạm quản lý đường sông cầu Đuống. Góp phần làm chủ công nghệ, tích hợp hệ thống giám sát và điều tiết giao thông, từng bước thay thế các trạm điều tiết đảm bảo an toàn giao thông sử dụng lao động thủ công bằng các trạm giám sát tự động giao thông thủy.

Số hồ sơ lưu: 17862

78645. 12-2021. **Thiết kế, chế tạo bộ thực hành cơ bản và nâng cao sử dụng vi điều khiển phục vụ đào tạo nghề Điện tử công nghiệp/**

ThS. Nguyễn Đức Thọ, ThS. Nguyễn Đức Thọ; ThS. Nguyễn Ngọc Linh; ThS. Lê Văn Dũng; ThS. Nguyễn Vi Mai; ThS. Chu Đức Khoan; ThS. Vũ Trọng Trường - Hà Nội - Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ, 2020 - 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế, chế tạo bộ Thực hành cơ bản và nâng cao sử dụng vi điều khiển phục vụ đào tạo nghề điện tử công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả học tập và rèn luyện kỹ năng thực hành cho học sinh, sinh viên trong quá trình học tập chuyên ngành điện tử từ cơ bản đến nâng cao, từ sơ cấp đến cao đẳng và đào tạo chuyên sâu về vi điều khiển tiến tới đào tạo về công nghệ 4.0: điều khiển qua Wifi (ESP8266), Bluetooth (HC06) và điều khiển qua điện thoại (Sim800L).

Số hồ sơ lưu: 18099

79277. 12-2021. **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống Camera có tính bảo mật cao/** TS. Phạm Hùng Mạnh, KS. Đào Thị Hương; KS. Đào Văn Mạnh; ThS. Vũ Văn Sang; KS. Nguyễn Tuấn Anh; KS. Vũ Duy Thực; KS. Nguyễn Anh Tuấn; KS. Trần Văn Mỹ; KS. Vũ Văn Biên; KS. Phạm Việt Hà; KS. Vũ Ngọc Khuê; KS. Nguyễn Văn Bình; KS. Ngô Văn Mạnh; KS. Nguyễn Mạnh Thảo; KS. Lê Xuân Sơn; KS. Trần Xuân Chiến; ThS. Lê Việt Hà; ThS. Phạm Minh Thái; TS. Phạm Nguyễn Thanh Loan; TS. Tạ Thị Kim Huệ; KS. Nguyễn Văn Quyết; KS. Nguyễn Đức Mạnh; TS. Lê Dũng - Hà Nội - Công ty Cổ phần Công nghệ Công

ng nghiệp Bưu chính Viễn thông (VNPT Technology), 2021 - 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển hệ thống camera có tính bảo mật cao phục vụ Chính phủ điện tử đảm bảo an ninh an toàn thông tin. Làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo phần cứng, phát triển phần mềm nhúng (firmware) và phần mềm quản lý camera. Nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ, thuật toán xử lý phân tích video thông minh (phát hiện vùng xâm nhập và phát hiện vượt hàng hàng ảo) giúp phát hiện sự kiện bất thường và gửi cảnh báo kịp thời, nâng cao hiệu quả của việc giám sát an ninh.

Số hồ sơ lưu: 18481

79448. 12-2021. **Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm trợ lý ảo (AI Chatbot) hỗ trợ người dân sử dụng các dịch vụ hành chính công trực tuyến 4 cấp/** TS. Ngô Quốc Dũng, ThS. Trần Lê Anh; ThS. Đặng Văn Tùng; TS. Đào Thuý Quỳnh; Kỹ sư. Nguyễn Hồng Nhung; ThS. Đỗ Trung Anh; Cử nhân. Nguyễn Việt Dũng - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2020 - 01/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Với mô hình tập trung dịch vụ công trực tuyến và không phân tán ra từng Sở/Ban/Ngành; cổng dịch vụ công trực tuyến các Tỉnh là đầu mối duy nhất cho phép người dân, doanh nghiệp, tổ chức tìm kiếm thông tin, nộp hồ sơ trực tuyến, theo dõi tiến độ xử lý và nhận thông báo trả kết quả thông qua Cổng thông tin điện tử của chính quyền. Đó đó, để có thể tập trung nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm nền tảng trợ lý ảo thông

minh hỗ trợ các thủ tục dịch vụ hành chính công 4 cấp, nhóm nghiên cứu khu trú phạm vi nghiên cứu như sau:

- Hệ thống trợ lý ảo thông minh được xây dựng trên nền tảng Web và được cung cấp dưới dạng API (Application Programming Interface) cho phép tích hợp dễ dàng vào công thông tin các Tỉnh khi có yêu cầu.
- Hệ thống trợ lý ảo thông minh được xây dựng với các thuật toán xử lý ngôn ngữ tự nhiên và đưa ra các câu trả lời dưới dạng văn bản (Text).
- Hệ thống trợ lý ảo thông minh trong khuôn khổ đề tài này được xây dựng với tập câu hỏi/câu trả lời chung cho các dịch vụ công của Sở Thông tin và Truyền thông.

Số hồ sơ lưu: 18596

79453. 12-2021. **Khai thác sáng chế trong lĩnh vực xử lý và nhận dạng ảnh nhằm ứng dụng giám sát, cảnh báo cháy**/ TS. Phạm Ngọc Pha, Cử nhân. Đỗ Thị Quỳnh Anh; TS. Nguyễn Trọng Hiếu; ThS. Trương Nguyệt Ánh; Kỹ sư. Nguyễn Công Đức; Kỹ sư. Nguyễn Mạnh Hùng; Cử nhân. Hà Thị Hoài Thương; TS. Phạm Minh Triển; TS. Trần Quốc Long; ThS. Lê Thanh Phúc - Hà Nội - Viện Nghiên cứu sáng chế và khai thác công nghệ, 2020 - 01/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở thực tiễn các yêu cầu về công tác quản lý và giám sát tình trạng các tòa nhà cao tầng, Viện Nghiên cứu sáng chế và Khai thác công nghệ, Bộ KH-CN đã được giao nhiệm vụ nghiên cứu và giải mã thành công sáng chế về cảnh báo cháy để ứng dụng trong quản lý

giám sát các tòa nhà cao tầng ở Việt Nam theo thời gian thực. Việc chủ động, tự xây dựng được hệ thống giám sát các tòa nhà có ý nghĩa rất lớn trong quản lý tại các thành phố nói riêng và nói chung trên cả nước. Tài liệu này giới thiệu về sự hình thành đề tài, mục tiêu, chi tiết các nội dung nghiên cứu đã triển khai, các kết quả đã đạt được và khả năng áp dụng kết quả đề tài vào thực tiễn.

Số hồ sơ lưu: 18594

79584. 12-2021. **Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ in 3D trong thiết kế thời trang**/ ThS. Nguyễn Thị Thanh Huệ, TS. Tạ Văn Cảnh; ThS. Phí Thị Huyền; ThS. Lê Thái Sơn; ThS. Nguyễn Thị Hồng Liên; ThS. Đinh Thị Thanh Huyền; ThS. Phạm Thị Oanh - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về công nghệ 3D, công nghệ in 3D trong thiết kế thời trang. Thực trạng ứng dụng công nghệ thiết kế 3D, công nghệ in 3D trong thiết kế thời trang tại một số doanh nghiệp may, thời trang. Quy trình chuyển mẫu thiết kế trên phần mềm thiết kế 3D và 2D. Ứng dụng công nghệ in 3D in sản phẩm thời trang và phương án chuyển giao công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 18647

79904. 12-2021. **Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tuyến biên giới Việt - Trung trên địa bàn tỉnh Lai Châu**/ ThS Vũ Hữu Long, ThS. Vũ Hữu Long; ThS. Nguyễn Phúc Hải; TS. Phạm Việt Hòa; TS. Phạm Thanh

An; ThS. Nguyễn Vũ Giang; TS. Trần Minh Ý; ThS. Lê Quang Toàn; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; ThS. Phạm Việt Hồng; ThS. Huỳnh Xuân Quang - Hà Nội - Viện Công nghệ Vũ trụ, 2019 - 08/2016 - 01/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Công tác giám sát, quản lý tuyến biên giới đòi hỏi phải có cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác, nắm chắc các vấn đề liên quan tới biên giới như vị trí các cột mốc quốc gia, các vật chuẩn để xác định đường biên giới, tình hình dân cư, địa hình, địa vật, tài nguyên, môi trường hai bên. Nguyên nhân, diễn biến, kết quả phải được lập hồ sơ đầy đủ, chính xác theo ngày tháng, vị trí khu vực phát sinh, phân loại nội dung vụ việc hỗ trợ cho việc theo dõi, quản lý, tra cứu và tham mưu cho cấp trên. Cho đến nay, nhiều nội dung, công tác nghiệp vụ quản lý biên giới vẫn được thực hiện thủ công, quản lý rời rạc, không có sự liên kết giữa tư liệu, văn bản, dữ liệu tuân tra biên giới với cơ sở dữ liệu địa lý. Do vậy, cho dù việc lưu trữ dữ liệu được tổ chức một cách khoa học, theo từng chủ đề thì việc tìm kiếm, tra cứu, lập báo cáo hoặc chiết suất các thông tin mới từ các dữ liệu ban đầu rất khó khăn, tốn nhiều thời gian, công sức, nhiều khi không đáp ứng được yêu cầu về thời gian và độ chính xác trong công tác quản lý, theo dõi và tham mưu, báo cáo. Công nghệ GIS và viễn thám hiện nay đã cho phép tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu dạng số về địa hình, hiện trạng, tự nhiên, kinh tế xã hội của khu vực, và ảnh vệ tinh, ảnh máy bay, ảnh chụp trong cơ sở dữ

liệu quản lý đồng bộ. Việc xây dựng được một cơ sở dữ liệu địa lý về tuyến biên giới và hệ thống các cột mốc biên giới chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ứng dụng công nghệ địa tin học sẽ giúp các cơ quan chức năng liên quan nắm chắc, quản chặt hệ thống mốc biên giới quốc gia, đảm bảo an ninh - quốc phòng, ổn định chính trị và phát triển kinh tế vùng biên. Đặc biệt, với các tiện ích được phát triển riêng, có khả năng lưu trữ, tra cứu, cập nhật, tích hợp cơ sở dữ liệu văn bản với cơ sở dữ liệu địa lý sẽ là công cụ hỗ trợ hữu hiệu cho công tác nghiệp vụ quản lý biên giới có ý nghĩa thực tiễn cao, có thể áp dụng cho các tỉnh vùng biên giới khác trong cả nước trong đó có tỉnh Lai Châu.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-003

#### **20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông**

79057. 12-2021. **Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm nền tảng chia sẻ dữ liệu cho đô thị thông minh ở Việt Nam/** ThS. Đỗ Văn Hanh, TS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Hoàng Xuân Sơn; ThS. Bùi Thị Vân Anh; CN. Lê Thị Hà - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021 - 02/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về nền tảng chia sẻ dữ liệu trong đô thị thông minh. Kinh nghiệm, mô hình nền tảng chia sẻ dữ liệu cho đô thị thông minh trên thế giới, thực trạng chia sẻ dữ liệu trong đô thị thông minh ở Việt Nam và đề xuất mô hình nền tảng chia sẻ dữ liệu cho đô thị



thông minh ở Việt Nam. Xây dựng nền tảng chia sẻ dữ liệu cho đô thị thông minh ở Việt Nam và thử nghiệm nhằm đánh giá khả năng của hệ thống công dữ liệu mở về sự ổn định của hệ thống cũng như tính phù hợp của các chức năng đối với từng đối tượng tham gia vào hệ thống công dữ liệu.

Số hồ sơ lưu: 18258

79059. 12-2021. **Nghiên cứu về chia sẻ dữ liệu phục vụ xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam/** ThS. Hoàng Xuân Sơn, ThS. Đỗ Văn Hanh; KS. Lê Thị Hà; ThS. Hoàng Thị Thu - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021 - 02/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về chia sẻ dữ liệu trong đô thị thông minh. Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu chia sẻ dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở Việt Nam. Xu hướng và kinh nghiệm về chia sẻ dữ liệu cho đô thị thông minh trên thế giới. Đề xuất các giải pháp về chia sẻ dữ liệu phục vụ xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18260

79199. 12-2021. **Nghiên cứu phát triển ứng dụng đào tạo, bồi dưỡng về thông tin và truyền thông trên thiết bị di động/** TS. Đinh Đức Thiện, ThS. Nguyễn Văn Long; ThS. Lê Ngọc Bảo; ThS. Trần Anh Tuấn; ThS. Phạm Hải Tâm; ThS. Hà Thị Huệ; Cử nhân. Lê Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy; Cử nhân. Lưu Thị Nhàn; ThS. Dương Thị Tuyết Nhung; Cử nhân. Phan Thanh Đồng; ThS. Đoàn

Hoàng Tùng - Hà Nội - Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ quản lý Thông tin và Truyền thông, 2020 - 02/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về vai trò, thực trạng và xu hướng của hoạt động đào tạo trực tuyến nói chung cũng như tại Trường Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ quản lý Thông tin và Truyền thông. Nghiên cứu, lựa chọn mô hình ứng dụng đào tạo, bồi dưỡng về thông tin và truyền thông trên thiết bị di động ứng dụng cho Trường. Đánh giá kết quả về đề xuất phương án thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 18391

79205. 12-2021. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ điện toán biên (Mobile Edge Computing) cho triển khai 5G tại MobiFone/** TS. Mai Hồng Anh, TS. Lê Minh Tuấn; TS. Lê Xuân Chiên; ThS. Hà Trọng Thủy; Kỹ sư. Nguyễn Xuân Tình - Hà Nội - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone, 2020 - 05/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nội dung báo cáo bao gồm 3 phần chính như sau: Tổng quan về điện toán biên di động. Hiện trạng triển khai MEC. Nhu cầu và giải pháp triển khai MEC cho mạng 5G tại Việt Nam và MobiFone. Từ những đặc điểm của MEC giới thiệu trong Chương 1 và phân tích hiện trạng cũng như nhu cầu triển khai MEC tại Việt Nam, đặc biệt là tại MobiFone, trong Chương 3, một số ứng dụng MEC được đề xuất triển khai cho MobiFone được trình bày trong phần này. Các yêu cầu cho triển khai MEC đối với từng ứng dụng cũng được giới thiệu dựa theo tài liệu công bố bởi ETSI. Phần Kết

lược và hướng phát triển đề tài tổng hợp lại các nội dung chính của đề tài và đưa ra một số hướng phát triển đề tài trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 18396

79213. 12-2021. **Nghiên cứu, xây dựng các yêu cầu và phương pháp đo chất lượng mạng 5G ứng dụng tại MobiFone/** TS. Ngô Vũ Đức, TS. Nguyễn Đức Toàn; ThS. Phùng Khắc Hải; ThS. Nguyễn Quang Huy; ThS. Lê Hùng Tứ; Kỹ sư. Bùi Văn Việt; Kỹ sư. Nguyễn Trọng Vinh - Hà Nội - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone, 2020 - 05/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về công nghệ 5G, đặc điểm kỹ thuật, xu hướng phát triển mạng 5G trên thế giới. Tìm hiểu, nghiên cứu các tiêu chuẩn 3GPP về thiết bị trạm gốc 5G băng tần C, về chất lượng dịch vụ. Nghiên cứu, xây dựng các bài đo chất lượng mạng 5G cho trạm gốc 1-C, 1-H hoạt động trên băng tần C. Phân tích, đánh giá kết quả của các bài đo đã thử nghiệm trên mạng MobiFone.

Số hồ sơ lưu: 18395

79451. 12-2021. **Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chuẩn về các kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin (Hướng dẫn quản lý điểm yếu an toàn thông tin, bảo đảm an toàn máy chủ và ứng dụng web)/** TS. Nguyễn Khắc Lịch, Kỹ sư. Nguyễn Thị Thu Huyền; TS. Nguyễn Thành Phúc; ThS. Nguyễn Thành Chương; ThS. Đinh Thị Như Hoa; ThS. Nguyễn Đức Tuấn; ThS. Nguyễn Hữu Nguyên; Kỹ sư. Trần Đăng

Khoa; Cử nhân. Võ Hồng Phúc; ThS. Đặng Huy Hoàng; ThS. Phan Liên Hương; Cử nhân. Ngô Tùng Lâm - Hà Nội - Cục An toàn thông tin, 2020 - 02/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, cập nhật tình hình chuẩn hóa trong và ngoài nước về quản lý điểm yếu an toàn thông tin, bảo đảm an toàn thông tin cho máy chủ, ứng dụng web; nghiên cứu lựa chọn sơ cứu; tiêu chuẩn tham chiếu. Nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin cho máy chủ, ứng dụng web và các vấn đề về quản lý lỗ hổng, điểm yếu an toàn thông tin. Nghiên cứu xây dựng dự thảo Bộ tiêu chuẩn về các kỹ thuật an toàn thông tin (Hướng dẫn quản lý điểm yếu an toàn thông tin, bảo đảm an toàn máy chủ và ứng dụng web). Nghiên cứu đánh giá sự phù hợp của việc áp dụng tiêu chuẩn tại Việt Nam; đề xuất các biện pháp quản lý tương ứng. Nghiên cứu biên soạn chỉnh sửa, hoàn thiện Bộ tiêu chuẩn về các kỹ thuật an toàn thông tin (Hướng dẫn quản lý điểm yếu an toàn thông tin, bảo đảm an toàn máy chủ và ứng dụng web), cụ thể gồm 03 dự thảo TCVN sau: Công nghệ thông tin- Kỹ thuật an toàn- Hướng dẫn bảo đảm an toàn ứng dụng web; Công nghệ thông tin - Kỹ thuật an toàn - Hướng dẫn bảo đảm an toàn máy chủ; Công nghệ thông tin - Kỹ thuật an toàn – Hướng dẫn quản lý điểm yếu an toàn thông tin.

Số hồ sơ lưu: 18593

79455. 12-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp lĩnh**

**vực thông tin và truyền thông/** ThS. Phan Thanh Huyền, Hồ Hồng Hải; Hoàng Thu Hương; Phạm Thị Thu Huyền; Nguyễn Thị Đàm Liên - Hà Nội - Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020 - 03/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các vấn đề lý luận chung về giám định tư pháp và các quy định về hoạt động giám định tư pháp. Đánh giá thực trạng hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. Nghiên cứu kinh nghiệm triển khai hoạt động giám định tư pháp tại một số bộ ngành, địa phương. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp lĩnh vực thông tin và truyền thông trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 18592

**79456. 12-2021. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông/** ThS. Nguyễn Thu Trang, Võ Thanh Lâm; Nguyễn Minh Hằng; Nguyễn Văn Hà; Phạm Quang Hòa; Nguyễn Thị Thu Thảo - Hà Nội - Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020 - 02/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Đánh giá thực trạng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. Đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng

cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Số hồ sơ lưu: 18597

**79517. 12-2021. Nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào việc tối ưu công tác thu gom bưu gửi tại VNPOST/ CN.** Lê Quốc Anh, KS. Vũ Kiên Văn; KS. Nguyễn Hồng Long; KS. Nguyễn Trung Tâm; KS. Trần Mạnh Đức; KS. Nguyễn Thành Đông - Hà Nội - Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, 2020 - 03/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về AI trong lĩnh vực Logistics trên thế giới và ứng dụng tại Việt Nam. Tiến hành Khảo sát, phân tích hiện trạng quy trình nghiệp vụ thu gom tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam. Qua đó xây dựng và thiết kế giải pháp tổng thể ứng dụng AI vào việc tối ưu công tác thu gom bưu gửi cho Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18639

**79840. 12-2021. Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý trực tuyến các điểm cung cấp dịch vụ Internet, trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Yên Bái/** CN. Hà Ngọc Văn, KS. Đào Thị Hoài Thu; ThS. Kim Mạnh Cường; CN. Nguyễn Trung Hiếu; KS. Vũ Lê Duy; CN. Hoàng Thị Thu; KS. Cao Văn Tuấn; ThS. Bùi Minh Hiệp - Tỉnh Yên Bái - Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Yên Bái, 2020 - 07/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng hệ thống quản lý trực tuyến các điểm cung cấp dịch vụ Internet, trò chơi điện tử công cộng để xác định địa chỉ cụ thể, định vị vị trí, thống kê thời gian hoạt động của các điểm cung cấp dịch vụ Internet, trò chơi điện tử công cộng (chi tiết đến ngày, tuần tháng, năm), quản lý việc truy cập Internet của khách hàng tại điểm cung cấp dịch vụ Internet công cộng (lịch sử truy cập web, hành vi vi phạm pháp luật...) nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý của cơ quan quản lý và công tác đảm bảo an toàn, an ninh trong cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trên địa bàn.

Số hồ sơ lưu: YBI-014-2021

79850. 12-2021. **Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý khoáng sản tỉnh Yên Bái/** KS. Vũ Hồng Quân, ThS. Nguyễn Văn Hiếu; TS. Đoàn Thanh Hải; ThS. Nguyễn Sơn Hải; KS. Trần Ngọc Anh; KS. Nguyễn Trần Quang; KS. Nguyễn Đức Hoàng; KS. Mùi Minh Tùng; KS. Dương Văn Huy; KS. Đào Quang Trung - Tỉnh Thái Nguyên - Trung tâm Nghiên cứu Địa tin học, 2020 - 07/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng hệ thống thông tin (*cơ sở dữ liệu và hệ thống phần mềm*) quản lý trực tuyến các điểm mỏ (*bản đồ khoáng sản, thông tin số liệu các điểm mỏ...*) và hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Nhằm tạo ra công cụ hữu hiệu trong giám sát, quản lý điều hành các hoạt động khai thác khoáng sản, nâng cao giá trị kinh tế

và xã hội trong lĩnh vực khoáng sản. Đào tạo nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý khoáng sản cho cán bộ ngành tài nguyên và môi trường, nhằm hướng tới chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-013-2021

### **20205. Viễn thông**

78634. 12-2021. **Nghiên cứu ứng dụng hệ thống mạng lưới trạm định vị vệ tinh cố định phục vụ xác định trực tiếp nguyên tố định hướng ngoài của ảnh/** TS. Đào Ngọc Long, ThS. Lê Đức Trung, ThS. Đỗ Thị Thúy Lan; ThS. Giang Thị Lan; ThS. Lê Thị Hải Như; ThS. Lê Thị Sinh; ThS. Nguyễn Ngọc Hùng; ThS. Phạm Thị Hồng Lam; ThS. Tạ Thị Thanh Thủy; ThS. Trịnh Tố Uyên - Hà Nội - Viện khoa học Đo đạc và bản đồ, 2020 - 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về sử dụng công nghệ định vị vệ tinh GNSS tích hợp thiết bị đo quán tính IMU để xác định trực tiếp các nguyên tố định hướng ngoài của ảnh. Nghiên cứu, lựa chọn phần mềm tính toán các nguyên tố định hướng ngoài của ảnh và ước tính độ chính xác yêu cầu của EO cho thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp đo vẽ ảnh lập thể. Xử lý các khối ảnh lý thuyết theo phương pháp truyền thông nhằm đánh giá độ chính xác các nguyên tố định hướng ngoài của ảnh. Thiết kế và đo GNSS tại các vị trí tương tự đồ hình lưới trạm CORS (Cục Đo đạc và Bản đồ); thiết kế, đo nội điểm khống chế ảnh và điểm kiểm tra ngoại nghiệp. Phân

tích độ chính xác các nguyên tố định hướng ngoài khi sử dụng trạm CORS làm điểm trạm Base trong tầng dày không chế ảnh. Xây dựng quy trình hướng dẫn sử dụng hệ thống các trạm định vị vệ tinh cố định (trạm CORS) trong bay chụp ảnh.

Số hồ sơ lưu: 18089

### **203. Kỹ thuật cơ khí**

#### **20302. Chế tạo máy nói chung**

79309. 12-2021. **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị đo độ rung cầm tay cho các máy công nghiệp/** TS. Nguyễn Thị Diệu Linh, ThS. Nguyễn Huy Kiên; TS. Hoàng Mạnh Kha; TS. Đặng Hoàng Anh; ThS. Lê Anh Tuấn; TS. Phan Thanh Hòa; ThS. Phan Thị Thu Hằng; PGS.TS. Phạm Văn Đông; TS. Kiều Xuân Thực; TS. Lê Văn Thái - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý thuyết để thực hiện bài toán đo độ rung các máy công nghiệp. Xây dựng thuật toán đo độ rung phù hợp với điều kiện thực tế. Thiết kế, chế tạo thiết bị đo độ rung cầm tay cho các máy công nghiệp, thực hiện các hoạt động thử nghiệm, đánh giá, hiệu chỉnh để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật. Thiết kế bài thí nghiệm và tài liệu hướng dẫn sử dụng phục vụ hoạt động giảng dạy lĩnh vực bảo dưỡng máy công nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật Điện tử Viễn thông.

Số hồ sơ lưu: 18463

#### **20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp**

79480. 12-2021. **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị sấy củ dọt theo nguyên lý sấy bơm nhiệt kết hợp hồng ngoại/** TS. Bùi Mạnh Tuấn, TS. Vũ Kế Hoạch; PGS.TS. Lê Anh Đức; ThS. Nguyễn Tấn Thắng; ThS. Nguyễn Thị Minh; ThS. Nguyễn Hoàng Vũ; KS. Nguyễn Khoa Đồng Khánh - Hồ Chí Minh - Trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về củ dọt dược liệu định lãng và các phương pháp phơi sấy dược liệu trên thế giới và tại Việt Nam. Tìm hiểu thực trạng về sấy dược liệu định lãng và đánh giá ưu nhược điểm của kỹ thuật sấy bơm nhiệt, kỹ thuật sấy hồng ngoại. Phân tích, đánh giá lựa chọn công nghệ sấy phù hợp. Nghiên cứu lựa chọn nguyên lý cấu tạo và nguyên lý làm việc của thiết bị sấy củ dọt dược liệu. Từ đó tính toán, thiết kế máy sấy rã định lãng thái lát theo nguyên lý sấy bơm nhiệt hồng ngoại và thiết kế hệ thống giám sát, điều khiển tự động thiết bị sấy bơm nhiệt kết hợp hồng ngoại.

Số hồ sơ lưu: 18624

#### **20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông**

78696. 12-2021. **Nghiên cứu tổng hợp lưu chất điện trường sử dụng hạt polyme cấu trúc rỗng và vật liệu nanocompozit có cấu trúc vỏ/lõi ứng dụng trong phanh ô tô/** TS. Vũ Mạnh Cường, TS. Nguyễn Việt Thái; TS. Vũ Đình Thảo; TS.

Phạm Tiến Đức; ThS. Lê Xuân Dương; ThS. Lê Thế Sơn - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2020 - 12/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các hệ lưu chất điện trường có đặc trưng của chất rắn dưới tác dụng của điện trường ngoài. Tổng hợp các hạt polyme dẫn có cấu trúc rỗng trên cơ sở trùng hợp và đồng trùng hợp giữa anilin và các dẫn xuất anilin như: o-toludin, p-toludin, o-phenylendiamin, p-phenylendiamin. Tổng hợp hạt silica hình cầu từ vỏ trấu và sợi nanosilica từ dung dịch tetraethyl orthosilicate. Tổng hợp các loại vật liệu nanocompozit vỏ/lõi trên cơ sở homopolyme hoặc copolyme của anilin và các dẫn xuất của anilin như o-toludin, p-toludin, o-phenylendiamin, p-phenylendiamin phủ lên bề mặt các hạt silica có nguồn gốc sinh khối. Xác định cấu trúc hóa học, các đặc trưng như: phân bố kích thước hạt, hình thái học, hàm lượng nguyên tố, độ dẫn điện của các hạt phân tán và các đặc trưng lưu biến cũng như tính chất cơ lý của các hệ lưu chất điện trường ở các cường độ điện trường khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 18118

### **20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy**

79069. 12-2021. **Nghiên cứu tính toán, thiết kế hoán cải và chế tạo ống phun tua bin khí xả tăng áp cho động cơ diesel tàu thủy nhằm cải thiện chất lượng công tác/** PGS.TS. Lê Văn Điềm, TS. Nguyễn Tiến Dũng; TS. Nguyễn Dương Nam; TS. Lưu Quang Hiệu; ThS. Nguyễn Mạnh Chiếu; ThS.

Nguyễn Chí Công; ThS. Nguyễn Văn Hải; ThS. Nguyễn Đức Bình; ThS. Trần Thị Lan; TS. Vũ Văn Duy - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2021 - 01/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý thuyết quá trình biến đổi năng lượng của dòng khí xả qua ống phun và cánh động tuabin khí xả. Xây dựng mô hình mô phỏng quá trình công tác của tổ hợp tuabin khí xả-máy nén trên phần mềm máy tính chuyên dụng, xác định kết cấu ống phun tối ưu phù hợp với chế độ tải bộ phận của động cơ. Thiết kế và lập quy trình công nghệ, chế tạo cụm ống phun. Thử nghiệm thực tế và phân tích các kết quả thực nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 18266

### **20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng**

79612. 12-2021. **Nghiên cứu giải pháp thiết bị công nghệ và hóa chất thuốc tuyển để tuyển quặng đất hiếm xâm nhiễm mìn mỏ đất hiếm Yên Phú/** ThS. Phạm Đức Phong, ThS. Trần Thị Hiến; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang; ThS. Đinh Sơn Dương; ThS. Nguyễn Bảo Linh; ThS. Trần Ngọc Anh; CN. Nguyễn Huy Toàn; CN. Nguyễn Thị Hồng Phượng - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định thành phần vật chất mẫu quặng đất hiếm mỏ đất hiếm Yên Phú, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Nghiên cứu một số giải pháp thiết bị công nghệ quy mô phòng thí nghiệm để tuyển quặng đất hiếm

xâm nhiễm mịn mỏ đất hiếm Yên Phú. Nghiên cứu một số giải pháp thiết bị công nghệ quy mô phòng thí nghiệm để tuyển quặng đất hiếm xâm nhiễm mịn mỏ đất hiếm Yên Phú. Lựa chọn thiết bị công nghệ để tuyển quặng đất hiếm xâm nhiễm mịn mỏ đất hiếm Yên Phú. Lựa chọn hóa chất thuốc tuyển để tuyển quặng đất hiếm xâm nhiễm mịn mỏ đất hiếm Yên Phú. Đề xuất giải pháp công nghệ tuyển hợp lý quặng đất hiếm mỏ đất hiếm Yên Phú, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: 18665

**20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng**

79236. 12-2021. **Khảo sát và tối ưu màng mỏng ô xít bán dẫn nền Zn và Cu định hướng ứng dụng chế tạo pin mặt trời/** TS. Nguyễn Quang Hòa, TS. Nguyễn Ngọc Đình; TS. Trịnh Thị Loan; ThS. Vũ Hoàng Hương; ThS. Vương Văn Hiệp; ThS. Lê Thị Hiền - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tối ưu hóa quy trình chế tạo các màng mỏng ô xít bán dẫn loại n và loại p bằng phương pháp dung dịch, nhằm đơn giản công nghệ so với phương pháp chân không truyền thống. Chế tạo thành công các màng mỏng ô xít bán dẫn nền Zn và Cu trên đế có chi phí thấp, có tính chất điện và quang đáp ứng yêu cầu của điện cực hoặc kênh dẫn. Nghiên cứu các tính chất vật lý của các màng mỏng bán dẫn và chế tạo thử nghiệm tế bào pin mặt trời hoặc các linh kiện điện tử như transistor dạng màng mỏng.

Số hồ sơ lưu: 18399

**20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân**

79058. 12-2021. **Nghiên cứu phát triển kỹ thuật đồng vị (C-13 và O-18) hỗ trợ phát hiện nguồn gốc nông sản (Táo)/** ThS. Hà Lan Anh, KS. Vũ Hoài; ThS. Võ Thị Anh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thịnh; ThS. Phạm Bảo Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Oanh; CN. Đoàn Thúy Hậu; CN. Nguyễn Văn Khánh - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2021 - 01/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về ứng dụng kỹ thuật đồng vị trong nghiên cứu xác định nguồn gốc thực phẩm. Tìm hiểu thông tin về các loại sản phẩm táo nhập khẩu và hiện trạng vấn đề truy xuất nguồn gốc thực phẩm ở Việt nam. Xây dựng quy trình phân tích tỷ số đồng vị  $^{2}H$  trong nước táo tươi trên hệ phổ kế laser LWIA-24D. Xây dựng quy trình phân tích tỷ số đồng vị  $^{18}O$  trong nước táo tươi trên hệ phổ kế laser LWIA-24D. Xây dựng quy trình phân tích tỷ số đồng vị  $^{13}C$  trong thịt và vỏ táo trên hệ phổ kế tỷ số đồng vị EA – IRMS. Xử lý mẫu và phân tích tỷ số đồng vị  $^{2}H$ ,  $^{18}O$  trong mẫu nước của 25 loại sản phẩm táo nhập khẩu trên thị trường Việt Nam. Xử lý mẫu và phân tích tỷ số đồng vị  $^{13}C$  trong thịt và vỏ của 25 loại sản phẩm táo nhập khẩu trên thị trường Việt Nam Nội dung. Xây dựng quy trình đánh giá xuất xứ nông sản táo nhập khẩu.

Số hồ sơ lưu: 18259

**204. Kỹ thuật hóa học****20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)**

79071. 12-2021. **Áp dụng các sáng chế số 7913, 9529 và giải pháp hữu ích số HI-0201 để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ phân thải chăn nuôi, bùn mía và than bùn tại tỉnh Gia Lai/** TS. Lê Văn Tri, KS. Nguyễn Thị Yên; CN. Vũ Thu Hà; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; KS. Nguyễn Minh Hoàng; KS. Lê Thị Yên; CN. Nguyễn Thị Bích Liên; CN. Mai Công Tăng; CN. Trần Văn Cảnh; KS. Phạm Thị Luyên; Nguyễn Xuân Đông; KS. Đỗ Thị Hương Thùy; CN. Nguyễn Xuân Hóa - Hà Nội - Công ty cổ phần phân bón Fitohoocmon, 2021 - 11/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá trữ lượng nguồn than bùn, bã bùn mía và phân thải chăn nuôi tại tỉnh Gia Lai. Xây dựng các quy trình xử lý các nguyên liệu than bùn, phân thải chăn nuôi, bã bùn mía và quy trình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh, hữu cơ khoáng theo các sáng chế 7913, 9529 và giải pháp hữu ích số HI-0201. Xây dựng mô hình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh và hữu cơ khoáng theo bằng độc quyền sáng chế số 7913, 9529 và bằng độc quyền giải pháp hữu ích số HI-0201. Xây dựng mô hình thử nghiệm sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh, hữu cơ khoáng trên cây cao su và cây cà phê.

Số hồ sơ lưu: 18263

79300. 12-2021. **Nghiên cứu công nghệ sản xuất dầu máy nén khí từ dầu gốc tổng hợp, sử dụng bôi trơn tại các trạm khí nén trực vít hoạt động liên tục/** ThS. Nguyễn Thị Bích Hồng, KS. Nguyễn Cảnh Tuyên; KS. Dương Thị Đào; KS. Nguyễn Đắc Dũng; CN. Nguyễn Thị Phương Thủy - Hà Nội - Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỡ, 2021 - 01/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thí nghiệm khảo sát các loại dầu máy nén khí đi từ dầu gốc tổng hợp trên thị trường bao gồm: FUSHENG FS 600, SHELL CORENA, TOTAL DACNIS SH, RENOLIN UNYSYN OL. Nghiên cứu khảo sát tính năng của một số phụ gia oxi hoá LX1, LZ1, LZ2, LZ3, khảo sát nồng độ thích hợp của phụ gia LX1 và nghiên cứu lựa chọn các hợp phần phụ gia chống mài mòn, khử nhũ, chống tạo bọt. Tổ chức sản xuất 600 lít sản phẩm dầu máy nén khí đạt chất lượng theo tiêu chuẩn cơ sở.

Số hồ sơ lưu: 18486

79303. 12-2021. **Hoàn thiện công nghệ và thiết bị xử lý chất thải rắn chứa phospho của ngành công nghiệp chế biến sâu quặng apatit thành sản phẩm có giá trị, qui mô 10.000 tấn/năm/** TS. Đỗ Thanh Hải, KS. Vũ Tuấn Anh; GS.TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Phương Hòa; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; KS. Nguyễn Hữu Đức; CN. Phạm Anh Tài; KS. Hoàng Trọng Hà; TS. Đặng Thị Thúy Hạnh; Bùi Văn Cứ; KS. Phạm Chí Công; Trần Thị Thanh Hằng; CN. Phạm Văn Thành; TS. Hoàng Thân Hoài



Thu; ThS. Nguyễn Thị Thảo; Bùi Tô Phương Thảo; KS. Nguyễn Quang Minh; KS. Dương Quang Thắng; CN. Nguyễn Thị Bảy; ThS. Nguyễn Mạnh Dương; Vũ Thị Thu Thủy; CN. Lê Ngọc Trang; ThS. Phạm Minh Tú; CN. Trần Nhật Đức; KS. Nguyễn Ngọc Thụy; CN. Nguyễn Bích Ngọc - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2021 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình công nghệ xử lý chất thải rắn chứa phospho của ngành công nghiệp chế biến sâu quặng apatit tạo sản phẩm sử dụng được để sản xuất phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp. Bổ sung thiết bị và hoàn thiện hệ thống dây chuyền thiết bị chế biến lân trắng với công suất 10.000 tấn/năm. Xử lý 2.027 tấn lân trắng và thu được 3.330 tấn sản phẩm lân sau khi xử lý.

Số hồ sơ lưu: 18459

79615. 12-2021. **Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp phụ từ bùn thải của nhà máy xử lý nước cấp để xử lý khí hiđro sunfua trong biogas/** ThS. Phạm Huy Đông, ThS. Nguyễn Văn Vũ; ThS. Phạm Tiến Dũng; ThS. Đinh Duy Chinh; ThS. Nguyễn Thị Hạnh - Hà Nội - Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, 2021 - 01/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập và phân tích đặc tính của bùn thải từ các nhà máy xử lý nước cấp. Thử nghiệm khả năng hấp phụ H<sub>2</sub>S của vật liệu. Thử nghiệm hiệu quả xử lý tại bếp nấu ăn của trại chăn nuôi.

Số hồ sơ lưu: 18666

### **20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung**

79065. 12-2021. **Nghiên cứu dòng chảy điện động gần màng trao đổi ion và ảnh hưởng của nó tới hiệu suất của thiết bị tách muối ứng dụng công nghệ phân cực ion/** TS. Phạm Văn Sáng, PGS.TS. Lê Thị Thái; PGS.TS. Vũ Văn Trường; PGS.TS. Trần Xuân Bộ; PGS.TS. Phan Anh Tuấn; PGS.TS. Ngô Văn Hệ; TS. Phạm Thị Thanh Hương - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2021 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu dòng chảy từ động xảy ra trong một cell điện hình của thiết bị tách muối, cell có kích thước từ vài trăm micro-mét tới vài milimet. Dòng chảy điện động chịu tác động của nhiều yếu tố bao gồm: hiệu suất trao đổi ion của màng, điện trường tác dụng giữa các màng, khoảng cách giữa các màng trao đổi ion, khoảng cách giữa các thanh chống, hình dạng của các thanh chống.

Số hồ sơ lưu: 18270

### **205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim**

#### **20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen**

79056. 12-2021. **Tối ưu hóa các thông số công nghệ của phương pháp xung định hình với bột titan trộn trong dung dịch điện môi khí gia công thép làm khuôn bằng phương pháp Topsis – Taguchi/** TS. Nguyễn Hữu Phấn, GS.TSKH.

Bành Tiến Long; TS. Ngô Cường; ThS. Lê Quang Dũng - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2021 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu ảnh hưởng của các thông số vật liệu phôi, vật liệu điện cực, nồng độ bột, thời gian phát xung, thời gian ngừng phát xung, cường độ dòng điện và sự phân cực điện cực đến các chỉ tiêu: năng suất gia công, lượng mòn điện cực, nhấp nhô bề mặt, độ cứng tế vi bề mặt, sự thay đổi lớp bề mặt gia công. Từ đó xác định được sự ảnh hưởng của bột đến hiệu quả gia công bằng EDM. Sử dụng phương pháp Taguchi để thiết kế quy hoạch thực nghiệm và phân tích ảnh hưởng tương quan giữa thông số đầu vào và đầu ra, từ đó tìm ra được các bộ thông số công nghệ hợp lý hoặc tối ưu. Tối ưu hóa đồng thời năng suất gia công, mòn điện cực, nhám bề mặt và độ cứng tế vi để đánh giá hiệu quả của bột Ti trong dung dịch điện môi đến quá trình xung định hình.

Số hồ sơ lưu: 18261

79302. 12-2021. **Nghiên cứu công nghệ sản xuất thép hợp kim chất lượng cao mác 9X5BΦ để chế tạo bát khuôn ép vitme/** KS. Nguyễn Hồng Phúc, KS. Trần Đình Cương; ThS. Nguyễn Thị Hằng; KS. Bùi Xuân Bách; ThS. Nguyễn Quang Dũng; CN. Nguyễn Thành Xuân - Hà Nội - Viện luyện kim đen, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình sản xuất thép dụng cụ hợp kim trên thế giới. Nghiên cứu đặc điểm của mác thép

hợp kim 9X5B và ứng dụng của thép hợp kim 9X5B trong đời sống. Đánh giá tình hình sản xuất thép hợp kim nói chung và thép dụng cụ hợp kim nói riêng tại Việt Nam. Nghiên cứu lý thuyết mài mòn, nguyên lý làm việc và nguyên nhân gây hỏng của bát khuôn ép vitme. Lựa chọn công nghệ sản xuất thép 9X5B bao gồm: công nghệ nấu luyện, công nghệ tinh luyện, công nghệ rèn và công nghệ nhiệt luyện. Xác định các tính chất của thép bao gồm: thành phần hoá học, độ cứng, tổ chức tế vi và khả năng chịu mài mòn. Chế tạo 200kg thép và 10 bát khuôn ép vitme từ thép nghiên cứu 9X5B.

Số hồ sơ lưu: 18458

**20505. Cán kim loại; kéo kim loại; sản xuất sản phẩm kim loại; sản xuất ống kim loại, v.v..**

79221. 12-2021. **Lớp phủ tiên tiến trên hợp kim Al sử dụng phương pháp ô-xi hóa plasma trong dung dịch điện phân - Công nghệ và Cơ chế/** TS. Trần Quang Phú, GS.TS. Trần Trung; GS.TS. Chin Tsung Shune; TS. Đặng Quang Đồng; PGS.TS. Chu Văn Tuấn - Hưng Yên - Trường đại học sư phạm kỹ thuật Hưng yên, 2021 - 02/2020 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thiết lập hệ thống thí nghiệm PEO tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên. Hệ thống này sẽ được mở rộng cho sự hợp tác nghiên cứu từ các nhóm quan tâm ở các trường đại học và các doanh nghiệp trên toàn Việt Nam. Nghiên cứu sự hình thành phóng điện (plasma) trên bề mặt a-nốt (mẫu), cơ chế dày lên của lớp ô-xít liên quan

đến sự thay đổi của các thông số, các dung dịch điện phân của quá trình PEO để hiểu và kiểm soát các lớp phủ PEO. Chế tạo các lớp phủ PEO với các tính chất mong muốn như độ cứng cao, khả năng chịu mài mòn và chịu ăn mòn tốt, màu sắc hay các tính năng đặc biệt phù hợp cho những ứng dụng cụ thể. Tối ưu hóa quá trình PEO: đặc biệt tiết kiệm chi phí năng lượng. Nghiên cứu khả năng ứng dụng các lớp phủ PEO trên các sản phẩm cụ thể sản xuất ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18384

### **20507. Vật liệu xây dựng**

77255. 12-2021. **Nghiên cứu ứng dụng thanh polymer cốt sợi thủy tinh trong việc sản xuất cấu kiện bê tông phục vụ công trình kè bờ sông và hồ tại Hải Phòng/ TS.** Trần Long Giang, TS Nguyễn Thị Diễm Chi; KS Nguyễn Đức Tuyên; KS Trần Tuấn Nham; KS Phạm Thị Quang; ThS Đoàn Thị Thu Huyền - Hải Phòng - Công ty TNHH Thương mại xây dựng và Viễn thông Nam Sơn, 2020 - 12/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất cấu kiện bản bê tông, dầm bê tông, cọc bê tông cốt thanh FRP. Nghiên cứu đề xuất dạng liên kết tối ưu các cấu kiện bê tông cốt thanh FRP lắp ghép trong kết cấu kè bờ sông và hồ. Thực nghiệm sản xuất. Đề xuất quy trình thi công lắp ghép công trình từ các cấu kiện bê tông cốt thanh cho công trình kè bảo vệ bờ sông và hồ.

Số hồ sơ lưu: HPG.2020.005

78683. 12-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của hỗn hợp vữa nhựa (bột khoáng + nhựa đường) đến một số tính chất của hỗn hợp bê tông nhựa chặt nóng/ TS.** Nguyễn Văn Thành, ThS. Ngô Văn Tân; TS. Phạm Văn Tiền; ThS. Lê Anh Tuấn; ThS. Lưu Ngọc Lâm; ThS. Trần Mai Khanh; ThS. Vũ Văn Thắng; KS. Hoàng Văn Thái; CN. Nguyễn Thị Thúy - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá ảnh hưởng của tỷ lệ giữa hàm lượng bột khoáng so với hàm lượng nhựa đường (BK/N) đến hỗn hợp vữa nhựa và hỗn hợp bê tông nhựa chặt nóng (BTNC), đề xuất tỷ lệ BK/N cho bê tông nhựa chặt nóng hợp lý nhằm nâng cao chất lượng mặt đường bê tông nhựa chặt nóng trong điều kiện Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18106

79488. 12-2021. **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất gạch không nung xi măng cốt liệu từ nguyên liệu sẵn có tại huyện Yên Thủy, Hòa Bình./ KS.** Nguyễn Anh Sơn, ThS. Hoàng Xuân Thủy; ThS. Nguyễn Thị Mai; CN. Bùi Thị Mai; KS. Đinh Xuân Cung - Hòa Bình - Công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Sơn, 2020 - 08/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận, làm chủ và triển khai mô hình công nghệ sản xuất gạch không nung từ cát, đá mặt và nguồn nguyên liệu tại chỗ sẵn có tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình. Xây dựng quy trình sản xuất gạch không nung tạo ra những sản phẩm hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

của tỉnh Hòa Bình. Ngoài ra việc phát triển sản xuất gạch không nung để thay thế dần dần gạch đất sét nung, tiết kiệm đất nông nghiệp, góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, giảm thiểu khí phát thải gây hiệu ứng nhà kính và ô nhiễm môi trường, giảm chi phí xử lý phế thải của các ngành công nghiệp, tiết kiệm nhiên liệu than, đem lại hiệu quả kinh tế chung cho toàn xã hội.

Số hồ sơ lưu: 18617

### **20508. Vật liệu điện tử**

79222. 12-2021. **Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các chấm lượng tử Graphene được chức năng hóa, nhằm định hướng ứng dụng làm vật liệu quang điện mới/ PGS.TS. Phạm Thu Nga, TS. Lê Xuân Hùng; PGS.TS. Nguyễn Thị Thục Hiền; TS. Vũ Thị Hồng Hạnh; TS. Đào Nguyên Thuận; ThS. Phạm Nam Thắng - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu chế tạo các chấm lượng tử graphene (GQDs) từ các nguồn nguyên liệu ban đầu khác nhau như Citric Acid (CA), Pyrene, nhằm chế tạo ra các GQDs có sự đồng đều về kích thước và hình dạng. Tìm ra các thông số tối ưu cho phương pháp chế tạo, so sánh giữa các phương pháp chế tạo và tìm ra vật liệu ban đầu và phương pháp chế tạo ra các GQDs có hiệu suất lượng tử cao nhất. Nghiên cứu về hiệu suất lượng tử QY của các loại GQDs chế tạo được. Nghiên cứu quá trình xử lý sau khi tổng hợp GQDs. Đây là quá trình được sử dụng để làm sạch

GQDs chế tạo được ra khỏi các chất tham gia còn dư thừa lại sau phản ứng. Đây cũng là quá trình phân tách và biến đổi bề mặt của GQDs. GQDs có thể được làm sạch bằng các kỹ thuật khác nhau như thẩm tách, lấy từng phần bằng dung môi, siêu lọc. Tiếp đó là biến đổi chức năng hóa các chấm lượng tử graphene với các nhóm chức khác nhau, ví dụ như -OH, -NH<sub>2</sub>. Nghiên cứu pha tạp GQDs với các nguyên tố N, (F) hoặc S. Xác định nồng độ tối ưu của nguyên tố pha tạp. Nghiên cứu đặc trưng cấu trúc và pha tinh thể hình thành của các loại chấm lượng tử graphene chế tạo được, bằng các phương pháp HR-TEM, TEM và XPS. Sử dụng phương pháp tán xạ Raman để xác định sự hình thành pha kết tinh GQDs cũng như đánh giá chất lượng của mẫu GQDs đã tạo ra. Nghiên cứu các phổ hấp thụ, phổ phát xạ, thời gian sống, hiệu suất lượng tử của các mẫu GQDs chế tạo được. Trong các GQDs, các tính chất điện tử và quang phụ thuộc cùng một lúc vào cả kích thước và trạng thái bề. Nghiên cứu các hiện tượng vật lý liên quan, nghiên cứu sự ảnh hưởng của nhiệt độ đến các mode dao động trong chấm lượng tử graphene. Các quá trình giam giữ hạt tải trong các GQD còn chưa được biết đến nhiều. Còn cần nhiều nghiên cứu để làm rõ và sáng tỏ một số hiệu ứng giam giữ lượng tử trong cấu trúc này, và các cơ chế huỳnh quang liên quan trong các mẫu thực.

Số hồ sơ lưu: 18385

**20509. Vật liệu kim loại**

79259. 12-2021. **Hiệu ứng từ nhiệt lớn trên các hệ hợp kim nền sắt pha tạp đất hiếm/ PGS.TS. Đỗ Thị Kim Anh, PGS.TS. Ngạc An Bang; PGS.TS. Huỳnh Đăng Chính; ThS. Vương Văn Hiệp; ThS. Sái Công Doanh; ThS. Nguyễn Duy Thiện - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 01/2021 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thu thập tài liệu, phân tích, đánh giá từ đó chế tạo mẫu vật liệu bằng phương pháp sol-gel chảy hồ quang và nóng chảy cao tần, phun băng trên hệ thiết bị nguội nhanh. Khảo sát các tính chất của các hệ mẫu như cấu trúc tinh thể, bề mặt, tính chất từ, tính chất điện, ảnh hưởng của các yếu tố khác lên quá trình chuyển. Tổng hợp các kết quả thực nghiệm, phân loại, giải thích cơ chế, nghiên cứu ảnh hưởng nồng độ pha tạp lên cấu trúc và các tính chất vật lý, tính toán.

Số hồ sơ lưu: 18414

**20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ**

79249. 12-2021. **Nghiên cứu công nghệ chế tạo hydroxyetyl methyl xenlulo (HEMC) từ bột xenlulo sunfat ứng dụng sản xuất sơn latex./ Kỹ sư. Đoàn Thị Lệ Huyền, Kỹ sư. Nguyễn Thị Hằng; Kỹ sư. Đào Sĩ Hình; Kỹ sư. Nguyễn Đình Hải; Kỹ sư. Bùi Thị Thu Hằng - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulo, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo hydroxyetyl methyl xenlulo

(HEMC) từ bột xenlulo sunfat ứng dụng cho sản xuất sơn latex, thay thế cho nguyên liệu nhập khẩu. Bằng các phương pháp tổng hợp số liệu, thống kê số liệu, tìm hiểu về thị trường, tiềm năng và ứng dụng của sản phẩm HEMC, đánh giá tình hình sử dụng HEMC trong công nghiệp sản xuất sơn. Kết hợp các phương pháp thực nghiệm phổ biến trong lĩnh vực điều chế, thu nhận HEMC từ nguyên liệu xơ sợi khác nhau; nghiên cứu cấu trúc vật liệu để xác định cấu tạo và tính chất sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 18408

**20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)**

79577. 12-2021. **Đồng nhất hóa tính chất đàn nhót của vật liệu không đồng nhất/ TS. Nguyễn Thế Dương, TS. Nguyễn Sỹ Tuấn; TS. Trần Thu Hiền; ThS. Vũ Văn Nhân; ThS. Nguyễn Thành Dũng - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2021 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Phát triển một phương pháp giải tích mới để tính toán chất đàn nhót của vật liệu composite, giới hạn của vật liệu gồm chất nền và cốt liệu đàn nhót. Mô hình hóa tính chất nhót - lưu biến của vật liệu composite tạo bởi pha nền và pha độn. Mô hình hóa tính toán tính chất đàn hồi của vật liệu - kết cấu có dạng hình học phức tạp, áp dụng cho tính toán kết cấu công trình dân dụng.

Số hồ sơ lưu: 18661

**20513. Gỗ, giấy, bột giấy**

79618. 12-2021. **Nâng cao năng lực thử nghiệm và giám định các sản phẩm giấy, bột giấy và các sản phẩm có liên quan phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 và ISO/IEC 17020:2012 tại Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulo.**/ CN. Vũ Thị Kiều Loan, ThS. Lê Thị Quỳnh Hoa; TS. Đặng Văn Sơn; KS. Đỗ Thị Thu Nguyệt; KS. Mai Bảo Ngọc; CN. Hoàng Văn Trình; ThS. Trần Việt Ba; KS. Phạm Thị Thu Thảo; KS. Nguyễn Thị Năng Văn; ThS. Nguyễn Hoàng Chung - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulo, 2021 - 02/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thực hiện chuyển đổi từ hệ thống quản lý phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 sang ISO/IEC 17025:2017 và đưa hệ thống vào hoạt động. Thiết kế, sửa chữa và mở rộng phòng thử nghiệm, bổ sung thêm trang thiết bị mới; đào tạo mới và nâng cao cho các cán bộ quản lý hệ thống, nhân viên thử nghiệm. Sửa đổi, hoàn thiện và xây dựng mới 44 phương pháp thử cho các sản phẩm giấy, bột giấy và các sản phẩm có liên quan. Xây dựng hệ thống quản lý giám định tiêu chuẩn ISO/IEC 17020:2012 và đưa hệ thống vào hoạt động. Thiết kế, sửa chữa phòng thử nghiệm, văn phòng giám định tại Nhà máy giấy Bãi Bằng. Sửa đổi, hoàn thiện và xây dựng mới 10 quy trình giám định cho các sản phẩm giấy, bột giấy và các sản phẩm có liên quan

Số hồ sơ lưu: 18669

**20515. Vật liệu tiên tiến**

79250. 12-2021. **Nghiên cứu xác lập quy trình công nghệ chế tạo giấy cuốn thuốc lá/** Kỹ sư. Nguyễn Thị Hằng, Kỹ sư. Lý Hồng Lệ; Kỹ sư. Ngô Văn Hữu; Kỹ sư. Đào Sĩ Hinh; Kỹ sư. Nguyễn Việt Khánh - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulo, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập quy trình công nghệ chế tạo giấy cuốn thuốc lá quy mô 2,5 tấn/ngày. Bằng các phương pháp tổng hợp số liệu, thống kê số liệu, tìm hiểu về thị trường nhập khẩu, tiềm năng và tình hình sử dụng giấy cuốn thuốc lá tại thị trường trong nước. Kết hợp phương pháp nghiên cứu tài liệu về công nghệ sản xuất giấy cuốn thuốc lá trong và ngoài nước, sử dụng các phương pháp thực nghiệm phổ biến trong lĩnh vực sản xuất giấy nói chung, giấy cuốn thuốc lá nói riêng để xác lập được quy trình công nghệ quy mô phòng thí nghiệm, hiệu chỉnh công nghệ phù hợp với điều kiện trang thiết bị sẵn có trên dây chuyền sản xuất quy mô pilot và chế tạo thử giấy cuốn thuốc lá đạt các chỉ tiêu chất lượng đề ra.

Số hồ sơ lưu: 18407

79272. 12-2021. **Nghiên cứu và chế tạo vật liệu lai hóa nhằm giảm giá thành cho điện cực đối của pin năng lượng mặt trời nhạy quang (DSCs)/** TS. Đào Văn Dương, TS. Đặng Việt Quang; TS. Vũ Ngọc Hùng; ThS. Võ Thanh Đước - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và tổng hợp các loại vật liệu lai hóa giữa ôxít kim loại và hạt nano Pt trong điều kiện khô, nhằm loại bỏ việc sử dụng các tác nhân hóa học cũng như dung môi ảnh hưởng đến sức khỏe cũng như môi trường. Chế tạo một số vật liệu ôxít kim loại chuyển tiếp như WO<sub>3</sub>, NiO, và SnO<sub>2</sub> có cấu trúc nano bằng phương pháp hóa, tiếp đến hạt nano Pt sẽ được lai hóa lên vật liệu ôxít bằng phương pháp khử khô sử dụng các tác nhân khử là nhiệt độ hoặc plasma. Các phương pháp này hoàn toàn có thể thực hiện ở điều kiện Việt Nam mà không đòi hỏi các thiết bị hiện đại, và đắt tiền.

Số hồ sơ lưu: 18464

79477. 12-2021. **Mô phỏng ancali, aluminum, canci-aluminum silicat ở trạng thái lỏng và thủy tinh/** PGS.TSKH. Phạm Khắc Hùng, PGS.TS. Nguyễn Thu Nhân; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hà; TS. Luyện Thị San - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát cấu trúc địa phương, tính không đồng nhất hóa học và cấu trúc của các hệ SiO<sub>2</sub>, Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>- SiO<sub>2</sub> và Na<sub>2</sub>O-SiO<sub>2</sub>. Khảo sát động học không đồng nhất của các hệ có cấu trúc mạng (network-forming liquid). Xây dựng các mô hình động lực học phân tử của silica (SiO<sub>2</sub>) và silicate (MO<sub>x</sub>SiO<sub>2</sub>). Khảo sát vi cấu trúc và động học của các hệ silica và silicate ở cả hai trạng thái lỏng và trạng thái thủy tinh.

Số hồ sơ lưu: 18604

## 206. Kỹ thuật y học

### 20601. Kỹ thuật và thiết bị y học

78637. 12-2021. **Sản xuất, triển khai áp dụng các dung dịch khử khuẩn bằng công nghệ hoạt hóa và công nghệ nano trong y tế và dân dụng/** ThS. Nguyễn Trọng Bội, KS. Trần Đình Khang; CN. Trương Thị Quỳnh Anh; CN. Phạm Thị Kim Chi; ThS. Đào Trọng Hiền; PGS. TS. Đinh Văn Hân; GS. TS. Nguyễn Gia Bình; PGS. TS. Võ Trương Như Ngọc; TS. Nguyễn Văn Lâm; PGS.TS. Vũ Văn Sản; ThS. Cấn Bá Quát - Hà Nội - Công ty TNHH tập đoàn EVD, 2020 - 07/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dung dịch hoạt hóa điện hóa (nồng độ clo hoạt tính, pH, ORP) như lưu lượng, dòng điện, nồng độ muối.... Nghiên cứu sự thay đổi tính chất hóa lý và hiệu lực khử khuẩn của dung dịch hoạt hóa điện hóa theo thời gian bảo quản. Đánh giá, lựa chọn các thông số kinh tế - kỹ thuật. Thiết kế bao bì phù hợp với từng loại sản phẩm. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và qui trình sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 18097

### 20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh

79287. 12-2021. **Nghiên cứu chế tạo vật liệu tích hợp đa chức năng UCNP@NMOF nanocomposite định hướng ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị ung thư trứng đích/** TS. Lâm Thị Kiều Giang, PGS.TS. Lê Văn Hồng; TS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Vũ Đức Chính; TS. Nguyễn Vũ; TS.

Lukasz Marciniak; KS. Đinh Mạnh Tiến; TS. Phạm Hoài Linh - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2021 - 02/2021 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo hệ vật liệu tích hợp đa chức năng UCNP@NMOF nanocomposite. Xây dựng quy trình chức năng hóa bề mặt và gắn kết hệ vật liệu UCNP@NMOF nanocomposite với các aptamer dẫn đường và các tác nhân điều trị ung thư. Xây dựng quy trình chế tạo hệ vật liệu tích hợp đa chức năng Fe<sub>3</sub>O<sub>4</sub>@UCNP@NMOF nanocomposite nhằm ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị ung thư đa trị trúng đích.

Số hồ sơ lưu: 18466

## 207. Kỹ thuật môi trường

### 20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

78697. 12-2021. **Nghiên cứu điều chế xúc tác quang bán dẫn hiệu quả cao dưới ánh sáng nhìn thấy để xử lý chất hữu cơ khó phân hủy trong nước/ PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Phượng, TS. Nguyễn Quốc Thắng; ThS. Nguyễn Thị Mai Thơ; TS. Đỗ Mạnh Huy; ThS. Đặng Nguyễn Nhã Khanh; CN. Vũ Quang Huy; ThS. Dương Phước Đạt - Hồ Chí Minh - Viện Địa lý tài nguyên Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 12/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu chế tạo xúc tác quang bán dẫn nanocomposit từ g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>, rGO, Bi<sub>2</sub>S<sub>3</sub> và hydroxit lớp kép (LDHs), định hướng xử lý hợp

chất ô nhiễm thuốc hữu cơ dưới ánh sáng nhìn thấy. Xây dựng điều kiện tối ưu cho quá trình tổng hợp rGO; Bi<sub>2</sub>S<sub>3</sub>, LDHs; Xây dựng điều kiện tối ưu wuddeer tổng hợp xúc tác nanocomposit từ rGO, Bi<sub>2</sub>S<sub>3</sub> và LDHs; Xác định các đặc trưng các xúc tác đã tổng hợp; Nghiên cứu phân hủy ô nhiễm hữu cơ trong nước bằng các xúc tác nanocomposit đã tổng hợp được dưới ánh sáng nhìn thấy.

Số hồ sơ lưu: 18116

79030. 12-2021. **Nghiên cứu phát triển công nghệ khắc laser dùng chế tạo vi cấu trúc quang tử trên cơ sở vật liệu polymer và vật liệu lai hữu cơ - vô cơ định hướng ứng dụng làm cảm biến trong hóa môi trường/ PGS.TS. Trần Quốc Tiến, TS. Tống Quang Công; TS. Vũ Thị Nghiêm; TS. Hoàng Thị Khuyên; TS. Nguyễn Thanh Hương; TS. Nguyễn Trọng Thành; TS. Nguyễn Thị Thanh Ngân; PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương; ThS. Nguyễn Mạnh Hiếu; ThS. Phạm Thị Liên; TS. Trần Thu Hương; TS. Vũ Thị Thái Hà; TS. Nguyễn Vũ; ThS. Vũ Hoàng; CN. Kiều Ngọc Minh; CN. Tăng Đức Lợi; KS. Bùi Bình Nguyên; ThS. Đoàn Tuấn Anh - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2021 - 06/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tổng quan về chế tạo cấu trúc quang tử nano, công nghệ khắc laser trực tiếp và ứng dụng. nghiên cứu xây dựng hệ thiết bị khắc laser trực tiếp trên cơ sở nguyên lý lopa và hoàn thiện, tối ưu hóa, khảo sát, hiệu chỉnh hệ thiết bị. Tổng hợp và



khảo sát một số tính chất đặc trưng của vật liệu lai hữu cơ-vô cơ định hướng ứng dụng chế tạo cấu trúc quang tử bằng kỹ thuật khắc laser. Tính toán, mô phỏng, chế tạo các cấu trúc quang tử và phát triển phương pháp chế tạo các cấu trúc siêu phân giải trên hệ khắc laser trực tiếp. Chế tạo các cấu trúc plasmonic trên cơ sở sử dụng hệ thiết bị khắc laser trực tiếp và ứng dụng chế tạo thử nghiệm các cấu trúc cảm biến quang tử và cấu trúc cảm biến plasmonic. Phát triển hợp tác quốc tế để hoàn thiện và tăng cường hợp tác nghiên cứu về công nghệ khắc laser trực tiếp.

Số hồ sơ lưu: 18253

79133. 12-2021. **Hoàn thiện công nghệ xử lý nước thải kiềm của quá trình sản xuất agar và thu hồi, tái chế các thành phần có ích thành phân bón sinh học qua lá/** TS. Võ Mai Như Hiếu, KS. Hoàng Ngọc Minh; Nguyễn Ngọc Linh; Võ Thành Trung; TS. Nguyễn Ngọc Linh; Vũ Thị Huệ; Lê Đình Thám; KS. Vũ Thị Huệ; Nguyễn Thị Phương Anh; Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Nguyễn Thị Phương Anh; TS. Lê Như Kiều - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện công nghệ sản xuất phân bón sinh học qua lá từ nước thải kiềm trong quá trình sản xuất agar. Hoàn thiện hệ thống thiết bị sản xuất phân bón sinh học qua lá từ nước thải kiềm trong quá trình sản xuất agar theo công nghệ sản xuất đã lựa chọn. Xây dựng xưởng sản xuất

phân bón sinh học qua lá công suất 400 lít/ ngày-đêm. Hoàn thiện quy trình sử dụng các loại phân bón sinh học qua lá trên các mô hình sản xuất trên 5 loại cây trồng (Rau, lúa, chè, cây hoa, cây ăn quả) nhằm góp phần tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 18309

79215. 12-2021. **Nghiên cứu xây dựng mô hình đánh giá thiệt hại do lũ đối với cây trồng nông nghiệp - Thử nghiệm áp dụng cho xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An/** TS. Nguyễn Ý Như, ThS. Đặng Đình Khá; PGS.TS. Trần Ngọc Anh; TS. Nguyễn Quang Hưng; TS. Trịnh Minh Ngọc; ThS. Ngô Chí Tuấn; ThS. Nguyễn Xuân Tiến - Hà Nội - Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 11/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng các hàm thiệt hại do lũ cho lúa hè thu ở Việt Nam cụ thể là (1) hàm đơn biến và (2) hàm đa biến, trên cơ sở đó thực hiện đánh giá so sánh để làm nổi bật ưu điểm và hạn chế của chúng dựa trên kết quả thử nghiệm ở lưu vực sông Cả. Trong hàm đơn biến, nghiên cứu này chỉ sử dụng biến độ sâu ngập vì nó là một trong những thông số quan trọng nhất đồng thời cũng dễ thu thập hoặc có thể được tính toán với độ bất định nhỏ. Ý tưởng cơ bản của phương pháp xây dựng hàm đơn biến trong nghiên cứu này là sử dụng tốt nhất có thể số liệu thống kê thiệt hại do lũ lụt ở khu vực nghiên cứu theo các bước sau: ước tính độ sâu ngập sử dụng mô hình thủy động lực hoặc nội suy tuyến

tính đơn giản cho những vùng có trạm quan trắc; xác định các hàm mô phỏng quan hệ độ sâu ngập - thiệt hại do lũ lụt và ; kiểm chứng các hàm thiệt hại sử dụng độ sâu ngập tính toán và thiệt hại thống kê. Hàm thiệt hại được kiểm chứng với dữ liệu thu thập được từ trận lũ lịch sử ở lưu vực sông Cả, trận lũ 2010. Mục tiêu thứ hai là xây dựng được hàm đa biến, hàm thiệt hại tổng hợp cho cây lúa ở Việt Nam thông qua; tổng hợp các thông tin rời rạc về đặc trưng vật lý và thiệt hại của lúa do lũ, cụ thể xác định sự thay đổi sản lượng lúa khi thay đổi các thông số lũ đặc trưng (thời gian ngập và độ sâu) từ các nghiên cứu đã được thực hiện, sau đó; sắp xếp tỉ lệ thiệt hại theo các biến xác định, bao gồm giai đoạn sinh trưởng, thời gian ngập, và mức ngập; tổng hợp các giá trị thu thập được vào bảng tương ứng với từng thời kỳ sinh trưởng (bén rễ, sinh trưởng và trổ bông) để đưa ra hàm thiệt hại dạng bảng tra. Giai đoạn sinh trưởng của lúa được đưa vào hàm thiệt hại do tác động của các đặc trưng lũ lên sản lượng lúa biến đổi theo từng giai đoạn sinh trưởng. Phương pháp sử dụng trong nghiên cứu này sẽ phân nào cái thiện được khả năng ứng dụng của hàm thiệt hại đơn biến do nó cần nhắc nhiều nguồn thông tin, ít phụ thuộc vào thông tin của vùng nghiên cứu. Hàm thiệt hại xây dựng được kiểm chứng với dữ liệu thu thập được từ 4 trận lũ gần đây ở vùng Hưng Nhân, Hưng Nguyên, lưu vực sông Cả.

Số hồ sơ lưu: 18400

### **20708. Kỹ thuật bờ biển**

79248. 12-2021. **Cơ sở khoa học và định hướng quy hoạch không gian vùng bờ Việt Nam/** TS. Nguyễn Văn Quý, TS. Nguyễn Thế Tường; TS. Đặng Hoài Nhơn; TS. Đinh Xuân Thành; TS. Nguyễn Văn Niệm; TS. Đào Thái Bắc; TS. Hoàng Khắc Lịch; TS. Đậu Hiền; ThS. Đào Hương Giang; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương - Hà Nội - Hội Địa hóa Việt Nam, 2020 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn, bộ tiêu chí về phân vùng, quy hoạch không gian và tình hình phân vùng quy hoạch không gian vùng bờ của thế giới và bài học cho Việt Nam. Xác định cơ sở khoa học về đặc điểm phân dị của điều kiện tự nhiên; tài nguyên, môi trường; tai biến thiên nhiên; đặc điểm phân hóa của kinh tế xã hội và cơ sở pháp lý cho định hướng quy hoạch không gian vùng bờ Việt Nam. Xác định mâu thuẫn lợi ích trong khai thác của các chủ thể liên quan như: Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng. Xác định xung đột không gian giữa các ngành và cộng đồng do các hoạt động khai thác và sử dụng không gian vùng bờ Việt Nam. Đề xuất định hướng phân vùng và quy hoạch không gian vùng bờ Việt Nam. Đề xuất hệ thống giải pháp thực thi định hướng phân vùng và quy hoạch không gian vùng bờ Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18404

79310. 12-2021. **Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách nhằm quản lý bền vững dải bờ biển Đồng bằng sông Cửu Long/**

PGS.TS. Trần Chí Trung, ThS. Đinh Vũ Thùy; ThS. Phạm Văn Ban; TS. Nguyễn Hồng Trường; PGS.TS. Trần Thị Thu Hà; TS. Vũ Ngọc Hùng; PGS.TS. Trịnh Văn Hạnh; ThS. Nguyễn Xuân Thịnh; ThS. Võ Thị Kim Dung; ThS. Nguyễn Thị Thu - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2021 - 01/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách và kết quả nghiên cứu về mô hình quản lý bền vững vùng ven biển trên thế giới và ở Việt Nam. Đánh giá thực trạng cơ chế, chính sách trong quản lý và khuyến nghị cơ chế, công cụ chính sách quản lý bền vững dải ven biển đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất mô hình quản lý bền vững dải ven biển đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng thí điểm mô hình quản lý bền vững vùng ven biển.

Số hồ sơ lưu: 18468

### **20799. Kỹ thuật môi trường khác**

79204. 12-2021. Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu tới sự xâm nhập của các đợt lạnh và nóng ẩm bất thường trong mùa đông ở khu vực miền núi phía Bắc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội/ TS. Võ Văn Hòa, TS. Dư Đức Tiên; TS. Bùi Minh Tăng; ThS. Mai Khánh Hưng; TS. Nguyễn Đăng Quang; ThS. Nguyễn Mạnh Linh; ThS. Trần Anh Đức; ThS. Vũ Anh Tuấn; ThS. Đỗ Thị Lệ Thủy; TS. Vũ Văn Thăng - Hà Nội - Đài Khí tượng Thủy văn Khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, 2020 - 07/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá mức độ, xu thế, tính chất hoạt động của các đợt lạnh và nóng ẩm bất thường vào mùa đông trên khu vực miền núi phía Bắc cũng như tác động của chúng trong những thập kỷ gần đây; Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tới mức độ, xu thế, tính chất hoạt động của các đợt lạnh và nóng ẩm bất thường vào mùa đông trên khu vực miền núi phía Bắc và dự tính sự thay đổi trong giai đoạn 2020-2050; Đề xuất các giải pháp giám sát và ứng phó với sự xâm nhập của các đợt lạnh và nóng ẩm bất thường vào mùa đông ở khu vực miền núi phía Bắc trong một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 18383

### **208. Công nghệ sinh học môi trường**

#### **20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học)**

79256. 12-2021. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ MBBR (Moving Bed Biofilm Reactor- Giá thể sinh học tự do) nâng cao hiệu quả xử lý sinh học hiếu khí tại nhà máy giấy bao bì./ TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, ThS. Phạm Đức Thắng; ThS. Tạ Thanh Tùng; Kỹ sư. Nguyễn Thị Phương Thanh; Kỹ sư. Lê Mạnh Anh - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulo, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lựa chọn giá thể MBBR (Moving Bed Biofilm Reactor- Giá thể sinh học tự do) phù hợp với điều kiện nước thải giấy bao

bì. Nghiên cứu xác định các điều kiện công nghệ vận hành hiệu quả. Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ xử lý hiệu khí ứng dụng công nghệ MBBR. Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải bể sinh học hiếu khí và hiệu quả kinh tế khi ứng dụng công nghệ MBBR.

Số hồ sơ lưu: 18410

## 209. Công nghệ sinh học công nghiệp

**20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.**

79291. 12-2021. **Nghiên cứu khả năng ứng dụng dầu sinh học làm dầu cách điện cho máy biến áp phân phối/** TS. Nguyễn Văn Dũng, PGS.TS. Huỳnh Liên Hương; TS. Quách Ngọc Thịnh - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định thông số điện, vật lý và hóa học của một số loại dầu sinh học như dầu đậu phộng, dầu bắp và dầu cám gạo. Nghiên cứu đặc tính phóng điện của dầu sinh học và ảnh hưởng của dầu sinh học đến điện áp phóng điện thể tích và bề mặt của giấy cách điện và giấy ép cách điện. Nghiên cứu ảnh hưởng của sự lão hóa đến đặc tính phóng điện của dầu sinh học.

Số hồ sơ lưu: 18467

## 210. Công nghệ nano

**21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)**

79194. 12-2021. **Nghiên cứu và chế tạo màng mỏng đa lớp bằng phương pháp electrophoretic/** TS. Nguyễn Ngọc Đình, ThS. Nguyễn Quang Hòa; ThS. Lê Thị Anh Thư; TS. Phạm Nguyên Hải; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 12/2015 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng hệ chế tạo màng mỏng bằng phương pháp electrophoretic. Chế tạo màng mỏng nano điện và từ BaTiO<sub>3</sub> và LaNiO<sub>3</sub>/La<sub>2</sub>NiO<sub>4</sub> bằng Phương pháp electrophoretic. Nghiên cứu các tính chất vật lý của màng mỏng chế tạo.

Số hồ sơ lưu: 18401

79220. 12-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của hiệu ứng pha tạp lên cấu trúc và các tính chất điện, từ và hấp thụ quang của hạt và màng pferit ganet có kích thước nanomet/** TS. Đào Thị Thủy Nguyệt, TS. Trần Thiên Đức; TS. Trần Thị Việt Nga; GS.TSKH. Thân Đức Hiền; ThS. Lê Đức Hiền; ThS. Vũ Thị Hoài Hương - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu, 2021 - 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo các mẫu ganet pha tạp ở dạng hạt và màng có kích thước nanomet. Rút ra được mối liên hệ giữa công nghệ chế tạo với cấu trúc và hình thái học của các mẫu bao gồm trật tự ion trong ba phân mạng của ganet sắt, sự thay đổi hóa trị ion

khi pha tạp, ảnh hưởng của các ion pha tạp và hiệu ứng giảm kích thước lên cấu trúc, trật tự ion và tính chất từ của các mẫu hạt nano ganet sắt. Nghiên cứu ảnh hưởng của ion pha tạp lên khả năng hấp thụ bức xạ hồng ngoại, các tính chất dẫn của màng mỏng và màng dày chứa các hạt nano pherit ganet, định hướng ứng dụng cho các dạng cảm biến quang và quang-từ.

Số hồ sơ lưu: 18389

79241. 12-2021. **Nghiên cứu phát triển cảm biến QCM đa kênh được phủ các loại vật liệu nano biến tính khác nhau nhằm phát hiện VOCs và các tác nhân sinh học/** PGS.TS. Nguyễn Văn Quy, TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Nguyễn Văn Toán; TS. Lương Ngọc Anh; TS. Vũ Thị Trang - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nắm bắt quy trình chế tạo các loại vật liệu cấu trúc nano thấp chiều một cách thuần thực. Điều chỉnh các thông số chế tạo để tổng hợp được vật liệu nano đúng như theo yêu cầu. Sản phẩm có hiệu suất và tính lặp lại cao; Chủ động trong việc cố định các hệ vật liệu nano lên điện cực QCM. Mỗi một loại vật liệu nano có khả năng bám dính với bề mặt đế khác nhau. Do đó, lựa chọn các kỹ thuật phù hợp cho từng loại vật liệu nano để cố định lên điện cực; Biến tính bề mặt các vật liệu nano. Việc làm thay đổi tính chất bề mặt vật liệu (thêm hoặc bớt nhóm chức, dị tật) sẽ làm thay đổi tính chất của vật liệu. Làm tăng khả năng tương tác của vật liệu

với các tác nhân hóa học: tăng khả năng bám dính, hấp phụ, liên kết và phân tán; Tạo ra các vật liệu nano và nano tổ hợp có khả năng tương tác khác nhau với tác nhân sinh-hóa học. Để có thể ứng dụng vật liệu nano làm cảm biến thì vật liệu đó phải có tính chất đặc trưng vượt trội hơn so với các vật liệu khác khi tương tác với cùng một tác nhân sinh-hóa học. Do đó, vật liệu cần có tính chọn lọc tốt và tương tác nhanh; Đưa linh kiện có khả năng nhận biết được các tác nhân sinh-hóa học. Linh kiện hoạt động ổn định, đáp ứng nhanh, tính lặp lại cao, thời gian sống lâu và có khả năng tái sử dụng.

Số hồ sơ lưu: 18402

79243. 12-2021. **Vật liệu nano sắt điện có cấu trúc phức tạp: Các tính chất cơ lý mới và tính điều khiển bằng cơ học/** TS. Lê Văn Lịch, PGS.TS. Đinh Văn Hải; GS.TS. Nguyễn Trọng Giảng; ThS. Đỗ Ngọc Tú; Cử nhân. Nguyễn Việt Tiến - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng chương trình tính toán mới để cải tiến phương pháp mô phỏng số pha-trường bằng việc xét đến các tương tác giữa nhiều trường cơ học và vật lý ở kích cỡ nano-mét. Dự báo tính chất cơ lý mới của vật liệu nano sắt điện có cấu trúc phức tạp gây ra bởi những tương tác cơ lý xảy ra ở kích cỡ nano-mét, sử dụng phương pháp mô phỏng số pha-trường với chương trình tính toán mới. Đề xuất phương thức để điều khiển các tính chất cơ lý mới này bằng trường cơ học.

Số hồ sơ lưu: 18406

79244. 12-2021. **Chế tạo và khảo sát tính chất quang của vật liệu có cấu trúc ống nano, rỗng và đặc trên cơ sở oxit zircon ( $ZrO_2$ )/** PGS.TS. Phạm Hùng Vương, TS. Nguyễn Thị Hà Hạnh; TS. Cao Xuân Thắng; ThS. Phạm Văn Huân; ThS. Hoàng Như Vân; ThS. Bùi Thị Hoàn; Cử nhân. Trần Thị Thanh - Hà Nội - Viện Tiên tiến Khoa học và Công nghệ (AIST), 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo vật liệu nano trên cơ sở  $ZrO_2$  bằng phương pháp hóa học. Nghiên cứu các đặc trưng cấu trúc, tính chất quang và quang xúc tác của vật liệu nano trên cơ sở  $ZrO_2$  chế tạo được. Tạo môi trường nghiên cứu công nghệ cao, thúc đẩy công bố khoa học quốc tế và đào tạo nguồn nhân lực cao cho đất nước.

Số hồ sơ lưu: 18409

79264. 12-2021. **Nghiên cứu các tính chất cơ bản và khả năng ứng dụng của ôxit kim loại bán dẫn cấu trúc nano pha tạp bằng phương pháp cấy ion/** TS. Chủ Mạnh Hưng, ThS. Nguyễn Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Tất Thắng; Cử nhân. Lê Thị Hồng - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS), 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp thành công vật liệu NSMO trực tiếp trên linh kiện bằng một số phương pháp đơn giản như CVD, rf sputtering, phun tĩnh điện; Hiểu được cơ chế hình thành cũng như ảnh hưởng của điều kiện mọc lên hình thái và cấu trúc của vật liệu.

Pha tạp thành công các ion kim loại (Co, Fe, Ni, Pt, Pd...) vào vật liệu NSMO bằng phương pháp cấy ion; Chỉ ra được sự ảnh hưởng của nồng độ tạp lên các đặc tính của vật liệu. Hiểu được vai trò của các tạp chất ảnh hưởng lên tính nhạy khí của vật liệu NSMO từ đó chỉ ra các nguyên tố và điều kiện pha tạp thích hợp cho cảm biến khí. Tìm hiểu cơ chế nhạy khí và khảo sát độ ổn định của cảm biến dựa trên vật liệu pha tạp.

Số hồ sơ lưu: 18416

### **21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano)**

79317. 12-2021. **Nghiên cứu chế tạo, tính chất của cấu trúc nano dị thể trên cơ sở hạt nano oxit kim loại Pd hoặc Cu mang trên giá thể  $Al_2O_3$  định hướng ứng dụng trong xúc tác môi trường ở nhiệt độ thấp/** TS. Phạm Hữu Thiện, TS. Nguyễn Văn Quý; PGS.TS. Nguyễn Đình Thành; ThS. Thân Quốc An Hạ; ThS. Phạm Hòa Sơn; ThS. Bùi Bằng Việt - Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng, 2021 - 04/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo xúc tác với cấu trúc nano dị thể trên cơ sở hạt nano của oxit kim loại của Pd hoặc Cu mang trên chất mang  $Al_2O_3$  (Pd/ $Al_2O_3$  và Cu/ $Al_2O_3$ ) với các cấu hình khác nhau (dạng hình cầu, dạng monolith) sử dụng kỹ thuật lắng đọng kết tủa và kỹ thuật plasma nguội RF. Đánh giá thử nghiệm ứng dụng các cấu trúc nano dị thể chế tạo Pd/ $Al_2O_3$  và Cu/ $Al_2O_3$  làm xúc tác cho phản ứng oxi hóa nhiệt độ thấp khí thải chứa VOC và CO.

Số hồ sơ lưu: 18477

## **211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống**

### **21101. Kỹ thuật thực phẩm**

79307. 12-2021. **Nghiên cứu công nghệ sản xuất một số sản phẩm thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao từ gạo lứt/** ThS. Nguyễn Minh Thu, TS. Đặng Hồng Ánh; PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Anh; ThS. Bùi Thị Thúy Hà; ThS. Nguyễn Hữu Luyến; ThS. Ngô Duy Kỳ; ThS. Phạm Thị Thu; ThS. Nguyễn Thu Vân; TS. Đỗ Trọng Hưng; ThS. Vũ Thị Thuận; ThS. Lương Thị Như Hoa - Hà Nội - Viện Công nghiệp thực phẩm, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan nghiên cứu về gạo lứt và các sản phẩm từ gạo lứt. Quy trình công nghệ và mô hình thiết bị sản xuất nước gạo đục độ cồn thấp. xây dựng quy trình công nghệ và mô hình thiết bị sản xuất sữa gạo lứt. Quy trình công nghệ, mô hình thiết bị sản xuất bột gạo lứt lên men lactic giàu kefiran và bột gạo lứt giàu axit amin. Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng cơ sở cho các sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao từ gạo lứt.

Số hồ sơ lưu: 18471

79474. 12-2021. **Nghiên cứu chế tạo bộ KIT phát hiện nhanh vi khuẩn Salmonella trong sản phẩm thịt gia súc, gia cầm/** TS. Đặng Thị Thanh Sơn, TS. Đặng Thị Thanh Sơn; PGS.TS. Lê Quang Huân; BSTY. Trương Thị Hương Giang; ThS. Trương Thị Quý Dương; BSTY. Trần Thị Nhật; ThS. Chu Thị

Huyền Trang; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; ThS. Trần Thị Bích Đào; ThS. Lưu Văn Ba; KTV. Nguyễn Thị Hồng Minh; TS. Vũ Thị Kim Huệ; Cử nhân. Đào Thu Thảo; ThS. Hà Thị Thanh Hương; BSTY. Ninh Thị Yên - Hà Nội - Viện thú y, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chế tạo bộ KIT phát hiện nhanh vi khuẩn Salmonella trong sản phẩm thịt lợn, thịt gà. Thiết lập quy trình chế tạo, bảo quản và sử dụng bộ KIT phát hiện nhanh Salmonella trong thịt lợn, thịt gà. Bộ KIT được thử nghiệm đạt yêu cầu (phiếu phân tích chất lượng của 03 phòng thí nghiệm); có cam kết tiếp nhận và thương mại hoá của doanh nghiệp. Tiến hành chế tạo bộ KIT phát hiện nhanh vi khuẩn Salmonella trong sản phẩm thịt gia súc, gia cầm phục vụ giám sát an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: 18607

## **299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác**

79442. 12-2021. **Nghiên cứu mô hình quỹ sáng chế chung (patent pool) và xây dựng mô hình áp dụng cho Việt Nam/** ThS. Phùng Minh Hải, Cử nhân. Đỗ Phương Nhung; TS. Nguyễn Trọng Hiếu; TS. Đỗ Đức Nam; Cử nhân. Phạm Quang Lực; ThS. Nguyễn Hồng Điệp; Kỹ sư. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Trương Nguyệt Ánh; ThS. Lê Thanh Phúc - Hà Nội - Viện Nghiên cứu sáng chế và khai thác công nghệ, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về patent pool; Nghiên cứu quy trình, phương thức vận hành, quản trị trong patent pool; Nghiên cứu các mô hình patent pool trên thế giới; Nghiên cứu xây dựng Mô hình Patent Pool cho Việt Nam; Nghiên cứu xây dựng Mô hình Patent Pool cụ thể. Làm rõ khái niệm, nội hàm và phương thức hoạt động của quỹ sáng chế chung và đề xuất mô hình áp dụng cho Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 18587

### 3. Khoa học y, dược

75759. 12-2021. **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật Gil-Vernet cải tiến lấy sỏi san hô thận/** TS. Huỳnh Văn Nghĩa, - Bình Định - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định, 2019 - 02/2017 - 02/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Kỹ thuật Gil-Vernet cải tiến thuận lợi khi sỏi san hô với bề thận trung gian hay phần lớn ngoài xoang, có thể kiểm soát và lấy được các sỏi nhỏ ở đài giữa và đài trên, tuy nhiên với bề thận phần lớn trong xoang thì việc lấy sỏi gặp nhiều khó khăn.

Số hồ sơ lưu: BDH-2019-004

78667. 12-2021. **Nguyên cứu ứng dụng phương pháp bơm thuốc điều trị ung thư phối hợp với nút động mạch nuôi u trong điều trị ung thư gan nguyên phát Bình Định/** Nguyễn Văn Trung, - Bình Định - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định, 2019 - 09/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Mô tả đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân ung thư gan

nguyên phát được điều trị bằng phương pháp bơm thuốc điều trị ung thư và nút động mạch nuôi khối u. Xây dựng báo cáo chuyên đề 1: Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và nhận xét một số biến chứng có thể gặp trong điều trị can thiệp ung thư gan bằng phương pháp TACE. Đánh giá kết quả điều trị ung thư gan nguyên phát được điều trị bằng phương pháp bơm thuốc điều trị ung thư và nút động mạch nuôi khối u tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định. Xây dựng báo cáo chuyên đề 2: Chẩn đoán giai đoạn ung thư biểu mô tế bào gan và chỉ định thuyên tắc mạch. Xây dựng quy trình bơm thuốc điều trị ung thư phối hợp với nút động mạch nuôi u trong điều trị ung thư gan nguyên phát. Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc. - Cỡ mẫu nghiên cứu: 35 bệnh nhân. Xây dựng video clip về quy trình thực hiện 01 ca phẫu thuật.

Số hồ sơ lưu: BDH-2020-001

### 302. Y học lâm sàng

#### 30219. Tiêu hoá và gan mật học

79070. 12-2021. **Nghiên cứu sử dụng tế bào gốc tự thân trong điều trị xơ gan mật bù/** PGS.TS. Nguyễn Tiến Thịnh, GS.TS. Mai Hồng Bằng; PGS.TS. Lê Hữu Song; TS. Bùi Tiên Sỹ; PGS.TS. Phan Quốc Hoàn; PGS.TS. Lý Tuấn Khải; PGS.TS. Lê Văn Trường; TS. Nguyễn Đăng Mạnh; TS. Vũ Viết Sáng; TS. Thái Doãn Kỳ; TS. Nguyễn Trọng Tuyền; TS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Nguyễn Lâm Tùng; TS. Ngô Tất Trung; ThS. Nguyễn Văn Thái; ThS.



Mai Tú Hương; ThS. Đào Trường Giang; BS. Đinh Trường Giang; TS. Nguyễn Văn Long - Hà Nội - Viện nghiên cứu khoa học y dược lâm sàng 108, 2021 - 12/2015 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng tiêu chuẩn lựa chọn và khám sàng lọc bệnh nhân xơ gan mất bù do virus viêm gan B. Thu gom, tách chiết, xử lý và bảo quản khối tế bào gốc tự thân từ máu ngoại vi sau huy động bằng G-CFS. Thu gom, chiết tách, xử lý và bảo quản khối tế bào gốc tự thân từ tủy xương. Sử dụng khối tế bào gốc tự thân từ tủy xương và máu ngoại vi điều trị bệnh nhân xơ gan mất bù do virus viêm gan B.

Số hồ sơ lưu: 18267

### 304. Dược học

#### 30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

79295. 12-2021. Hoàn thiện quy trình sản xuất một số sản phẩm bảo vệ sức khỏe từ nấm Đông trùng hạ thảo (*Cordyceps militaris*) tại huyện Sa Pa - Tỉnh Lào Cai/ Lê Quân, ThS. Nguyễn Phú Trí; ThS. Đỗ Tiến Sỹ; TS. Nguyễn Huy Văn; ThS. Trần Quang Lục; Nguyễn Thị Vân Anh; Đặng Gia Toại; Đỗ Đức Nhuận; KS. Đặng Thị Phương Hảo; Lê Thị Thùy Trang - Lào Cai - Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Traphacosapa, 2021 - 10/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình nhân giống và nuôi trồng nấm Đông trùng hạ

thảo (*C.militaris*) tại Sa Pa, đáp ứng đủ nguồn giống phục vụ sản xuất quy mô công nghiệp (40.000 lọ/năm). Hoàn thiện quy trình sơ chế và bảo quản nấm Đông trùng hạ thảo tại Sa Pa đảm bảo chất lượng sản phẩm dược liệu Đông trùng hạ thảo sau thu hoạch. Xây dựng quy trình sản xuất cao và viên nang cứng từ Đông trùng hạ thảo, đảm bảo chất lượng sản phẩm cao dược liệu và tiêu chuẩn viên nang cứng. Sản xuất 1 tấn quả thể tươi đạt tiêu chuẩn (Cordycepin > 8 mg/g khô; Adenosin > 0,1 mg/g khô). Sản xuất 40 kg cao đạt tiêu chuẩn (định lượng: Cordycepin > 20 mg/g cao; Adenosin > 1,0 mg/g cao). Sản xuất 100.000 viên nang (350mg bột ĐTHT/viên) đạt tiêu chuẩn (Cordycepin > 2,8 mg/viên; Adenosin > 0,035 mg/viên).

Số hồ sơ lưu: 18480

79435. 12-2021. Nghiên cứu bào chế và đánh giá tác dụng hạ Lipid máu trên thực nghiệm của viên nang từ bài thuốc "Hạ mỡ NK"/ PGS.TS. Phạm Quốc Bình, BSCKII. Phạm Thủy Phương; PGS.TS. Nguyễn Duy Thuần; TS. Phạm Thị Vân Anh; ThS. Trần Thị Thu Hiền; ThS. Đỗ Thị Hồng Sâm; ThS. Lê Thị Thu Hà; ThS. Đỗ Linh Quyên; TS. Nguyễn Thị Kim Ngân; BSCKII. Vũ Thị Thuận; ThS. Trần Thị Vân; ThS. Trịnh Vũ Lâm - Hà Nội - Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, 2021 - 06/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình bào chế của viên nang từ bài thuốc "Hạ mỡ NK" ở quy mô phòng thí nghiệm và bước

đầu đánh giá độ ổn định của chế phẩm. Đánh giá độc tính cấp, độc tính bán trường diễn và tác dụng hạ lipid máu của viên nang “Hạ mỡ NK”. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của nguyên liệu bán thành phẩm và thành phẩm viên nang “Hạ mỡ NK”.

Số hồ sơ lưu: 18589

#### **30404. Hoá dược học**

78693. 12-2021. Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất omega 6,7,9 từ vi khuẩn tía quang hợp ứng dụng trong công nghiệp thực phẩm và dược phẩm/ TS. Hoàng Thị Yến, PGS. TS. Chu Hoàng Hà; CN. Trần Thị Thu Quỳnh; CN. Trần Thu Hà; ThS. Lưu Thị Tâm; TS. Đỗ Thị Liên; TS. Lại Thị Ngọc Hà; TS. Đinh Thị Thu Hằng; TS. Đỗ Thị Tuyên - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2020 - 10/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng công nghệ lên men để sản xuất sinh khối vi khuẩn tía quang hợp và công nghệ enzyme để sản xuất các axit béo không no (omega 6, 7, 9) sử dụng trong công nghiệp thực phẩm và dược phẩm từ nguồn nguyên liệu trong nước. Lựa chọn được các chủng vi khuẩn tía quang hợp có khả năng sinh trưởng mạnh, tổng hợp lipid và omega 6, 7, 9 với hàm lượng cao. Xây dựng mô hình (công nghệ và thiết bị) sản xuất sinh khối vi khuẩn tía quang hợp quy mô 3-5 m<sup>3</sup>/bể. Xây dựng quy trình tách chiết, thu nhận dầu sinh học giàu omega 6, 7, 9 từ sinh khối vi khuẩn tía quang hợp và ứng dụng trong sản xuất thực phẩm chức năng.

Số hồ sơ lưu: 18117

#### **305. Công nghệ sinh học trong y học**

##### **30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế**

78692. 12-2021. Thiết kế, tổng hợp và thử tác dụng ức chế histone deacetylase và kháng ung thư của một số dẫn axit hydroxamic mới mang khung quinazolinone và benzamide/ PGS. TS. Trần Khắc Vũ, TS. Hồ Đức Cường; TS. Lưu Văn Chính; ThS. Nguyễn Thị Thùy My; TS. Đinh Thị Phương Anh; ThS. Đoàn Thị Hiền - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế và tổng hợp 50-60 axit hydroxamic mới mang khung quinazolinone và benzamide hoặc tương tự có cấu trúc độc đáo hướng ức chế enzym HDAC và độc tính tế bào ung thư. Thử tác dụng ức chế enzym HDAC và độc tính tế bào ung thư (invitro) của các dẫn chất tổng hợp được. Thử tác dụng chống ung thư in vitro của một số dẫn chất nếu có độc tính tế bào in vitro. Thiết lập được mối liên quan cấu trúc, tác dụng ức chế HDAC của các dẫn chất tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: 18115

#### **4. Khoa học nông nghiệp**

78668. 12-2021. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất mai cảnh tại các vùng chuyên canh, làng nghề trồng mai ở tỉnh Bình Định/ Lại Đình Hòe, - Bình Định - Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Duyên hải Nam trung bộ,

2019 - 10/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trồng mai cảnh trong nhà kính (mái che bằng bạt ni lon; kỹ thuật trồng mai sạch với môi trường; tưới nước tiết kiệm). Nghiên cứu xác định biện pháp kỹ thuật có hiệu quả cao trong việc thúc đẩy mai vàng nở hoa sớm. Nghiên cứu xác định biện pháp kỹ thuật có hiệu quả cao trong việc kìm hãm mai vàng nở hoa sớm. Nghiên cứu một số biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại chính trên mai cảnh. Tổ chức hội thảo khoa học tại các làng nghề trồng mai cảnh; vùng chuyên canh mai nhằm chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trồng mai cảnh áp dụng công nghệ cao. Tư vấn, chuyển giao kết quả trồng mai cảnh công nghệ cao cho các làng nghề trồng mai cảnh và vùng trồng mai chuyên canh trên địa bàn của tỉnh. Liên kết với các doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm mai cảnh công nghệ cao.

Số hồ sơ lưu: BDH-2020-002

78670. 12-2021. **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh trùn quế để nâng cao năng suất, hạn chế một số bệnh trên một số cây trồng cạn tại tỉnh Bình Định/** Trịnh Văn Minh, - Bình Định - Trạm Khuyến nông huyện Phù Mỹ, 2019 - 10/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh trùn quế đảm bảo yêu cầu về chất lượng. Xây dựng quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh trùn quế để nâng cao năng suất, hạn chế một số bệnh trên một số cây

trồng cạn (lạc, ớt, hành) tại tỉnh Bình Định, đảm bảo tăng năng suất cây trồng 5 – 10% và giảm tỷ lệ bệnh trên 10%.

Số hồ sơ lưu: BDH-2020-004

78678. 12-2021. **Nghiên cứu trồng một số loài cây hoa cảnh quan có giá trị phục vụ phát triển du lịch sinh thái tại xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh/** Nguyễn Ngọc Đạo, - Bình Định - Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, 2020 - 09/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá khả năng thích ứng của một số loài hoa cảnh quan tại xã Vĩnh Sơn đáp ứng yêu cầu cảnh quan phục vụ phát triển du lịch. Tuyển chọn được 2-3 loài cây hoa cảnh quan thích ứng với điều kiện khí hậu Vĩnh Sơn. Xây dựng quy trình trồng và chăm sóc những loài hoa thích nghi.

Số hồ sơ lưu: BDH-2020-012

#### **401. Trồng trọt**

##### **40103. Cây lương thực và cây thực phẩm**

79210. 12-2021. **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chuỗi giá trị cho cây lạc và cây lúa ở huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình/** Cử nhân. Quách Thị Kim Mai, ThS. Nguyễn Thị Lý; TS. Dương Thị Hồng Mai; Kỹ sư. Phan Thị Nga; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; Kỹ sư. Vũ Hồng Thanh; Kỹ sư. Đỗ Thị Thu Phương; Kỹ sư. Bùi Thị Minh Châu; Kỹ sư. Bùi Thanh Tiềm; Kỹ sư. Bùi Thị Xanh - Hòa Bình - Hợp tác xã Nông nghiệp

Ngọc Lương, 2020 - 01/2020 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất và phát triển sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ giữa hộ nông dân, hợp tác xã với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm sau thu hoạch đối với cây lạc và cây lúa là phù hợp với chủ trương chiến lược phát triển của ngành nông nghiệp trong giai đoạn mới. Mục tiêu thực hiện dự án là nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế trên đơn vị đất tác, do vậy phù hợp với chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp nói chung và Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện và của tỉnh Hòa Bình nói riêng; - Vùng thực hiện dự án là vùng nông thôn miền núi, đa số là đồng bào dân tộc thiểu số (68%), hơn nữa dự án được thực hiện theo hướng liên kết giữa Doanh nghiệp với Nông dân, do vậy phù hợp với Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ Khoa học và Công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025 tại Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Số hồ sơ lưu: 18412

79297. 12-2021. **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị cho cây lạc tại tỉnh Nghệ An/** KS. Trương Văn Hiền, KS. Hồ Thúc Khiêm; KS. Trương Thị Vân; KS. Đậu Thị Hiền; KS. Hoàng Thị Thu; KS. Nguyễn Thị Phương; KS. Hoàng Khắc Đức; KS. Lưu Xuân

Tuân; ThS. Nguyễn Phúc Hưng; KS. Vũ Quốc Dương; KS. Bùi Việt Anh - Nghệ An - Tổng Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp Nghệ An, 2021 - 09/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và làm chủ các quy trình công nghệ sản xuất giống lạc nguyên chủng, quy trình sấy, chế biến và bảo quản lạc thương phẩm. Xây dựng mô hình giống lạc nguyên chủng và mô hình giống xác nhận. Xây dựng mô hình sản xuất lạc năng suất cao. Xây dựng mô hình công nghệ thiết bị sấy, chế biến và bảo quản lạc thương phẩm với quy mô 20 tấn giống nguyên chủng, 40 tấn giống xác nhận, 250 tấn lạc nhân xuất khẩu đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: 18469

79645. 12-2021. **Nghiên cứu ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn tạo giống lúa nếp có mùi thơm, chịu mặn cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long/** TS. Bùi Thanh Liêm, TS. Trần Đình Giới; TS. Nguyễn Thúy Kiều Tiên; TS. Phạm Ngọc Tú; TS. Huỳnh Văn Nghiệp; TS. Đặng Minh Tâm; TS. Trần Thị Thanh Xà; TS. Lã Cao Thắng; TS. Trần Ngọc Thạch; TS. Nguyễn Thị Phong Lan - Cần Thơ - Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, 2021 - 09/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng bộ chỉ thị liên kết với gen chịu mặn, gen thơm sử dụng cho chọn giống lúa nếp. Chọn tạo 1 đến 2 dòng lúa nếp triển vọng có mùi thơm (cấp 1-2), chống chịu mặn (>0,4%), năng suất cao (5,0-5,5t/ha)

và chống chịu được một số sâu bệnh hại chính và 1 đến 2 dòng lúa nếp có triển vọng có mùi thơm (cấp 1-2), chống chịu mặn (>0,4%), chống chịu tốt một số loại sâu bệnh hại chính. Hoàn thiện quy trình chọn tạo giống lúa nếp chống chịu mặn mang mùi thơm bằng chỉ thị phân tử.

Số hồ sơ lưu: 18668

79897. 12-2021. **Xây dựng mô hình trồng Khoai sọ Nậm Khao theo hướng hàng hóa tại Mường Tè/ Dương Thị Hạnh, ThS. Trần Thị Ánh Nguyệt; Ths. Dương Thị Hạnh; TS. Hoàng Thị Nga; TS. Phạm Hùng Cường ; KS. Nguyễn Anh Vân ; ThS. Lê Văn Tú ; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; CN. Nguyễn Thị Hoa ; KN. Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2020 - 08/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Dự án đã xác định được giống khoai được trồng ở 3 xã điều tra qua đánh giá đặc điểm hình thái thân lá, củ có thể chỉ là một giống khoai nhưng có 3 tên gọi tương ứng với 3 dân tộc (Cống, La Hủ, Hà Nhì) khác nhau. Giống có tên gọi là khoai sọ Nậm Khao được trồng tập trung trên nương là giống thuộc nhóm khoai môn (*Colocasia esculenta* var. *esculenta*) có củ chất lượng bở, thơm, ngon được người tiêu dùng ưa chuộng. Trong 3 xã điều tra, xã Nậm Khao có diện tích trồng khoai sọ Nậm Khao lớn nhất từ 15-20 ha. Đã xác định được một số biện pháp kỹ thuật về nhân giống, canh tác khoai sọ Nậm Khao để có năng suất tối ưu, chất lượng củ ngon. Mô hình canh tác 14 ha khoai sọ Nậm Khao áp

dụng kết quả dự án được triển khai tại xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu cho năng suất củ tươi vượt trung bình 17,0% so với đối chứng. Qua mô hình đã sản xuất được 79 tấn khoai thương phẩm, hiệu quả kinh tế trung bình 2 năm mang lại từ mô hình đạt 61,8 triệu đồng/ha. Đã đào tạo tập huấn cho 100 hộ dân nắm bắt tốt và thực hành về kỹ thuật canh tác cây khoai sọ Nậm Khao.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-001

#### **40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả**

78630. 12-2021. **Nghiên cứu chọn tạo và phát triển giống thanh long phục vụ xuất khẩu tại các tỉnh phía Nam/ TS. Nguyễn Văn Hòa, ThS. Nguyễn Thành Hiếu; TS. Trần Thị Oanh Yến; TS. Nguyễn Ngọc Thi; ThS. Nguyễn Nhật Trường; TS. Trần Thị Mỹ Hạnh; ThS. Đặng Thị Kim Uyên; ThS. Huỳnh Thanh Lộc; ThS. Nguyễn Văn Sơn; KS. Đoàn Thị Cẩm Hồng - Tiền Giang - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2020 - 05/2014 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Chọn tạo được giống thanh long mới có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu khá với sâu bệnh hại chính và xây được quy trình quản lý cây trồng tổng hợp, nhằm phát triển sản xuất thanh long bền vững, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phục vụ xuất khẩu tại các tỉnh phía Nam. Xây dựng được quy trình quản lý cây trồng tổng hợp sản xuất thanh long bền vững theo tiêu chuẩn VietGAP được áp dụng cho các

vùng trồng thanh long xuất khẩu ở các tỉnh phía Nam. Xây dựng được mô hình sản xuất thanh long ruột trắng theo tiêu chuẩn VietGAP đạt năng suất ( $\geq 40$  tấn/ha) và chất lượng cao.

Số hồ sơ lưu: 18091

79546. 12-2021. **Nghiên cứu về giống và biện pháp kỹ thuật tổng hợp phát triển hồ tiêu bền vững/** ThS. Nguyễn Trần Quyên, TS. Đặng Bá Đán; ThS. Dương Thị Oanh; ThS. Trần Thị Diệu Hiền; TS. Nguyễn Xuân Hòa; ThS. Nguyễn Văn Long; ThS. Nguyễn Quang Ngọc; TS. Nguyễn Công Thành; ThS. Đỗ Thị Ngọc; ThS. Nguyễn Bá Huy; KS. Nguyễn Ngọc Dũng; CN. Đặng Lan Anh; ThS. Nguyễn Tố Cát Triệu; CN. Trương Văn Tân; KS. Võ Chí Cường; KS. Đoàn Thị Hồng Cam; ThS. Lê Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Nguyễn Văn An; KS. Nguyễn Văn Mạnh; KS. Trần Ngọc Khánh; ThS. Lê Thu Hiền; KS. Nguyễn Quốc Hải - Đắk Lắk - Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên, 2021 - 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra thực trạng sản xuất hồ tiêu tại các vùng trồng chính, tiến hành tuyển chọn 01-02 giống tiêu cho mỗi vùng, 01- 02 tổ hợp ghép (năng suất khá, có khả năng chống chịu bệnh chết nhanh, chết chậm) và bước đầu xác định kỹ thuật lai giống hồ tiêu. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng mới và quy trình canh tác tổng hợp phòng trừ bệnh chết nhanh, chết chậm trên cây hồ tiêu tại các vùng trồng chính và xây dựng 03 mô hình canh tác tổng hợp

cho các vùng trồng chính (1ha/mô hình) và 01 mô hình trồng mới (0,3ha) đảm bảo tỷ lệ cây sống đạt 90 %. Đồng thời nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật bổ sung Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch hồ tiêu.

Số hồ sơ lưu: 18640

79836. 12-2021. **Đánh giá khả năng thích ứng của giống mận Úc (DowWorth) tại 2 huyện Mù Cang Chải và Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái/** Thạc sĩ Đỗ Sỹ An, ThS. Nguyễn Thị Biền; KS. Nguyễn Thị Kim Anh; KS. Phạm Thị Xuyên; KS. Phạm Tiến Lâm; KS. Tráng A Cửa - Tỉnh Phú Thọ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2020 - 10/2016 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá khả năng thích ứng của giống Mận Úc (DowWorth) tại huyện Mù Cang Chải và Trạm Tấu. Xây dựng 2 mô hình trồng cây giống mận Úc (DowWorth) quy mô 1ha/mô hình, năng suất năm thứ 3 đạt  $\geq 1$  tấn quả tươi/ha, có tiềm năng phát triển, bổ sung cho địa phương cây trồng mới có giá trị kinh tế. Xác định ảnh hưởng của các biện pháp kỹ thuật: trồng, chăm sóc, đốn tỉa cành đối với giống Mận Úc (DowWorth) tại huyện Mù Cang Chải và Trạm Tấu. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Mận Úc (DowWorth) tại huyện Mù Cang Chải và Trạm Tấu. Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho 60 hộ nông dân trong vùng triển khai thực hiện đề tài.

Số hồ sơ lưu: YBI-001-2021

79910. 12-2021. **Nghiên cứu xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bưởi Đại Minh đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.**/ Đỗ Thị Hồng Hạnh, TS. Đỗ Thị Hồng Hạnh; TS. Phạm Văn Ngọc; TS. Nguyễn Thị Yên; TS. Ma Thị Hương; TS. Nguyễn Thế Huân; TS. Phạm Văn Hạnh; KS. Nông Thị Vân; KS. Nguyễn Hoàng Anh; TS. Đinh Hồng Linh; Th.s Nguyễn Ngọc Lý - Thái Nguyên - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, 2020 - 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Bưởi Đại Minh trên địa bàn huyện Yên Bình tỉnh Yên Bái; Xây dựng mô hình sản xuất Bưởi đạt tiêu chuẩn VietGAP quy mô 20 ha trên địa bàn huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ Bưởi Đại Minh trên địa bàn huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái cho các sản phẩm Bưởi đạt tiêu chuẩn VietGAP; Hội nghị đầu bờ, đánh giá kết quả xây dựng mô hình sản xuất Bưởi Đại Minh đạt tiêu chuẩn VietGAP; Hội nghị đánh giá kết quả xây dựng mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm Bưởi Đại Minh đạt tiêu chuẩn VietGAP.

Số hồ sơ lưu: YBI-007-2021

79928. 12-2021. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.**/ Nguyễn Việt Dương, Ths. Nguyễn Việt Dương; CN. Nguyễn Thị Tuyết ; Ks. Đào Xuân Hưng ; Ks. Bùi Văn

Thạch; Ks. Triệu Thị Bích Liễu; Ks. Nguyễn Tiến Chiên; Ks. Nguyễn Văn Trường; KS. Nguyễn Đức Mậu. - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Rau hoa quả Gia Lâm, 2020 - 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra khảo sát, lựa chọn hộ, diện tích xây dựng mô hình; Phân tích mẫu đất, nước, đánh giá nguy cơ ô nhiễm, làm cơ sở lập hồ sơ xin chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất rau; Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng vùng sản xuất rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGap; Đào tạo kỹ thuật viên và tập huấn cho nông dân; Sơ chế sản phẩm; Hình thành chuỗi liên kết sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGap, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm; Hội nghị, hội thảo đầu bờ.

Số hồ sơ lưu: YBI-008-2021

79930. 12-2021. **Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chiếu sáng LED trong sản xuất hoa cúc Đại Đóa (*Chrysanthemum morifolium*) thương phẩm tại tỉnh Yên Bái.**/ Nguyễn Thị Kim Thúy, Ts. Nguyễn Thị Kim Thúy; Ths. Ninh Khắc Bấy; Ks. Mai Như Trang; Ths. Nguyễn Văn Huân; CN. Nguyễn Hồng Ngọc; Ths. Đỗ Thị Gám; Ths. Bùi Thị Phương Thảo; Ths. Nguyễn Quang Huy; Ks. Quán Thị Tuyết Nhung; CN. Vũ Quang Huy. - Hà Nội - Trung tâm Phát triển công nghệ cao., 2020 - 11/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xác định thời gian chiếu sáng bằng đèn LED chuyên dụng trong sản xuất hoa cúc Đại đóa thương phẩm tại tỉnh Yên Bái; Xây

dựng hướng dẫn kỹ thuật chiếu sáng điều khiển quang chu kỳ bằng đèn LED chuyên dụng trong sản xuất hoa cúc Đại đoá thương phẩm phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh Yên Bái; Tập huấn, chuyên gia kỹ thuật chiếu sáng điều khiển quang chu kỳ bằng đèn LED chuyên dụng trong sản xuất hoa cúc Đại đoá thương phẩm cho người dân địa phương.

Số hồ sơ lưu: YBI-009-2021

#### **40105. Cây công nghiệp và cây thuốc**

74285. 12-2021. **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phân lập, nhân giống và nuôi trồng thử nghiệm một số loại nấm dược liệu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình/ Đình Thị Lan, ThS. Đình Thị Lan; ThS. Nguyễn Khoa Đăng; ThS. Trịnh Đình Thế; ThS. Nguyễn Thu Hương; Vũ Thị Thu Hà; ThS. Trịnh Thị Thu Hoài; ThS. Nguyễn Toàn Thắng; CN. Đỗ Việt Anh; ThS. Nguyễn Thùy Linh; CN. Trần Hữu Bình - Ninh Bình - Trung tâm Ứng dụng, Thông tin Khoa học công nghệ và Đo lường thử nghiệm, 2019 - 02/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Đề tài đã thực hiện theo đúng mục tiêu và nội dung được duyệt. Đã hoàn thiện được quy trình phân lập, nhân giống nấm Hoàng chi và Vân chi. Đã phân lập được 120 tuyp giống nấm gốc, 390 tuyp giống nấm cấp I, 600 chai giống nấm cấp II, giống nấm sinh trưởng phát triển khỏe, đạt yêu cầu làm giống. Đã xây dựng được mô hình trồng nấm Hoàng chi, Vân chi với quy mô 20.000 bịch tại các hộ tham gia mô

hình, nấm sinh trưởng phát triển tốt, sau 3 lần thu hoạch tổng sản lượng nấm Hoàng chi là 382,2 kg, sản lượng nấm Vân chi đạt 260,3 kg. Vượt 292,5 kg so với yêu cầu. Người dân nắm được quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch và sơ chế hai loại nấm dược liệu quý. Mô hình trồng nấm dược liệu cho lãi từ 6,6-8,5 triệu đồng/tán nguyên liệu, giúp người dân tận dụng được thời gian nông nhàn, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống.

Số hồ sơ lưu: NBH-2019-001

79907. 12-2021. **Nghiên cứu, sản xuất giống và phát triển cây Khôi tía làm nguyên liệu sản xuất thuốc tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái/ Nguyễn Văn Đạt, Ths. Nguyễn Văn Đạt; Ks. Hà Anh Thọ; Ks. Bùi Văn Bản; CN. Phan Thúc Hào; CN. Trần Quốc Hùng; Ks. Phạm Xuân Tùng; Ks. Đoàn Trung Kiên; Triệu Văn Tuyên; Ks. Trần Văn Liêm; Ks. Bùi Thế Mão. - Tỉnh Yên Bái - Công ty cổ phần Cao su Yên Bái, 2020 - 07/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Xây dựng vườn nhân giống Khôi tía tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Trồng thử 5 ha Khôi tía xen trong rừng cao su tại Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Xây dựng Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật ương, trồng, chăm sóc và thu hoạch cây Khôi tía dưới tán rừng Cao su phù hợp với điều kiện địa phương; Tập huấn kỹ thuật thâm canh giống Khôi tía dưới tán rừng Cao su; Tổ chức hội nghị đầu bờ tổng kết và đánh giá kết quả, xây dựng mô hình



Số hồ sơ lưu: YBI-005-2021

**40106. Bảo vệ thực vật**

79053. 12-2021. **Nghiên cứu tạo chế phẩm sinh học phòng trừ bệnh đốm nâu (*Neoscytalidium dimidatum*) trên cây Thanh Long/CN.** Nguyễn Thế Quyết, PGS.TS. Phạm Xuân Hội; PGS.TS. Lê Huy Hàm; CN. Lê Thanh Nhuận; TS. Bùi Thị Lan Hương; TS. Hồ Tuyên; TS. Nguyễn Đức Huy; TS. Phạm Thị Tâm; TS. Hà Minh Thanh; ThS. Mai Thị Thúy Kiều - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2021 - 07/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập quy trình sản xuất chế phẩm sinh học phòng trừ bệnh đốm nâu do nấm *Neoscytalidium dimidiatum* gây ra trên cây thanh long. Xây dựng quy trình sử dụng chế phẩm sinh học trong quản lý tổng hợp bệnh đốm nâu gây hại cây thanh long. Xây dựng 3 mô hình sử dụng chế phẩm sinh học phòng trừ bệnh đốm nâu cho cây thanh long tại Bình Thuận, Long An và Tiền Giang. Giảm chỉ số bệnh  $\geq 70\%$ , hiệu quả kinh tế tăng  $\geq 25\%$  so với đối chứng.

Số hồ sơ lưu: 18262

79478. 12-2021. **Tích hợp đa gen kháng bệnh bạc lá, rầy nâu và đạo ôn cổ bông vào giống lúa chất lượng bằng chỉ thị phân tử (MABC)"/** TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt, ThS. Nguyễn Thị Nhài; PGS.TS. Lê Hùng Lĩnh; ThS. Nguyễn Bá Ngọc; TS. Đào Văn Khởi; ThS. Đặng Văn Duyên; TS. Khuất Thị Mai Lương; TS. Chu Đức Hà; ThS. Nguyễn Thanh Hà; TS. Võ

Thị Minh Tuyền; ThS. Nguyễn Hữu Hỷ - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2021 - 02/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tích hợp đa gen kháng bệnh bạc lá (xa5, Xa7), gen kháng rầy nâu (Bph20, Bph21) và gen kháng đạo ôn cổ bông (Pi1, Pi9(t)...) vào giống lúa chất lượng bằng phương pháp chọn giống nhờ chỉ thị phân tử và lai trở lại (MABC). Chọn tạo giống lúa chất lượng cải tiến được tích hợp 3-4 gen kháng bệnh bạc lá và rầy nâu, có năng suất đạt 5,0- 5,5 tấn/ ha (vụ mùa), phẩm chất gạo tương đương với giống gốc và chống chịu với bạc lá (điểm  $\leq 3$ ), rầy nâu (điểm  $< 5$ ). Giống được tham gia khảo nghiệm quốc gia ít nhất một vụ. Xây dựng và công nhận cơ sở quy trình tích hợp đa gen kháng đa yếu tố (bạc lá, rầy nâu, đạo ôn cổ bông) vào giống lúa chất lượng bằng chỉ thị phân tử MABC.

Số hồ sơ lưu: 18602

79581. 12-2021. **Hoàn thiện công nghệ sản xuất Kit chẩn đoán virus gây bệnh lùn sọc đen phương Nam/** TS. Nguyễn Duy Phương, TS. Phạm Thu Hằng; TS. Đỗ Thị Hạnh; TS. Cao Lệ Quyên; TS. Nguyễn Văn Cử; ThS. Nguyễn Thanh Hà; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Phạm Thị Vân; CN. Đào Quang Minh; PGS.TS. Hà Viêt Cường; GS.TS. Phạm Xuân Hội - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình sản xuất kháng thể đặc hiệu kháng virus gây bệnh lùn sọc đen phương Nam. Hoàn thiện quy trình Dot-ELISA

chẩn đoán virus gây bệnh lùn sọc đen phương Nam. Sản xuất kháng thể đa dòng kháng virus gây bệnh lùn sọc đen phương Nam. Hoàn thiện bộ KIT Dot-ELISA chẩn đoán virus gây bệnh lùn sọc đen phương Nam.

Số hồ sơ lưu: 18658

#### **40107. Bảo quản và chế biến nông sản**

78689. 12-2021. **Hoàn thiện công nghệ chế biến và đóng gói Tetra-pak cho sản phẩm nước dừa tại vùng đồng bằng sông Cửu Long/** Cù Văn Thành, KS. Nguyễn Trường Thịnh, ThS. Lê Thị Bảo Ngọc, ThS. Huỳnh Diễm Chi, ThS. Nguyễn Thanh Tân, ThS. Nguyễn Kim Oanh, TS. Nguyễn Phương, ThS. Nguyễn Trịnh Hoàng Anh, ThS. Phạm Tuấn Đạt; KS. Mai Karol; KS. Lê Văn Hoài Thanh; CN. Lê Minh Tuấn, CN. Mã Thị Bích Thảo, KS. Tôn Duy Đức, ThS. Lê Minh Tùng, KS. Nguyễn Thị Lê Duyên, KS. Nguyễn Thành Đăng, KS. Nguyễn Văn Anh Nhiên, CN. Bùi Xuân Phương, KS. Lê Nguyễn Anh Tuấn - Bến Tre - Công ty TNHH chế biến dừa Lương Quới, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được dây chuyền sản xuất và quy trình công nghệ chế biến và đóng gói Tetra - Pak cho sản phẩm nước dừa tại vùng đồng bằng sông Cửu Long. Công nghệ cao ngang tầm thế giới tạo sản phẩm có chất lượng tốt phục vụ nội tiêu và xuất khẩu nâng cao khả năng cạnh tranh. Khẳng định thương hiệu, mang hình ảnh cây dừa Việt Nam

nói chung và cây dừa Bến Tre nói riêng vươn xa ra thị trường thế giới.

Số hồ sơ lưu: 18109

#### **40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác**

79311. 12-2021. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chiếu sáng đèn LED nhằm tăng năng suất sinh khối và năng suất tinh dầu cây Bạc hà (Mentha arvensis L.)/** TS. Phan Xuân Bình Minh, CN. Đỗ Thị Kim Trang; ThS. Trương Thị Chiên; ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai; ThS. Trần Bảo Trâm; ThS. Bùi Thị Thanh Phương - Hà Nội - Trung tâm Sinh học Thực nghiệm, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu ảnh hưởng điều kiện chiếu sáng đèn LED đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng tinh dầu của cây Bạc hà trong nhà lưới. Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm và đánh giá hiệu quả của hệ thống chiếu sáng đèn LED đến năng suất sinh khối, năng suất và chất lượng tinh dầu Bạc hà trồng ngoài đồng ruộng tại Gia Bình, Bắc Ninh.

Số hồ sơ lưu: 18475

79479. 12-2021. **Ứng dụng công nghệ cao để sản xuất giống sạch bệnh và thâm canh cây có múi quy mô công nghiệp tại vùng Bắc Trung Bộ/** TS. Bùi Quang Đăng, PGS.TS. Lê Quốc Thanh; TS. Phạm Hồng Hiên; TS. Đỗ Văn Ngọc; TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; TS. Cao Văn Chí; TS. Phạm Văn Linh; ThS. Phạm Thị Sâm; ThS. Nguyễn Doãn Hùng; Kỹ sư. Hồ Thúc Khiêm - Hà Nội - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2021 -

02/2021 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình nhân giống cây ăn quả có múi sạch bệnh quy mô công nghiệp; Quy trình canh tác cây ăn quả có múi ứng dụng công nghệ cao (tưới kết hợp bón phân điều khiển tự động, bón tự động) tại vùng Bắc Trung Bộ. Các Quy trình được công nhận ở cấp cơ sở. Xây dựng 01 hệ thống nhân giống cây giống cây ăn quả có múi sạch bệnh cây giống đạt tiêu chuẩn TCVN 9302:2013. Áp dụng đồng bộ, có hiệu quả các công nghệ nhân giống sạch bệnh; công nghệ chống tái nhiễm bệnh greening, tristeza; quy trình bón phân kết hợp tưới tiết kiệm và công nghệ bảo quản quả tươi trong sản xuất cây có múi vùng Bắc Trung bộ.

Số hồ sơ lưu: 18605

79586. 12-2021. **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để sản xuất rau theo hướng hữu cơ, rau an toàn và chuỗi giá trị gắn với xây dựng nông thôn mới vùng miền núi phía Bắc/ PGS.TS. Nguyễn Việt Hưng, TS. Nguyễn Minh Tuấn; GS.TS. Trần Ngọc Ngoạn; TS. Hoàng Kim Diệu; TS. Nguyễn Văn Hiều; ThS. Lương Hùng Tiến; TS. Kiều Thị Thu Hương; TS. Đặng Thị Tố Nga; TS. Hà Duy Trường; TS. Ngô Thị Hạnh - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên, 2021 - 11/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đánh giá tổng quan về nông thôn mới và tình hình nghiên cứu sản xuất rau vùng dự án. Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật

sản xuất rau theo hướng hữu cơ an toàn trên đất lúa, đất màu, đất trồng cây ăn quả kém hiệu quả với quy mô 10ha/mô hình. Xây dựng mô hình liên kết doanh nghiệp - nhóm hộ nông dân sản xuất rau theo hướng hữu cơ tại xã Nam Hòa, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và tại thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Hỗ trợ lắp đặt thiết bị xưởng sơ chế sản phẩm rau sau thu hoạch quy mô 100m<sup>2</sup> /xưởng đảm bảo rau được đóng gói, nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc thích hợp cho từng loại sản phẩm, được các siêu thị và người tiêu dùng chấp nhận.

Số hồ sơ lưu: 18651

## 402. Chăn nuôi

### 40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

78685. 12-2021. **Ứng dụng một số công nghệ mới để đánh giá khả năng sản xuất và chất lượng thịt của các cặp lai Blanc Bleu Belge (BBB) x Red Brahman Úc, Charolais x Red Brahman Úc, Red Angus x Red Brahman Úc, phục vụ phát triển thương hiệu bò thịt tại huyện M'Đrắk (tỉnh Đắk Lắk)/ TS. Lê Văn Ty, CN. Đặng Thái Nhị; TS. Nguyễn Văn Hạnh; TS. Đỗ Văn Thu; ThS. Quản Xuân Hữu; TS. Phạm Kim Cương; TS. Ngô Đình Tân; CN. Vương Xuân Hiến; KS. Lâm Quốc Huy; CN. Nguyễn Thị Minh; KS. Nguyễn Quốc Việt; KS. Nguyễn Trung Hiều; KS. Trần Thanh Tùng; KS. Nguyễn Thế Hùng; CN. Đào Thị Loan; CN. Trần Thị Tươi; CN. Dương Thị Thùy; KS. Trần Sơn Hà; KTV. Nguyễn Thị**

Thùy Anh - Đắc Lắc - Công ty TNHH Liên Hợp Công Nông Nghiệp Phát triển bền vững Sao Đỏ, 2020 - 12/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nâng cao giá trị của đàn bò thịt và thịt bò bằng việc khai thác các tiến bộ mới phục vụ phát triển thương hiệu bò thịt tại huyện M'Đrăk (tỉnh Đắc Lắc); Trong 3 năm thực hiện mục tiêu cụ thể: Tạo ra 03 cặp lai (150 con bê/ 01 cặp lai); Xây dựng và làm chủ quy trình công nghệ tạo ra các cặp bò lai, quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, vỗ béo các cặp lai; Đánh giá năng suất và chất lượng thịt của 03 cặp con lai.

Số hồ sơ lưu: 18113

78710. 12-2021. **Điều tra thống kê sinh học và nghiên cứu tu chỉnh các giống thuộc họ ong ký sinh Braconidae ở Việt Nam/** PGS. TS. Khuất Đăng Long, PGS. TS. Đặng Thị Dung; TS. Phạm Thị Nhị; ThS. Đặng Thị Hoa; ThS. Cao Quỳnh Nga; ThS. Nguyễn Văn Dương - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2020 - 04/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra và nghiên cứu về hệ thống học và phân loại học ở mức độ giống và loài thuộc các phân họ Braconinae, Doryctinae, Microgastrinae, Orgilinae và Rogadinae trong họ ong ký sinh Braconidae ở Việt Nam. Thu thập dữ liệu có liên quan đến nơi sống và thông tin về vật chủ của các loài ong ký sinh trong tự nhiên. Phân tích mẫu vật thu được trong điều tra nhằm tìm kiếm phát hiện những đơn vị phân loại mới cho khoa học (loài

hoặc giống) từ khu hệ của Việt Nam và làm rõ vai trò các loài đặc hữu trong phát sinh chủng loại hoặc là loài quan trọng có thể sử dụng trong biện pháp sinh học phòng chống sâu hại cho cây trồng trong các hệ sinh thái nhiệt đới điển hình ở Việt Nam. Xây dựng bộ sưu tập mẫu tham chiếu (các mẫu vật chuẩn) và mẫu vật với đủ dữ liệu cho việc nghiên cứu (bộ sưu tập mẫu nghiên cứu), đáp ứng được tiêu chuẩn quốc tế trong việc truy cập và trao đổi. Thu thập dữ liệu về phân tử và hình thái (các khóa định loại so sánh và mô tả) giúp cho việc soạn thảo khu hệ ong ký sinh họ Braconidae ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18090

78953. 12-2021. **Nghiên cứu sản xuất tinh bò Blanc - Bleu - Belge (BBB) thuần đông lạnh dạng cọng rạ và thử nghiệm phương pháp phân tách tinh phân giới/** ThS. Bùi Đại Phong, TS. Nguyễn Hữu Đức; KS. Vũ Văn Hải; KS. Nguyễn Đạt Trung; KS. Nguyễn Ngọc Kiên; ThS. Nguyễn Ngọc Giang; KS. Nguyễn Thị Mai; ThS. Nguyễn Thị Thúy; KS. Vũ Việt Tiến; KS. Nguyễn Thị Phương Linh; KS. Lê Văn Chiến; KS. Nguyễn Thị Hương; KS. Nguyễn Thế Ân; KS. Nguyễn Văn Giang; KS. Trần Thị Bình Nguyên; KS. Phạm Thu Giang - Hà Nội - Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội, 2020 - 12/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ sản xuất tinh bò thuần BBB dạng cọng rạ và thử nghiệm phương pháp phân tách tinh phân giới. Xây dựng quy trình chăm

sóc, nuôi dưỡng bò đực giống BBB thuần tại Việt Nam; Khai thác đánh giá chất lượng tinh nguyên bò BBB thuần; Sản xuất tinh bò đông lạnh dạng cọng rạ; Thử nghiệm các phương pháp phân tách tinh phân giới qui mô phòng thí nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 18088

#### **40205. Bảo vệ động vật nuôi**

78646. 12-2021. Xây dựng và tiêu chuẩn hóa phương pháp Realtime PCR tại Việt Nam để phát hiện định lượng phục vụ đánh giá rủi ro nhiễm *Campylobacter* trong chiến lược giám sát toàn cầu./ TS. Lưu Quỳnh Hương, TS. Phạm Thị Ngọc; TS. Nguyễn Thị Lan Anh; TS. Hoàng Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Thu Hằng; TS. Nguyễn Thị Bích Thủy; TS. Ngô Chung Thủy; TS. Lâm Quốc Hùng; ThS. Tạ Ngọc Thanh; GS. TS. Đặng Đức Anh; ThS. Hoàng Minh Đức; ThS. Trần Thị Thu Hằng; TS. Nguyễn Đồng Tú - Hà Nội - Viện thú y, 2020 - 08/2016 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập quy trình Realtime PCR nhằm phát hiện, định lượng nhiễm *Campylobacter* trên gà và người, phù hợp với điều kiện Việt Nam phục vụ chiến lược giám sát toàn cầu. Thiết lập quy trình Realtime PCR để phát hiện, định lượng *Campylobacter* trong điều kiện Việt Nam. Phân lập vi khuẩn *Campylobacter* ở gà (từ trang trại, lò mổ và tại chợ bán lẻ) và người (mẫu bệnh nhân tiêu chảy) tại Việt Nam sử dụng phương pháp nuôi cấy theo ISO 10272 và phương pháp Realtime PCR. Đánh giá mỗi nguy

cơ nhiễm *Campylobacter* trong chuỗi thực phẩm từ gà và đề xuất xây dựng chiến lược kiểm soát *Campylobacter* trong chuỗi thực phẩm từ gà tại Việt Nam. Nâng cao năng lực nghiên cứu của cán bộ Việt Nam thông qua hợp tác quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 18100

#### **40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi**

79863. 12-2021. Nghiên cứu tính thích ứng một số giống tầm tiến bộ phục vụ phát triển sản xuất dâu, tầm trên địa bàn huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái/ TS. Nguyễn Thị Len, ThS. Lê Thị Hương; TS. Nguyễn Thị Thu; KS. Tạ Thị Thủy; KS. Trần Văn Thu; KS. Nguyễn Thị Cam; KS. Phạm Thị Cao; KS. Nguyễn Thị Nga; KTV. Nguyễn Thị Uyên; KTV. Nguyễn Thị Dương - Tỉnh Thái Bình - Trạm nghiên cứu Dâu tầm tơ Việt Hùng, 2020 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu lựa chọn được 1-2 giống tầm có năng suất cao thích hợp và Hoàn thiện Hướng dẫn kỹ thuật nuôi tầm lớn phù hợp với điều kiện sản xuất của huyện Trấn Yên; Xây dựng mô hình nuôi giống tầm có năng suất cao đã lựa chọn qua kết quả nghiên cứu để đánh giá hiệu quả kinh tế của giống tầm; - Tập huấn kỹ thuật nuôi tầm cho 50 hộ dân tại huyện Trấn Yên.

Số hồ sơ lưu: YBI-010-2021

**403. Thú y****40312. Dược học thú y**

79223. 12-2021. **Nghiên cứu sản xuất vắc xin vô hoạt chứa tiểu phần E2 trên hệ thống baculovirus phòng bệnh dịch tả lợn/** TS. Trần Thị Thanh Hà, TS. Đặng Vũ Hoàng; Cử nhân. Nguyễn Thị Chinh; TS. Trương Anh Đức; ThS. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thúy Duyên; Cử nhân. Nguyễn Thế Vinh; TS. Nguyễn Thị Bích Thủy - Hà Nội - Viện thú y, 2020 - 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Muốn hướng tới phát triển ngành Chăn nuôi an toàn, sản phẩm đầu ra đáp ứng yêu cầu khắt khe của khu vực và thế giới – nơi vắc xin nhược độc bị cấm sử dụng, thì phải sớm thanh toán được bệnh DTL. Vắc xin DTL, dù được sản xuất bằng công nghệ nào (truyền thống hay hiện đại), cũng đều mang protein vỏ (capsid protein) có tính sinh miễn dịch. Một trong những công nghệ tiên tiến đang được áp dụng trong nghiên cứu sản xuất vắc xin phòng bệnh do DTL gây ra là công nghệ protein tái tổ hợp. Những thành công bước đầu trong ứng dụng công nghệ này để tái tổ hợp protein E2 của DTL, protein có tính sinh miễn dịch chủ yếu của DTL, đã mở ra kỷ nguyên mới trong nghiên cứu, phát triển và hoàn thiện vắc xin phòng các bệnh có liên quan đến DTL ở lợn.

Số hồ sơ lưu: 18405

**404. Lâm nghiệp****40403. Quản lý và bảo vệ rừng**

79320. 12-2021. **Tác động của chính sách quản lý rừng đến mức sống dân cư nông thôn tỉnh Quảng Bình/** TS. Trần Thị Tuyết, TS. Đào Hoàng Tuấn; TS. Hà Huy Ngọc; ThS. Phạm Mạnh Hà; ThS. Lê Thu Quỳnh; CN. Đỗ Thị Duyên; CN. Trần Ngọc Ánh - Hà Nội - Viện Địa lí nhân văn, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích những vấn đề chung về tác động của chính sách quản lý rừng đến mức sống dân cư nông thôn. Đánh giá thực trạng tác động của chính sách quản lý rừng đến mức sống dân cư nông thôn tỉnh Quảng Bình. Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường việc thực hiện chính sách quản lý rừng nhằm nâng cao mức sống dân cư nông thôn tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 18483

**40405. Giống cây rừng**

79214. 12-2021. **Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống bạch đàn (GLGU9, GLSE9, GLU4) chất lượng cao bằng nuôi cấy mô quy mô công nghiệp phục vụ trồng rừng tại vùng Đông Bắc Bộ/** ThS. Ngô Thị Nguyệt, Kỹ sư. Trần Thị Hồng; Cử nhân. Trần Thị Hà; Kỹ sư. Đinh Thu Huế; Kỹ sư. Nguyễn Thị Quỳnh Anh; Kỹ sư. Vũ Thị Cẩm Nhung; Kỹ sư. Nguyễn Thị Lịch; Kỹ sư. Nguyễn Thế Yên; KTV. Nguyễn Huy Đông - Quảng Ninh - Trung tâm Khoa học và Sản xuất lâm nông nghiệp Quảng Ninh,

2020 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện và triển khai thành công quy trình nhân giống nuôi cấy mô cho 03 dòng bạch đàn (GLGU9, GLSE9, GLU4) theo hướng công nghiệp. Trong thời gian thực hiện dự án, sản xuất được 3 triệu cây giống mầm mô; 500.000 cây giống thành phẩm bạch đàn (GLGU9, GLSE9, GLU4); Hình thành 03 mô hình trồng bạch đàn (GLGU9, GLSE9, GLU4) ở 3 vùng (Quảng Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn) quy mô 15 ha/vùng. Từ đó hoàn thiện được quy trình công nghệ nhân giống cây bạch đàn (GLGU9, GLSE9, GLU4) bằng nuôi cấy mô quy mô công nghiệp. Sản xuất và thương mại được giống cây bạch đàn (GLGU9, GLSE9, GLU4) có chất lượng cao, giá cạnh tranh.

Số hồ sơ lưu: 18387

#### **405. Thủy sản**

74361. 12-2021. **Cải tiến lưới chụp 04 tầng gông thành 06 tầng gông trong khai thác hải sản ở vùng biển xa bờ./** KS. Nguyễn Việt Triều, KS. Nguyễn Việt Triều; KS. Huỳnh Văn Khải; KS. Lê Hoàng Khánh; KS. Trần Quốc Bình; KS. Phạm Chí Em. - Chi Cục thủy sản Cà Mau - Chi cục Thủy sản tỉnh Cà Mau, 2018 - 11/2017 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trước tình trạng nguồn lợi thủy sản suy giảm hiện nay, giá nhiên liệu, vật liệu nhu yếu phẩm phục vụ cho nghề khai thác hải sản không ngừng gia tăng, tình trạng thiếu hụt lao động,... thì việc ứng dụng các

trang thiết bị hỗ trợ để giảm sức lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế là rất cần thiết. Đối chiếu với các thông tin thu thập cho thấy, việc phát triển nghề lưới chụp 06 tầng gông là phù hợp xu thế phát triển nghề cá hiện nay, tạo ra việc làm thu nhập ổn định cho ngư dân, phù hợp với chủ trương phát triển nghề khai thác hải sản xa bờ tại Cà Mau hiện nay.

Số hồ sơ lưu: CMU-2019-004

#### **40503. Bệnh học thủy sản**

78682. 12-2021. **Nghiên cứu tạo chủng vi tảo Chlamydomonas reinhardtii biểu hiện protein VP28 của virus gây bệnh đốm trắng (WSSV) ở tôm để làm thức ăn phòng bệnh đốm trắng/** PGS. TS. Đồng Văn Quyền, TS. Nguyễn Minh Hoàng; PGS. TS. Đinh Duy Kháng; GS. TS. Đặng Diễm Hồng; TS. Ngô Thị Hoài Thu; ThS. Phạm Thị Lành; PGS. TS. Võ Văn Nha; ThS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Bùi Thị Thủy Dương; ThS. Hà Thị Thu; ThS. Lê Thị Thơm - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình tạo vector chuyển gen và biểu hiện gen vp 28 của virus gây bệnh đốm trắng trong vi tảo C. reinhardtii. Xây dựng quy trình nuôi tảo C. reinhardtii tái tổ hợp ở các cấp độ thể tích khác nhau để tạo chế phẩm miễn dịch phòng bệnh đốm trắng ở tôm qua đường ăn. Xây dựng quy trình sử dụng chế phẩm miễn dịch phòng bệnh đốm trắng ở tôm qua đường ăn. Tạo chế phẩm miễn dịch (sinh khối vi

tảo *C. reinhardtii* tái tổ hợp biểu hiện VP28, độ an toàn 100%, tỷ lệ bảo hộ >70%).

Số hồ sơ lưu: 18112

#### **40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thủy sản**

76999. 12-2021. **Đánh giá tổng thể chất lượng môi trường nước tại vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở Hải Phòng và đề xuất các giải pháp quản lý môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững/** ThS Trương Văn Tuấn, ThS Nguyễn Đức Thắng; ThS Nguyễn Công Thành; ThS Trần Quang Thư; ThS Thái Thị Kim Thanh; CN Đỗ Thị Tuyết; CN Lưu Ngọc Thiện; KS Nguyễn Thị Ánh; ThS Ngô Xuân Ba - Hải Phòng - Trung tâm Quan trắc môi trường biển, 2020 - 08/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá các yếu tố tác động gây ô nhiễm môi trường nước tại một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở Hải Phòng. Đánh giá chất lượng môi trường nước cấp tại một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở Hải Phòng. Đánh giá chu kỳ biến động và tải lượng ô nhiễm môi trường của một số mô hình nuôi trồng thủy sản nước ngọt. Đề xuất giải pháp quản lý môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững tại Hải Phòng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2020.02

#### **406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp**

##### **40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;**

78639. 12-2021. **Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen thực vật nông nghiệp/** PGS. TS. Lã Tuấn Nghĩa, TS. Vũ Đăng Toàn; TS. Trần Thị Thu Hoài; TS. Vũ Linh Chi; KS. Nguyễn Tiến Hưng; TS. Hoàng Thị Huệ; ThS. Vũ Văn Tùng; ThS. Phí Đình Nam; ThS. Hà Minh Loan; TS. Ngô Đức Thế - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Bảo tồn an toàn, lâu dài nguồn tài nguyên di truyền thực vật vì mục tiêu phát triển nông nghiệp và an ninh lương thực ở Việt Nam. Lưu giữ an toàn trên 23.000 mẫu nguồn gen thực vật tại các ngân hàng gen: hạt giống, đồng ruộng và in-vitro; Nhân giống khoảng 1000 lượt nguồn gen nhằm đảm bảo về số lượng và tiêu chuẩn chất lượng hạt giống đối với công tác bảo tồn; Mô tả, đánh giá và tư liệu hóa hơn 1000 lượt nguồn gen; Tiếp tục duy trì và phát triển các điểm bảo tồn on-farm (nguồn gen trong vườn gia đình, nguồn gen bụi, nguồn gen nhãn tại một số tỉnh Nam Định, Hòa Bình, Ninh Bình, Hà Nội); Xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin nguồn gen.

Số hồ sơ lưu: 18093

79579. 12-2021. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chỉnh sửa hệ gen để cải tạo tính trạng mùi thơm**



và kháng bạc lá trên một số giống lúa chủ lực của Việt Nam/ TS. Cao Lệ Quyên, GS.TS. Phạm Xuân Hội; TS. Trần Ngọc Thạch; TS. Nguyễn Duy Phương; TS. Phạm Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thanh Hà; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Phạm Thị Vân; TS. Nguyễn Thúy Kiều Tiên; ThS. Hà Minh Luân; TS. Sebastien Cunnac - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2021 - 10/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình chỉnh sửa promoter OsSWEET14 trên giống lúa Bắc thơm 7 (BT7) và gen OsBADH2 trên giống lúa OM5451. Thiết kế 2-4 cấu trúc chỉnh sửa promoter OsSWEET14 của giống lúa BT7 và gen OsBADH2 của giống lúa OM5451. Chọn tạo dòng lúa BT7 đã được chỉnh sửa promoter OsSWEET14 kháng bạc lá (điểm 1-3) và dòng lúa OM5451 đã được chỉnh sửa gen BADH2 có mùi thơm (tương đương giống OM6162).

Số hồ sơ lưu: 18650

#### **40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp**

78647. 12-2021. Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ, yếu tố nguy cơ lây nhiễm liên cầu khuẩn lợn ( *Streptococcus suis*) ở các địa phương ngoại thành Hà Nội và đề xuất biện pháp phòng trị/ TS. Nguyễn Thị Bích Thủy, TS. Nguyễn Thị Bích Thủy; ThS. Nguyễn Xuân Huyền; ThS. Văn Thị Hương; ThS. Vũ Ngọc Quý; BS. Lê Thị Minh Hằng; ThS. Trần Việt Dũng Kiên; ThS. Lưu Thị Hải Yến; CN. Tăng Thị Phương; CN. Nguyễn Thị Kim Hoa; KTV. Đào Thị Toàn - Hà Nội -

Hội Thú y Việt Nam, 2020 - 05/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ ảnh hưởng bất lợi của liên cầu khuẩn *Streptococcus suis* đối với chăn nuôi lợn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường. Xác định các yếu tố dịch tễ và yếu tố nguy cơ lây nhiễm liên cầu khuẩn (*Streptococcus suis*) ở lợn tại các loại hình chăn nuôi lợn ngoại thành Hà Nội. Đề xuất một số biện pháp phòng trị bệnh cho lợn. Đề xuất biện pháp hạn chế vi khuẩn lây từ bệnh sang người.

Số hồ sơ lưu: 18102

#### **40605. Đạo đức học trong công nghệ sinh học nông nghiệp**

78074. 12-2021. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ sản xuất heo hữu cơ và rau hữu cơ tại Long Xuyên, An Giang./ KS. Nguyễn Thanh Sơn, CN. Đinh Thị Bích Thủy; KTV. Trịnh Minh Kiên; KTV. Phạm Thành Hậu; CN. Nguyễn Bền Em; KTV. Nguyễn An Khương; KS. Trương Văn Toàn; KTV. Nguyễn Thị Ngọc Thúy; KTV. Trần Sùng Chấn; KTV. Nguyễn Văn Cọp - An Giang - Trạm Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật Thành phố Long Xuyên, 2020 - 12/2016 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và phát triển công nghệ sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cho phát triển nông nghiệp bền vững tại Tp. Long Xuyên nói riêng và An Giang nói chung. Chuyển giao được các quy trình nuôi heo hữu cơ và sản xuất rau hữu cơ cho đơn vị chủ trì và địa bàn

sản xuất; Xây dựng thành công mô hình nuôi heo hữu cơ phương thức gia trại (quy mô 1.000 con/năm, tương đương 85-100 tấn thịt heo); mô hình sản xuất rau hữu cơ (8-10 loại rau với sản lượng 150-160 tấn rau/năm); 01 mô hình tiêu thụ sản phẩm rau, thịt hữu cơ hình thức liên kết. Đào tạo và tập huấn kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho 6 kỹ thuật viên và 300 lượt nông dân cho đơn vị chủ trì và địa bàn sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 17869

#### **499. Khoa học nông nghiệp khác**

79932. 12-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm duy trì tiêu chí đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2014 - 2018 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.**/ Nguyễn Tuấn Sơn, PGS. Tiến sĩ. Nguyễn Tuấn Sơn Ts. Lê Ngọc Hương Ths. Nguyễn Thị Nhuận Ts. Lê Thị Long Vỹ Ths. Nguyễn T. Minh Thu Ths. Thái Thị Nhung Ths. Nguyễn Thị Huyền Châm CN. Vũ Thị Mỹ Huệ CN. Nguyễn Hồ Diệu Linh Ks. Nguyễn Hữu Long - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020 - 07/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng nông thôn mới; Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí sau khi địa phương được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu; Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia XD NTM của tỉnh Yên Bái giai đoạn 2014 - 2018;

Những vấn đề đặt ra đối với Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh thời gian tới; Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng kết quả xây dựng nông thôn mới tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Phân tích ưu điểm và hạn chế trong tổ chức thực hiện và duy trì các tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2014-2018; Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc duy trì kết quả thực hiện các tiêu chí tại các xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2014-2018; Đề xuất giải pháp duy trì và nâng cao chất lượng thực hiện các tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh Yên Bái giai đoạn 2014 - 2018; Viết báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài; Tổ chức hội thảo báo cáo kết quả nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: YBI-011-2021

79942. 12-2021. **Xác lập quyền đối với nhãn hiệu Chứng nhận “Vịt bầu Lâm Thượng”, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.**/ Hoàng Xuân Trường, Ks. Trần Văn Hoan; CN. Phạm Gia Trí; CN. Vũ Hồng Nhật; Ths. Hoàng Hữu Nội; TS. Hoàng Xuân Trường; Ks. Nguyễn Thị Phương; Ks. Nguyễn Thị Diệu Linh; CN. Trương Khánh Tấn; Ths. Lê Thủy Ngân. - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2020 - 07/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát các hộ chăn nuôi, giết mổ và kinh doanh sản phẩm “Vịt bầu Lâm Thượng”; Xây dựng bản thuyết minh tính chất/chất

lượng đặc thù của sản phẩm Vịt bầu Lâm Thượng; Thiết kế và lựa chọn mẫu NHCN “Vịt bầu Lâm Thượng”; Xây dựng bản đồ khu vực địa lý mang Nhãn hiệu chứng nhận “Vịt bầu Lâm Thượng”, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; Lập, nộp và theo đuổi hồ sơ đăng ký xác lập quyền đối với Nhãn hiệu chứng nhận “Vịt bầu Lâm Thượng”, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; Xây dựng hệ thống quảng bá Nhãn hiệu chứng nhận “Vịt bầu Lâm Thượng” ; Xây dựng hệ thống Quản lý và vận hành thí điểm trao (cấp) quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Vịt bầu Lâm Thượng”; Nâng cao năng lực cho người hưởng lợi trong vùng Nhãn hiệu chứng nhận “Vịt bầu Lâm Thượng”

Số hồ sơ lưu: YBI-017-2021

## 5. Khoa học xã hội

75129. 12-2021. **Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý về an ninh, trật tự đối với lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình/** Đại tá Trịnh Hữu Sơn, 1. Đại tá. CN. Trịnh Hữu Sơn - Phó Giám đốc Công an tỉnh Ninh Bình - Chủ nhiệm nhiệm vụ 2. Trung tá. CN. Lê Thành Công - Trưởng phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Ninh Bình - Thư ký nhiệm vụ 3. Đại tá. CN. Đàm Viết Quân - Trưởng Công an huyện Hoa Lư - Kế toán nhiệm vụ 4. Đại tá. TS. Mai Quang Hiện - Giảng viên Học viện An ninh nhân dân - Thành viên 5. Đại tá. CN. Đoàn Văn Hạnh - Trưởng phòng An ninh đối nội Công an tỉnh Ninh Bình - Thành viên 6. Trung tá. ThS. Khúc Ngọc Đại -

Giảng viên Học viện An ninh nhân dân - Thành viên 7. Thượng úy.ThS. Đinh Hoài Nam - Cán bộ Học viện An ninh nhân dân - Thành viên 8. CN. Lê Kim Tuyền - Phó trưởng phòng Hành chính quản trị; Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình - Thành viên 9. CN. Trần Hữu Bình- Phó Giám đốc; Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh Ninh Bình - Thành viên 10.ThS. Lê Thành Nam - Ban Tôn giáo; Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình - Thành viên - Ninh Bình - Công an tỉnh Ninh Bình, 2019 - 02/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát nêu ra những nét đặc thù, đặc trưng các lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, đang diễn ra hết sức phong phú, đa dạng, phức tạp mang những sắc thái riêng, tạo ra những thương hiệu du lịch như Bái Đính, Tràng An - Hoa Lư, Phát Diệm gắn với những di sản quốc gia, di sản thế giới đã góp phần tạo động lực mũi nhọn phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Tuy vậy, trước tác động của cơ chế thị trường, một số lễ hội đã có biểu hiện tiêu cực, bùng ra cả về qui mô, tần suất, suy giảm giá trị gốc của lễ hội, chạy theo dịch vụ, như “sân khấu hóa”, biểu hiện mê tín dị đoan, đốt vàng mã, tiêu phí tiền bạc, “dâng sao, giải hạn” trái giáo lý nhà Phật. Qua đây đã chỉ ra những giá trị đặc sắc của lễ hội, đồng thời cũng nêu ra những mặt trái, tiêu cực của nó, nhất là những hoạt động liên quan đến an ninh, trật tự, như xâm hại không gian lễ hội, gây tranh chấp đất đai; xâm hại tài nguyên, môi trường; xâm hại giá trị di tích, giá trị lễ hội; gây mất

trật tự, cản trở giao thông; tuyên truyền xuyên tạc chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo, xuyên tạc chính sách phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Thực trạng công tác quản lý ANTT, tập trung khảo sát công tác quản lý Nhà nước về AN, TT, như: sự lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, phối hợp lực lượng; các hoạt động nắm tình hình, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền; vận động nhân dân, chức sắc, chức việc, tăng cường tuyên truyền pháp luật cũng như qui chế hoạt động lễ hội; xây dựng và triển khai các kế hoạch, phương án, bố trí lực lượng bảo vệ các lễ hội; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời xử lý sai phạm; xây dựng lực lượng chuyên trách, mở rộng phối hợp với tỉnh bạn, mở rộng hợp tác quốc tế. Do đó, tình hình an ninh, trật tự về căn bản được giữ vững, vừa đáp ứng nhu cầu tinh thần nhân dân, tạo động lực cho phát triển du lịch địa phương. Bên cạnh những thành công, cũng còn nhiều khó khăn, tồn tại, bất cập trong quản lý ANTT với các lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương. Điều đó, cần nhận rõ nguyên nhân khách quan và chủ quan của những tồn tại yếu kém để sớm khắc phục. Thực tế tại Ninh Bình, có nhiều bài học kinh nghiệm rút ra cho những năm tiếp theo và trao đổi với các địa phương khác để quản lý tốt, như thúc đẩy tuyến du lịch Bái Đính - Vân Long - Tam Chúc - Chùa Hương.

Số hồ sơ lưu: NBH-2019-002

78677. 12-2021. **Nghiên cứu vận dụng phương pháp dạy học theo dự án hướng tích hợp khoa học tự nhiên (vật lý, hóa học, sinh**

**học) ở trường trung học cơ sở, tỉnh Bình Định/** Lê Ngọc Vịnh, - Bình Định - Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định, 2020 - 10/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng về năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo của học sinh trong môn Khoa học tự nhiên; Thực trạng giáo viên vận dụng phương pháp dạy học theo dự án, năng lực dạy học tích hợp của giáo viên Khoa học tự nhiên THCS ở Bình Định. Vận dụng phương pháp dạy học theo dự án hướng tích hợp Khoa học tự nhiên nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh, năng lực dạy học tích hợp cho giáo viên Khoa học tự nhiên THCS. Xây dựng 04 mô hình thí điểm dạy học theo dự án hướng tích hợp Khoa học tự nhiên khối lớp 8,9 tại một số trường THCS trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: BDH-2020-11

79685. 12-2021. **Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến các năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định/** ThS. Nguyễn Trần Thi, - Bình Định - Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định, 2020 - - . (Đề tài cấp Cơ sở)

Cơ sở lý luận về năng lực cạnh tranh và các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Phương pháp nghiên cứu và mô hình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu thực trạng năng lực cạnh tranh và các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh

của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định. Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Số hồ sơ lưu: BDH-2020-006

79700. 12-2021. **Giải pháp giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định/ PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền, - Bình Định - Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định, 2020 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đề tài đã tập trung nghiên cứu về các giải pháp giảm nghèo bền vững cho tỉnh Bình Định hiện nay và định hướng cho giai đoạn 2021-2025. Các giải pháp bao gồm: giải pháp chung, xuyên suốt quá trình giảm nghèo liên quan đến tổ chức sản xuất, tăng năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp; giải pháp hoàn thiện các chính sách giảm nghèo bền vững, nâng cao nhận thức mới và hình thành văn hóa thoát nghèo cho cộng đồng; giải pháp giảm nghèo phân theo vùng, miền; phân theo đối tượng thụ hưởng.

Số hồ sơ lưu: BDH-2020-008

79701. 12-2021. **Thực trạng và giải pháp phát triển “Làng chài” ven biển tỉnh Bình Định/ ThS. Phạm Tân Thành, - Bình Định - Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đề tài đề xuất các nhóm giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề

thuộc ba lĩnh vực là kinh tế, xã hội và môi trường như mục tiêu đã đặt ra. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội (nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân làng chài), bảo vệ môi trường, bảo tồn tự nhiên, phòng tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm an ninh quốc phòng; Kết hợp nhiều lợi ích trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên văn hóa xã hội có tính đến tiềm năng phát triển đa ngành, nhất là du lịch, nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản. Trong đó, các nhóm giải pháp chung bao gồm các giải pháp về huy động và thu hút vốn đầu tư, giải pháp về cơ chế chính sách, phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo an ninh, quốc phòng; nhóm giải pháp cụ thể chú trọng vào công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa khu vực làng chài, vấn đề an sinh xã hội cho người dân, các giải pháp để phát triển làng chài theo các hướng phát triển được nêu trên và đề xuất hướng phát triển cho một số làng chài ven biển cụ thể trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: BDH-2020-009

79702. 12-2021. **Cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025/ ThS. Trương Quang Phong, - Bình Định - Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định, 2020 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của Bình Định giai đoạn 2021- 2025, bao gồm: Tốc độ tăng trưởng tổng sản

phẩm địa phương (GRDP), Cơ cấu tổng sản phẩm địa phương, Kim ngạch Xuất khẩu, Thu Ngân sách địa phương, Lực lượng lao động, Năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP), GRDP bình quân đầu người, Năng suất lao động bình quân, Hệ số ICOR, Chỉ số HDI.

Số hồ sơ lưu: BDH-2020-014

79703. 12-2021. **Xây dựng bộ tiêu chí và đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2006-2016/** TS. Nguyễn Ngọc Tiến, - Bình Định - Trung tâm Thông tin - Ứng dụng KH&CN Bình Định, 2020 - 11/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá và trọng số đánh giá để đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2006 –2016. Thực hiện khảo sát và đánh giá thực trạng về hiệu quả kinh tế - xã hội của 146 đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2006 - 2016; Xây dựng được phần mềm đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội các đề tài/dự án dựa trên bộ tiêu chí đánh giá và trọng số đánh giá đã được thiết lập. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế - xã hội của các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2006 – 2016 sau nghiệm thu. Đề xuất được giải pháp

nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tỉnh Bình Định sau nghiệm thu. Làm rõ định hướng của tỉnh Bình Định về hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và đề xuất các hướng nghiên cứu chính cho giai đoạn 2020 - 2025 trên các lĩnh vực.

Số hồ sơ lưu: BDH-2020-015

## **501. Tâm lý học**

### **50101. Tâm lý học nói chung**

79029. 12-2021. **Trải nghiệm cảm xúc tại trường học của học sinh Trung học cơ sở/** TS. Đỗ Thị Lệ Hằng, Nguyễn Thị Thanh Huyền; Đỗ Ngọc Khanh; Nguyễn Cao Minh; Hoàng Nhật; Đinh Thị Hồng Vân; Lê Thị Linh Trang; Nguyễn Thị Hinh - Hà Nội - Viện Tâm lý học, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận nghiên cứu về các trải nghiệm cảm xúc ở trường học của học sinh trung học cơ sở. Xác định tính thường xuyên và phổ biến của các cảm xúc mà học sinh đang trải nghiệm ở trường học. Làm rõ cường độ và trường độ của một số cảm xúc mà học sinh trung học cơ sở đang trải nghiệm nhiều tại trường học. Nhận diện mức độ ảnh hưởng của cảm xúc tới các hoạt động ở trường học của học sinh trung học cơ sở. Đề xuất một số giải pháp tâm lý nhằm tăng cường trải nghiệm cảm xúc tích cực ở học sinh trung học cơ sở.

Số hồ sơ lưu: 18255

79319. 12-2021. **Cơ sở lý luận và thực tiễn về tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư tới thị trường lao động ở Việt Nam/** TS. Đào Quang Vinh, TS. Nguyễn Trung Hưng; Ths. Lưu Quang Tuấn; PGS. Nguyễn Bá Ngọc; TS. Nguyễn Quang Việt; PGS. Mạc Văn Tiến; Ths. Nguyễn Thế Hà; TS. Nguyễn Duy Phúc; Ths. Lê Thu Huyền - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2021 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa cách mạng công nghiệp 4.0 và thị trường lao động. Tổng quan cách tiếp cận và phương pháp đánh giá tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 tới thị trường lao động Việt Nam. Đánh giá tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến thị trường lao động và đề xuất những giải pháp về chính sách nhằm tận dụng cơ hội và giảm thiểu tác động tiêu cực của cách mạng công nghiệp 4.0 tới thị trường lao động Việt Nam đến 2025.

Số hồ sơ lưu: 18462

## **502. Kinh tế và kinh doanh**

### **50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh**

79028. 12-2021. **Nghiên cứu nền kinh tế số và vận dụng vào thực tiễn Việt Nam/** PGS.TS. Lê Quốc Lý, TS. Hồ Thanh Thủy; ThS. Lê Quốc; TS. Lê Quốc Bang; PGS.TS. Phạm Thị Khanh; PGS.TS. Nguyễn Quốc Thái; TS. Tạ Văn Nam; PGS.TS. Đinh Thị Nga; TS. Phí Thị Hằng; ThS. Nguyễn Thị

Quỳnh Anh; PGS.TS. An Như Hải; ThS. Trương Diệp Hằng; TS. Đinh Văn Trung; TS. Nguyễn Quốc Việt; TS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Phạm Ngọc Hà; ThS. Cáp Tuấn Ba; TS. Trần Hoa Phương - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng khung lý thuyết về phát triển nền kinh tế số, xác lập mô hình phát triển của nền kinh tế số hiện nay. Đánh giá thực trạng phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam hiện nay, qua đó rút ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế. Phân tích nguyên nhân khách quan và chủ quan làm hạn chế phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam. Đề xuất quan điểm, phương hướng, giải pháp và kiến nghị phù hợp để nâng cao hiệu quả trong thực hiện mô hình kinh tế số ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18254

79516. 12-2021. **Hoàn thiện cơ chế giá thị trường và lộ trình thực hiện giá thị trường đối với các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu/** CN. Đặng Công Khôi, CN. Vũ Hương Trà; ThS. Phùng Thị Ánh Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương; ThS. Nguyễn Xuân Định; CN. Ngô Thị Thu Trang; ThS. Hoàng Ngọc Thái; CN. Bùi Thị Thu Trang - Hà Nội - Cục quản lý giá, 2020 - 10/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát cơ sở lý luận về cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của nhà nước. Nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước về giá theo cơ chế thị trường và thực hiện lộ trình giá thị trường của một số hàng hóa, dịch

vụ thiết yếu. Từ đó đưa ra các mục tiêu và giải pháp hoàn thiện cơ chế giá thị trường có sự quản lý của nhà nước và lộ trình thực hiện giá thị trường của một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu.

Số hồ sơ lưu: 18629

79519. 12-2021. **Chính sách tài chính để thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thu Trang, ThS. Đoàn Danh Tuấn Anh; ThS. Trần Thị Bích Ngọc; ThS. Đào Phú Quý; ThS. Đào Thị Huyền Trang; ThS. Dương Bá Hải; ThS. Trịnh Hà Mai Long - Hà Nội - Vụ Chính sách Thuế - Bộ Tài chính, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận của công nghiệp hỗ trợ, chính sách tài chính đối với phát triển công nghiệp hỗ trợ. Đánh giá thực trạng phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam, xác định những điểm hạn chế trong phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam hiện nay. Qua đó, đề xuất các giải pháp để hoàn thiện cơ chế chính sách tài chính nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam gồm giải pháp về vốn, ngân sách, thuế, tín dụng, đất đai, chính sách tài chính phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hỗ trợ, trong đó tập trung đề xuất giải pháp ở cấp độ Chính phủ và Bộ Tài chính.

Số hồ sơ lưu: 18632

79522. 12-2021. **Cơ chế, chính sách phát triển và quản lý kinh tế ban đêm tại Việt Nam/** TS. Phạm Thị Tường Vân, ThS. Nghiêm Thị

Thúy Hằng ThS. Dương Hoàng Lan Chi; PGS.TS. Phan Trọng Phúc; TS. Trần Anh Tài; ThS. Mai Sơn; ThS. Nguyễn Hữu Hùng; PGS.TS. Phạm Tiến Hưng; TS. Phan Tiến Nam; ThS. Nguyễn Thùy Linh - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ bản vấn đề lý luận về kinh tế ban đêm, vai trò của kinh tế ban đêm. Nghiên cứu những vấn đề lý luận về cơ chế, chính sách phát triển và quản lý kinh tế ban đêm, tìm hiểu kinh nghiệm về phát triển kinh tế ban đêm và cơ chế, chính sách phát triển, quản lý kinh tế ban đêm ở các nước, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng, xem xét khả năng phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam, đánh giá khung chính sách hiện hành của Việt Nam đối với phát triển và quản lý kinh tế ban đêm. Đưa ra định hướng xây dựng khung pháp lý và đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và quản lý kinh tế ban đêm ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18635

79548. 12-2021. **Ảnh hưởng của các nhân tố xã hội đối với chất lượng nhân lực trong doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam/** PGS.TS. Nguyễn Đức Chiện, ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Lương Ngọc Thúy; ThS. Hồ Ngọc Châm; ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; ThS. Nguyễn Thị Huyền Giang - Hà Nội - Viện Xã hội học, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)



Tổng quan lý thuyết, khái niệm và khoảng trống về nhận thức đặt ra đối với nghiên cứu chất lượng nhân lực trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. Khảo sát thực trạng chất lượng nhân lực trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam. Phân tích và lý giải ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của các nhân tố xã hội đối với chất lượng nhân lực trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam. Khái quát hóa đóng góp lý luận và đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nhân lực, phát triển bền vững; Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, ở Việt Nam giai đoạn 2020 -2025, tầm nhìn 2035.

Số hồ sơ lưu: 18645

79578. 12-2021. **Các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có tính chất tín dụng ở Việt Nam: Thực trạng và Giải pháp/** ThS. Nguyễn Việt Hưng, ThS. Trần Thị Thương Hiền; ThS. Ngô Thị Lan Phương; CN. Nguyễn Thị Hồng Vân; ThS. Nguyễn Duy Linh; ThS. Nguyễn Thị Vân Hà; ThS. Lê Thu Hằng; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Đặng Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Nam Thái - Hà Nội - Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, 2021 - 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có tính chất tín dụng. Thực trạng hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có tính chất tín dụng ở Việt Nam. Đề xuất giải pháp tăng cường hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có tính chất tín dụng ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18653

79580. 12-2021. **Nghiên cứu xây dựng mô hình Làng nghề - Du lịch và Làng Di sản - Du lịch khu vực Đồng bằng sông Hồng nhằm góp phần phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới/** TS. Lê Quỳnh Chi, PGS.TS. Phạm Hùng Cường; TS. Lê Nam Phong; ThS. Nguyễn Thu Hương; ThS. Phùng Thị Mỹ Hạnh; TS. Nguyễn Thu Hạnh; TS. Nguyễn Quang Minh; TS. Trần Xuân Hiếu; TS. Tống Ngọc Tú; TS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Nguyễn Ngọc Luân; ThS. Dương Quỳnh Nga; ThS. Đào Hải Nam; KTS. Lê Thành Vinh; TS. Hoàng Đạo Cương; TS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; Nguyễn Bá Toàn; Nguyễn Thị Việt Anh; ThS. Phan Tiến Hậu; ThS. Lê Anh Vũ; ThS. Lý Quốc Sơn; ThS. Nguyễn Việt Tùng; ThS. Nguyễn Công Thiện; ThS. Nguyễn Hải Vân Hiền; ThS. Bùi Công Minh; ThS. Đào Quỳnh Anh; ThS. Trần Quốc Thái; CN. Nông Thị Chi - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng, 2021 - 04/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận về mô hình làng nghề - du lịch - làng di sản - du lịch. Đánh giá thực trạng du lịch nông thôn, du lịch làng nghề và du lịch tại các làng có nhiều di sản văn hóa truyền thống vùng đồng bằng sông Hồng. Đề xuất mô hình liên kết làng nghề - du lịch và làng di sản - du lịch. Đề xuất quy hoạch phát triển mô hình làng nghề - du lịch và làng di sản - du lịch cho vùng đồng bằng sông Hồng. Đề xuất chính sách phát triển, quản lý phát triển mô hình làng

nghe, làng di sản gắn với du lịch. Đề xuất ứng dụng phát triển làng nghề gốm Phù Lãng, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh theo mô hình làng nghề - du lịch.

Số hồ sơ lưu: 18649

### **50202. Kinh doanh và quản lý**

78429. 12-2021. **Một số yêu cầu thiết yếu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 đối với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh công nghiệp 4.0/** PGS. TS. Bùi Tất Thắng, PGS. TS. Hoàng Minh; TS. Hoàng Xuân Long; TS. Nguyễn Hữu Khánh; TS. Nguyễn Thị Tuệ Anh; PGS. TS. Trần Thị Vân Hoa; TS. Trần Anh Tuấn; ThS. Phạm Lê Hậu; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; CN. Bùi Kiều Anh; ThS. Nguyễn Lan Anh; ThS. Nguyễn Quỳnh Anh; ThS. Đặng Thu Giang; ThS. Hà Công Hải; ThS. Tạ Doãn Hải; ThS. Lê Thị Lệ; ThS. Nguyễn Quỳnh Trang; ThS. Đoàn Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Thị Thu Lan; ThS. Phạm Thị Hà; ThS. Lê Minh Sơn; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Điệp; ThS. Đỗ Thu Trang; ThS. Nguyễn Trường Linh; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020 - 08/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ vai trò, vị trí, nội dung của Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong chiến lược phát triển KT-XH quốc gia ở các giai đoạn trước, từ năm 1991 đến nay; mối quan hệ giữa chiến lược phát triển KT-XH với chiến lược phát triển KH&CN; Kết quả thực hiện chiến lược phát triển KH&CN trong

mối quan hệ với chiến lược phát triển KT-XH ở các giai đoạn trước, từ năm 2011 đến nay. Phân tích hệ thống đổi mới sáng tạo ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra cho giai đoạn 2021-2030. Đánh giá được vai trò của KH&CN trong phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020. Phân tích kinh nghiệm quốc tế về điều chỉnh chính sách KH, CN&ĐMST trong bối cảnh CMCN 4.0; bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17895

79484. 12-2021. **Xây dựng chính sách của Việt Nam về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm trong bối cảnh hội nhập/** TS. Nguyễn Thanh Nga, ThS. Ngô Thị Thu Lan; ThS. Lê Trà My; ThS. Lê Việt Hùng; ThS. Nguyễn Bích Ngọc; CN. Phạm Thùy Trang; ThS. Vương Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Thị Thắm; ThS. Lê Thị Hồng Nhung; ThS. Lê Thanh Hiền - Hà Nội - Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, 2020 - 09/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Lý luận chung về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, kinh nghiệm quốc tế về chính sách đối với dịch vụ phụ trợ bảo hiểm. Tìm hiểu tình hình hoạt động của dịch vụ phụ trợ bảo hiểm bảo hiểm tại Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng, chính sách đối với dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và những bất cập đối với dịch vụ phụ trợ bảo hiểm tại Việt Nam. Từ đó, đề xuất quy phạm hóa tại Luật kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, đồng thời, đề xuất các biện pháp thực thi phù hợp về quản lý, giám sát

đôi với lĩnh vực phụ trợ bảo hiểm trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 18619

79486. 12-2021. **Xây dựng cơ chế quản lý hoạt động lưu ký đối với chứng khoán niêm yết, giao dịch ở nước ngoài/** ThS. Dương Ngọc Tuấn, ThS. Lưu Trung Dũng; ThS. Nguyễn Thu Thủy; ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Thái Cẩm Linh - Hà Nội - Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận cho cơ chế quản lý hoạt động lưu ký chứng khoán niêm yết, giao dịch ở nước ngoài và kinh nghiệm quốc tế trong hoạt động quản lý lưu ký chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch ở nước ngoài. Tìm hiểu thực trạng khung pháp lý và hoạt động niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán ở nước ngoài của Việt Nam. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số văn bản pháp lý, thể chế thực thi và quy chế nghiệp vụ liên quan đến cấp phép niêm yết, đăng ký giao dịch ở nước ngoài, quản lý lưu ký chứng khoán niêm yết, giao dịch ở nước ngoài và quyền, trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư ở nước ngoài và các vấn đề liên quan để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam đưa chứng khoán ra niêm yết, giao dịch ở nước ngoài.

Số hồ sơ lưu: 18618

79490. 12-2021. **Nghiên cứu đề xuất phương pháp đánh giá hiệu quả dự án phục vụ giám sát đầu tư của Bộ Thông tin và Truyền thông/** ThS. Nguyễn Huy Hùng, TS.

Lê Nam Trung; ThS. Lưu Anh Tuấn; ThS. Trần Văn Đôn; ThS. Nguyễn Hoàng; ThS. Nguyễn Quang Vinh; TS. Nguyễn Ngọc Hải; CN. Đàm Việt Hùng; ThS. Đỗ Ngọc Tân; CN. Phạm Hồng Khiêm; CN. Lê Thị Thanh Thủy; ThS. Tô Đức Hòa; ThS. Trần Xuân Tùng; CN. Cao Thị Thương Huyền; ThS. Trần Thị Thanh Huyền; TS. Lê Thị Hằng - Hà Nội - Vụ kế hoạch - tài chính, 2020 - 03/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá công tác chuẩn bị, tổ chức, huy động các nguồn lực để thực hiện chương trình, dự án bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ đã được phê duyệt. Đồng thời, đánh giá những vướng mắc, phát sinh mới xuất hiện so với thời điểm phê duyệt dự án; những vướng mắc, phát sinh mới do yếu tố khách quan (như môi trường chính sách, pháp lý thay đổi, phải điều chỉnh dự án cho phù hợp với điều kiện khí hậu, địa chất,...) hoặc do các yếu tố chủ quan (như năng lực, cơ cấu tổ chức quản lý thực hiện dự án,...). Từ đó, đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh phù hợp với điều kiện thực tế.

Số hồ sơ lưu: 18615

79493. 12-2021. **Quản lý thu ngân sách nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Thành Hưng, CN. Nguyễn Ngọc Hải; CN. Lê Tuấn Anh; ThS. Trần Minh Chiến; ThS. Nguyễn Đức Hùng; CN. Trần Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thông Minh; ThS. Kiều Ngọc Sơn; ThS. Tô Thị Thủy; ThS. Bùi Quan Trọng - Hà Nội - Văn

phòng Bộ Tài Chính, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về cơ sở lý luận về quản lý thu ngân sách nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú. Đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú hiện nay. Hệ thống một số sai phạm chủ yếu trong chấp hành pháp luật thuế của doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú. Đề xuất một số biện pháp tăng cường quản lý cơ sở lưu trú, thanh tra, kiểm tra các sai phạm chủ yếu về thuế đối với các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú.

Số hồ sơ lưu: 18622

79521. 12-2021. **Nghiên cứu mối quan hệ giữa thị trường chứng khoán phái sinh đối với thị trường chứng khoán cơ sở và kiến nghị giải pháp cho Việt Nam/** ThS. Vũ Chí Dũng, ThS. Nguyễn Thùy Anh; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngà; ThS. Nguyễn Hoàng An; ThS. Phan Hoài An; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Nguyễn Khắc Chiến; ThS. Phan Thị Hồng Duyên; CN. Lê Nguyễn Trung Thanh; CN. Nguyễn Thị Hồng Hoa - Hà Nội - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 2020 - 09/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa thị trường chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán cơ sở. Đồng thời, nghiên cứu hệ thống hóa các yếu tố cần thiết để đảm bảo thị trường chứng khoán phái sinh vận hành thành công, trên cơ sở đó đánh giá mối quan hệ tác động tích cực và tiêu cực

giữa hai thị trường. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế các nước châu Á, châu Âu và Mỹ về tác động giữa thị trường chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán cơ sở, đánh giá nguyên nhân, rủi ro tác động giữa hai thị trường và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu sự tác động tiêu cực giữa thị trường cơ sở và thị trường chứng khoán phái sinh.

Số hồ sơ lưu: 18633

79523. 12-2021. **Đấu thầu trong mua sắm công và đầu tư công: Nghiên cứu trường hợp ngành Tài chính/** ThS. Nguyễn Chí Dũng, ThS. Trần Tâm Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; ThS. La Thị Thùy Dương; ThS. Đinh Thu Hiền; CN. Lê Thị Phượng; ThS. Trần Tiến Tài; ThS. Phạm Thượng Tình; ThS. Nguyễn Trường Sơn; ThS. Cù Phương Thúy - Hà Nội - Cục Kế hoạch Tài chính - Bộ Tài chính, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tìm hiểu về cơ sở lý luận trong đấu thầu mua sắm công và đầu tư công tại Việt Nam. Nghiên cứu và phân tích thực trạng công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu mua sắm công và đầu tư công trong ngành Tài chính để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đấu thầu trong mua sắm công và đầu tư công ngành Tài chính trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 18630

79524. 12-2021. **Cơ sở lý luận và thực tiễn quy định về điều kiện kinh doanh và đơn giản hóa điều**

**kiện kinh doanh trong lĩnh vực tài chính/** CN. Hà Thị Bạch, ThS. Nguyễn Ngọc Ánh; ThS. Trần Thị Thu Hiền; ThS. Trần Thị Hồng Nhung; ThS. Đỗ Văn Anh - Hà Nội - Vụ Pháp chế, 2020 - 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung về ngành nghề đầu tư kinh doanh, điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh. Đồng thời, nghiên cứu thực trạng việc quy định điều kiện kinh doanh và đơn giản hóa điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, qua đó đánh giá những tồn tại, hạn chế của việc quy định và đơn giản hóa điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực tài chính cũng như nguyên nhân của các hạn chế, tồn tại này. Từ những lý luận chung và thực trạng của việc quy định điều kiện kinh doanh và đơn giản hóa điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, sẽ đưa ra những giải pháp hoàn thiện việc quy định về điều kiện kinh doanh và đơn giản hóa điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực tài chính.

Số hồ sơ lưu: 18631

79525. 12-2021. **Hoàn thiện cơ chế quản lý rủi ro tín dụng và xử lý tổn thất trong hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.**/ ThS. Ngô Thị Lan Phương, ThS. Nguyễn Duy Linh; TS. Lê Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Vân Hà; ThS. Nguyễn Việt Hưng; ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân; ThS. Trần Thọ Hải; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Lê Minh Trang; ThS. Phạm Thanh Hải - Hà Nội - Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

2020 - 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa và làm rõ tổng quan cơ sở lý luận về tín dụng chính sách và tổ chức tài chính thực hiện tín dụng chính sách, quản lý rủi ro và xử lý tổn thất trong hoạt động đối với tổ chức tài chính thực hiện tín dụng chính sách. Đánh giá thực trạng hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, thực trạng quản lý rủi ro tín dụng và xử lý tổn thất trong hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, chỉ ra kết quả đạt được, cũng như các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế. Từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý rủi ro tín dụng và xử lý tổn thất trong hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 18628

79527. 12-2021. **Xây dựng mô hình điện toán đám mây ngành Tài chính/** TS. Nguyễn Việt Hùng, ThS. Nguyễn Xuân Cường; KS. Trần Văn Trình; KS. Vũ Lê Huy; KS. Nguyễn Minh Hải; KS. Phan Minh Duy; KS. Vũ Huy Cường; KS. Trần Trọng Hải; CN. Nguyễn Minh Tùng; CN. Phạm Phương Lan - Hà Nội - Cục Tin học và Thống kê tài chính - Bộ Tài chính, 2020 - 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về điện toán đám mây và phương pháp tiếp cận để xây dựng mô hình điện toán đám mây. Đánh giá hiện trạng sử dụng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin ngành Tài chính, tìm hiểu những thách thức, khó khăn trong việc xây dựng mô hình, triển khai

điện toán đám mây trong ngành Tài chính. Trên cơ sở đó đề xuất mô hình điện toán đám mây ngành Tài chính.

Số hồ sơ lưu: 18626

**79535. 12-2021. Nhân rộng áp dụng hệ thống quản lý tích hợp và công cụ cải tiến năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ khu vực miền Nam/ CN.** Nguyễn Minh Khang, CN. Dương Công Trường; KS. Phạm Bá Cứ; CN. Lê Đình Khôi; ThS. Phạm Minh Chi; CN. Nguyễn Phương Thanh; CN. Hồ Đắc Như Quỳnh; CN. Nguyễn Phước Lộc; CN. Lê Minh Dung - Hồ Chí Minh - Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ 2, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành Hội thảo giới thiệu về mô hình tích hợp hệ thống quản lý và các công cụ triển khai qua đó lựa chọn doanh nghiệp phù hợp. Khảo sát chẩn đoán thực tế hiện trạng hệ thống quản lý và năng suất chất lượng của 30 doanh nghiệp được chọn. Cập nhật kiến thức và hướng dẫn chuyển đổi theo ISO 9001:2015 cho doanh nghiệp đồng thời tiến hành đào tạo nhận thức về mô hình tích hợp hệ thống quản lý và các công cụ cải tiến năng suất cho doanh nghiệp, hướng dẫn thu thập số liệu, soạn thảo văn bản, kiểm tra, hướng dẫn vận hành hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 18641

**79536. 12-2021. Nghiên cứu đánh giá hệ sinh thái doanh nghiệp phần mềm tại Việt Nam/ CN.** Phạm Thị Thanh Hương,

Nguyễn Thị Thắm; Trần Minh Hằng; Lương Thị Thu Hà - Hà Nội - Viện công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam, 2021 - 02/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về hệ sinh thái doanh nghiệp và nghiên cứu hệ sinh thái doanh nghiệp phần mềm. Tìm hiểu hiện trạng các doanh nghiệp phần mềm Việt Nam, tốc độ tăng trưởng, doanh thu của cả ngành công nghệ thông tin nói chung và ngành phần mềm nói riêng. Đề xuất, khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái doanh nghiệp phần mềm Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18648

**79547. 12-2021. Phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo tại chỗ trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa/ TS.** Nguyễn Ngọc Trung, ThS. Nguyễn Thị Huệ; TS. Trương Văn Dũng; TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Anh; ThS. Nguyễn Thị Hoa Mai; CN. Hà Thúy Huyền; CN. Đặng Thị Quỳnh Anh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Con người, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý luận về đào tạo tại chỗ vì mục tiêu phát triển nguồn nhân lực. Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động đào tạo tại chỗ cho người lao động vì mục tiêu phát triển nguồn nhân lực nói chung tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo tại chỗ cho người lao động tại các doanh nghiệp vì mục tiêu phát triển nguồn nhân lực.

Số hồ sơ lưu: 18638

79575. 12-2021. **Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan/** ThS. Lê Thế Tuyên, TS. Nguyễn Đức Thọ ThS. Nguyễn Thị Tố Trang; ThS. Vũ Thị Hồng Minh; ThS. Phạm Thị Hoàng Ngân; ThS. Vũ Hải Đăng; ThS. Dương Tiến Dũng; ThS. Lê Thùy Linh; ThS. Phạm Thanh Hải; ThS. Trần Thị Na - Hà Nội - Cục Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tài chính, 2020 - 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề chung về cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính. Tìm hiểu thực trạng cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan ở Việt Nam. Từ đó, đưa ra các giải pháp đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18625

79576. 12-2021. **Giám sát chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính của công ty đại chúng: Thực trạng và giải pháp/** ThS. Lê Thị Thu Hằng, ThS. Nguyễn Văn Hanh; ThS. Nguyễn Thị Huệ; CN. Nguyễn Thị Ngọc Linh; ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh; ThS. Ngô Thu Trang; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Trần Thị Thu Hiền; ThS. Trần Thị Phương Liên; ThS. Trần Anh Tâm - Hà Nội - Ủy ban chứng khoán Nhà nước, 2021 - 09/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về giám sát chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính của công ty đại chúng. Đánh giá

thực trạng giám sát chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính của công ty đại chúng. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả giám sát chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính của công ty đại chúng.

Số hồ sơ lưu: 18659

79616. 12-2021. **Rủi ro tuân thủ thuế ở các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Văn Phụng, TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan; ThS. Nguyễn Thuận Mai; ThS. Nguyễn Tiến Hưng; ThS. Lê Hải Châu; ThS. Nguyễn Việt Hòa; ThS. Mai Sơn; ThS. Chu Tường Anh; ThS. Hoàng Thế Quyền; CN. Đỗ Xuân Hải - Hà Nội - Tổng cục Thuế, 2021 - 09/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý thuyết về rủi ro tuân thủ thuế và quản lý rủi ro tuân thủ thuế. Tổng quan về hệ thống quản lý thuế của Việt Nam. Phân tích thực trạng rủi ro tuân thủ thuế và quản lý rủi ro tuân thủ thuế của các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam. Đánh giá các nguyên nhân dẫn đến rủi ro tuân thủ thuế cao của các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro tuân thủ thuế ở các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18667

79632. 12-2021. **Nghiên cứu hệ thống kế toán áp dụng cho Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/** ThS. Trần Thị Ánh Tuyết, ThS. Hoàng Kim Yên; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Đỗ Thanh Tuyên; ThS. Đinh Phương Nam; ThS. Lương Tường Linh; ThS. Hoàng

Minh Tuấn; CN. Lê Đình Duy; ThS. Lý Thị Thùy Linh; ThS. Phạm Thị Thu - Hà Nội - Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, 2021 - 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa, phân tích, làm sáng tỏ những lý luận chung về Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và kế toán áp dụng đối với . Phân tích thực tế về kế toán áp dụng cho Sở Giao dịch chứng khoán đã và đang thực hiện, từ đó đánh giá, chỉ rõ những ưu điểm và tồn tại cũng như nguyên nhân cơ bản của những tồn tại về kế toán áp dụng cho Sở Giao dịch chứng khoán. Đưa ra hệ thống các giải pháp hoàn thiện kế toán áp dụng cho Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam theo các nội dung, bao gồm hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống sổ kế toán, tài khoản kế toán và hệ thống báo cáo tài chính, đồng thời, chỉ rõ các điều kiện để thực hiện các giải pháp.

Số hồ sơ lưu: 18655

### **50299. Kinh tế học và kinh doanh khác**

79196. 12-2021. **Hợp tác giữa Lào với các nước Tiểu vùng Mekong: Thực trạng và Những vấn đề đặt ra/** TS. Nguyễn Ngọc Lan, TS. Trương Duy Hòa; TS. Lê Thị Hòa; ThS. Trương Quang Hoàn; Cử nhân. Nguyễn Hà Phương; ThS. Phạm Thị Mùi; ThS. Trần Thị Minh Giang - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Có nhiều lĩnh vực hợp tác giữa Lào với các nước Tiểu vùng Mekong cả ở cơ chế song phương lẫn đa

phương. Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ tập trung nghiên cứu quan hệ giữa Lào và các nước ở một số lĩnh vực sau: giao thông vận tải, kinh tế, văn hóa – xã hội. Quan hệ song phương sẽ được trình bày xen kẽ với quan hệ đa phương trên từng lĩnh vực. Trong quan hệ đa phương, đề tài tập trung nghiên cứu cơ chế hợp tác Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS) do đây là cơ chế hợp tác lâu đời và được đánh giá là thành công nhất trong các cơ chế hợp tác ở Tiểu vùng.

Số hồ sơ lưu: 18392

79203. 12-2021. **Giải pháp thúc đẩy kim ngạch thương mại hàng hóa song phương Việt Nam - Hàn Quốc theo hướng bền vững/** TS. Lê Hoàng Oanh, ThS. Đỗ Quốc Hưng; ThS. Vũ Việt Nga; Cử nhân. Nguyễn Thị Huyền Thương; ThS. Đào Trọng Tiến; ThS. Nguyễn Bình An; ThS. Đỗ Đức Tâm; ThS. Lê Thị Mai Anh; ThS. Đỗ Chung Hiếu; ThS. Phan Thị Diệu Linh; ThS. Nguyễn Tuấn Dũng; Cử nhân. Phan Mỹ Bình; Cử nhân. Nguyễn Công Hiên; Cử nhân. Vũ Thị Thúy; Cử nhân. Ngô Thị Khánh Huyền; Cử nhân. Trịnh Ngọc Tú; Cử nhân. Ứng Lê Minh Anh - Hà Nội - Vụ Thị trường châu Á - châu Phi, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tập trung nghiên cứu các cơ sở lý luận khoa học về thương mại hàng hóa theo hướng bền vững, đồng thời dựa trên cơ sở thực trạng thương mại hàng hóa song phương giữa Việt Nam và Hàn Quốc từ trước đến nay để từ đó đề xuất các giải pháp thúc đẩy kim ngạch thương mại hàng hóa



song phương Việt Nam – Hàn Quốc (không bao gồm thương mại dịch vụ) theo hướng bền vững đối với một số ngành như linh kiện điện tử, ô tô, công nghiệp phụ trợ, dệt may, thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ, hàng rau quả, nông sản khác và thực phẩm chế biến.

Số hồ sơ lưu: 18390

79217. 12-2021. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển quan hệ thương mại hàng hoá giữa Việt Nam với Đức đến năm 2025/** TS. Nguyễn Việt San, Cử nhân. Phùng Minh Đức Anh; ThS. Hà Thị Quỳnh Anh; Cử nhân. Trần Hạ Long; Cử nhân. Phạm Minh Quang; ThS. Nguyễn Phi Long; ThS. Đỗ Quang; ThS. Phan Thế Quyết; TS. Trần Thị Bảo Khanh; Cử nhân. Ngô Thị Lan Hương - Hà Nội - Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn phát triển quan hệ thương mại hàng hoá với Đức; Đánh giá thực trạng quan hệ thương mại hàng hoá giữa Việt Nam với Đức thời gian qua và xác định những vấn đề đặt ra; Xác định cơ hội, thách thức; đề xuất quan điểm và giải pháp phát triển quan hệ thương mại hàng hoá giữa Việt Nam với Đức đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: 18386

79434. 12-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch Việt Nam theo hướng tăng trưởng xanh/** TS. Nguyễn Anh Tuấn, TS. Lê Quang Đăng; GS.TSKH. Trương Quang Học;

ThS. Nguyễn Đức Tâm; TS. Trương Sỹ Vinh; ThS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Nguyễn Quốc Hưng; ThS. Nguyễn Hoàng Mai; ThS. Trần Thị Kim Oanh - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển du lịch, 2020 - 01/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, hệ thống hóa, bổ sung cơ sở lý thuyết về phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh; Nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn về phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh ở một số quốc gia trên thế giới và tại Việt Nam và rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; Nghiên cứu, đánh giá thực trạng phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh ở Việt Nam, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân; Đề xuất khung tiêu chí đánh giá và mô hình khung về phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh cho khu, điểm du lịch tại Việt Nam; Đề xuất định hướng, giải pháp phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh tại Việt Nam nhằm góp phần thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18586

79458. 12-2021. **Phân tích kinh tế thành phố Hồ Chí Minh năm 2020/** TS. Nguyễn Lan Hương, ThS. Đỗ Lý Hoài Tân; TS. Hoàng Thị Thu Huyền; ThS. Nguyễn Thị Vân; ThS. Lê Diễm Thu; ThS. Phan Tuấn Anh - Hồ Chí Minh - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, 2020 - 02/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích bối cảnh trong và ngoài nước tác động đến tình hình

Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh năm 2020. Phân tích tình hình Kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh từng quý và cả năm 2020. Phân tích và đánh giá những vấn đề kinh tế cụ thể, nổi bật của thành phố. Phân tích và đánh giá hiệu quả một số ngành kinh tế trọng điểm của thành phố. Phân tích, đánh giá những thế mạnh và hạn chế trong phát triển kinh tế thành phố Hồ Chí Minh năm 2020. Khuyến nghị chính sách phát triển kinh tế bền vững cho TP. Hồ Chí Minh trong các năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: 18598

79472. 12-2021. **Marketing mối quan hệ (Relationship Marketing) và sự trung thành của khách hàng đối với dịch vụ Ngân hàng tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Hoài Nam, PGS.TS. Phạm Thị Tuyết; TS. Nguyễn Văn Thủy; ThS. Hoàng Phương Dung; ThS. Trần Phương Thùy - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2019 - 10/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu các giải pháp ứng dụng Marketing mối quan hệ trong Marketing ngân hàng tại các ngân hàng thương mại. Nghiên cứu ảnh hưởng của hiệu quả hoạt động Marketing mối quan hệ đến sự trung thành của khách hàng tại các ngân hàng thương mại. Xây dựng thang đo đánh giá hiệu quả hoạt động Marketing mối quan hệ tại các ngân hàng thương mại. Xây dựng quy trình đánh giá hiệu quả hoạt động Marketing mối quan hệ tại các ngân hàng thương mại. Hoàn thiện quy trình tổ chức thực hiện marketing Mối quan hệ tại các ngân hàng

thương mại. Đề xuất hệ thống các giải pháp triển khai hoạt động Marketing mối quan hệ nhằm duy trì sự trung thành của khách hàng tại các NHTM tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18606

79475. 12-2021. **Sự dịch chuyển của xu hướng hội nhập, hợp tác tài chính: Tác động đến Việt Nam và đối sách trong giai đoạn 2020-2025/** ThS. Trương Thanh Hà, Cử nhân. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Hồ Thị Lê Dung; ThS. Nguyễn Phương Linh; Cử nhân. Đinh Nhật Linh; ThS. Nguyễn Văn Tùng; Cử nhân. Lê Mạnh Đức; ThS. Lê Thanh Hiền; ThS. Phạm Việt Phương; ThS. Trần Anh Tuấn - Hà Nội - Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tài chính, 2020 - 09/2020 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đề tài sẽ hướng tới 02 mục tiêu tổng quát chính gồm: Nghiên cứu sự dịch chuyển của xu hướng hội nhập và hợp tác tài chính và Phân tích mối tương quan giữa quá trình hội nhập và hợp tác tài chính với sự phát triển của nền kinh tế, qua đó nhận định những thuận lợi, khó khăn của các quá trình này và từ đó đề xuất các định hướng chính sách với một số đối tác quan trọng (tập trung vào Mỹ và Trung Quốc) và giải pháp hội nhập và hợp tác tài chính của Việt Nam trong giai đoạn tới.

Số hồ sơ lưu: 18603

79476. 12-2021. **Xác định quy mô chi ngân sách hợp lý cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam/** PGS.TS. Nguyễn Bá Minh, Cử nhân. Phạm Minh Thụy; TS.

Nguyễn Đức Độ; ThS. Tạ Văn Thắng; ThS. Trịnh Hồng Tráng; TS. Nguyễn Thị Việt Nga; Cử nhân. Đào Thị Liên; ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; TS. Nguyễn Thu Thủy; TS. Nguyễn Quang Hưng - Hà Nội - Học viện tài chính, 2020 - 09/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa những lý luận về tăng trưởng kinh tế, chi ngân sách và mối quan hệ giữa chi ngân sách với tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu các mô hình thực nghiệm về mối quan hệ giữa chi ngân sách với tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu, phân tích thực trạng tăng trưởng và quy mô chi ngân sách của Việt Nam giai đoạn từ năm 1986 đến 2018. Lựa chọn và chạy mô hình phù hợp để xác định quy mô chi ngân sách hợp lý cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Đề xuất một số khuyến nghị chính sách về chi NSNN nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam từ nay đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18600

79483. 12-2021. **Nghiên cứu động lực tăng trưởng từ phía cầu của nền kinh tế Việt Nam từ nay đến năm 2030/** TS. Nguyễn Đức Độ, Cử nhân. Lê Vũ Thanh Tâm; ThS. Tạ Văn Thắng; ThS. Ngô Thành Long; Cử nhân. Vũ Thị Đào; TS. Vũ Quốc Dũng; ThS. Nguyễn Bá Linh; ThS. Trần Minh Hải; Cử nhân. Trịnh Thị Nhũ; ThS. Lê Hải Hưng - Hà Nội - Học viện tài chính, 2020 - 09/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa những lý luận về động lực tăng trưởng kinh tế từ phía cầu; Nghiên cứu động lực tăng

trưởng từ phía cầu tại các nước trong các giai đoạn phát triển kinh tế khác nhau; Nghiên cứu, phân tích thực trạng động lực tăng trưởng từ phía cầu của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay; Thông qua việc nghiên cứu lý luận, kinh nghiệm quốc tế, đánh giá thực trạng, dự báo các thách thức, đề tài sẽ đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy động lực tăng trưởng từ phía cầu của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18609

### 503. Khoa học giáo dục

#### 50301. **Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..**

78661. 12-2021. **Lịch sử hình thành và phát triển giáo dục và đào tạo nghề ở Việt Nam (1890-1945), so sánh với trường dạy nghề của Pháp cùng thời kỳ/** TS. Trần Thị Phương Hoa, PGS. TS. Trần Đức Cường; ThS. Trịnh Thành Vinh; PGS. TS. Nguyễn An Hà; PGS. TS. Đinh Quang Hải; ThS. Đỗ Xuân Trường - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2020 - 12/2014 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định lịch sử hình thành của đào tạo nghề trong hệ thống giáo dục ở ba xứ Bắc Kỳ, Nam Kỳ, Trung Kỳ, so sánh với sự ra đời của trường dạy nghề hiện đại ở Pháp (cơ sở pháp lý, tổ chức và quản lý); Làm rõ mối quan hệ giữa đào tạo nghề ở Việt Nam buổi ban đầu với các nghề truyền thống; Làm rõ sự phát triển của đào tạo nghề ở Việt Nam cho

đến năm 1945 (chính sách cho phát triển trường nghề, công cụ ngân sách, kết quả hoạt động), so sánh với sự phát triển của trường nghề ở Pháp trong cùng giai đoạn; Góp phần tìm hiểu một bộ phận lực lượng thanh niên yêu nước cách mạng đã từng học trong các trường dạy nghề, các hoạt động và tổ chức chống Pháp trong các trường học này.

Số hồ sơ lưu: 18105

79076. 12-2021. **Năng lực tiếng Việt của học sinh bậc Tiểu học các dân tộc Stiêng và Khmer ở Bình Phước: Thực trạng và giải pháp/** TS. Hồ Xuân Mai, ThS. Phan Kim thoa; TS. Trần Thị Kim Tuyền; TS. Đinh Lư Giang; TS. Phú Văn Hân - Hồ Chí Minh - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái niệm và nội dung của chính sách ngôn ngữ, những tác động của nó đối với tiếng Việt và ngôn ngữ các dân tộc ít người, trong đó có dân tộc Stiêng và Khmer ở Bình Phước. Năng lực tiếng Việt của học sinh bậc tiểu học Stiêng và Khmer trên địa bàn tỉnh Bình Phước ở phạm vi trường học. Năng lực tiếng Việt của học sinh bậc tiểu học Stiêng và Khmer trên địa bàn tỉnh Bình Phước ở phạm vi gia đình và cộng đồng. Một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao năng lực tiếng Việt của học sinh bậc tiểu học Stiêng và Khmer trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Số hồ sơ lưu: 18265

79526. 12-2021. **Chiến lược phát triển Học viện Tài chính giai đoạn 2020 - 2030 và tầm nhìn năm**

**2035/** PGS.TS. Nguyễn Trọng Cơ, PGS.TS. Ngô Thanh Hoàng; PGS.TS. Trương Thị Thủy; PGS.TS. Nguyễn Vũ Việt; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Thiều; TS. Nguyễn Đào Tùng; TS. Nguyễn Hồng Chính; PGS.TS. Chúc Anh Tú; PGS.TS. Nguyễn Xuân Thạch; ThS. Nguyễn Thị Hương Thủy - Hà Nội - Học viện tài chính, 2020 - 09/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, làm rõ cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn và xây dựng chiến lược phát triển của tổ chức trong bối cảnh mới. Đánh giá tình hình Học viện Tài chính và những vấn đề đặt ra, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến xây dựng chiến lược phát triển của Học viện, xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức để xây dựng chiến lược trong điều kiện mới. Từ đó, đề xuất các nội dung xây dựng chiến lược phát triển Học viện Tài chính giai đoạn 2020 - 2030 và tầm nhìn đến 2035.

Số hồ sơ lưu: 18627

79542. 12-2021. **Thực trạng và nhu cầu giáo dục mầm non của các gia đình công nhân tại khu công nghiệp (Nghiên cứu trường hợp tại một số KCN thuộc tỉnh Bắc Ninh)/** ThS. Nguyễn Thị Thu Nguyệt, ThS. Bùi Thị Hồng; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Ngô Thị Mai Diên; ThS. Lại Thanh Bình; ThS. Bùi Thị Minh Phương; ThS. Lưu Thị Thu Thủy; ThS. Bùi Đức Mậu - Hà Nội - Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát thực trạng các loại hình giáo dục mầm non tại các khu công nghiệp. Tìm hiểu nhu cầu về giáo dục mầm non cho trẻ của các gia đình công nhân tại khu công nghiệp. Đề xuất giải pháp đáp ứng nhu cầu giáo dục mầm non cho trẻ của các gia đình công nhân tại khu công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 18644

### **50302. Giáo dục chuyên biệt**

79054. 12-2021. **Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp về năng suất chất lượng thuộc hệ thống cơ quan tiêu chuẩn đo lường chất lượng.**/ TS. Hà Minh Hiệp, ThS. Lê Minh Tâm; ThS. Nguyễn Ngọc Duy; ThS. Phan Minh Hải; ThS. Nguyễn Thị Kim Dung; ThS. Trần Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Văn Khôi; ThS. Trần Quý Giàu; ThS. Trần Tuấn Anh; TS. Ngô Thị Ngọc Hà; KS. Trần Khắc Điền - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2021 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu và biên soạn các chương trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo. Tổ chức 21 khóa đào tạo tập trung về nghiệp vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng và kỹ năng triển khai dự án năng suất chất lượng gồm: 12 khóa đào tạo nghiệp vụ cơ sở về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; 06 khóa đào tạo về đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực đo lường; 03 khóa đào tạo kỹ năng triển khai thực hiện dự án năng suất chất lượng. Tổ chức 03

khóa đào tạo nghiệp vụ cơ sở về tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo hình thức đào tạo trực tuyến (Online) để đáp ứng nhu cầu đào tạo cho các học viên không có điều kiện tham dự các khóa đào tạo tập trung.

Số hồ sơ lưu: 18256

79055. 12-2021. **Triển khai giảng dạy kiến thức về ứng dụng các phương pháp, công cụ và kỹ thuật nâng cao năng suất chất lượng vào các trường cao đẳng nghề tại Việt Nam/** ThS. Lê Minh Tâm, ThS. Nguyễn Ngọc Duy; ThS. Trần Tuấn Anh; TS. Phạm Văn Hồng; TS. Nguyễn Tiến Tùng; TS. Phạm Thị Hồng Hạnh; TS. Trần Đức Tiệp; KS. Nguyễn Chí Danh; ThS. Phạm Minh Chi; ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc; CN. Đào Quốc Toàn; ThS. Trần Ngọc Thái - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2021 - 01/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo giảng dạy ứng dụng các phương pháp, công cụ và kỹ thuật nâng cao năng suất chất lượng trong các Trường Cao đẳng nghề tại Việt Nam. Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về năng suất chất lượng tại 04 trường Cao đẳng nghề được lựa chọn thí điểm. Đề xuất phương án triển khai nhân rộng đào tạo ứng dụng các phương pháp, công cụ và kỹ thuật nâng cao năng suất chất lượng trong các Trường Cao đẳng nghề tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18257

79276. 12-2021. **Nghiên cứu xây dựng chương trình bồi dưỡng về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo tiếp cận năng lực dành cho nhân lực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ/** TS. Trần Quang Huy, ThS. Nguyễn Thị Minh Nga; ThS. Đặng Thị Thu Trang; TS. Đinh Việt Bách; PGS.TS. Phạm Thị Bích Ngọc; TS. Nguyễn Bình Minh; TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang; TS. Phạm Quang Trí; ThS. Hoàng Văn Thụ; TS. Nguyễn Thị Thanh Hằng - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2021 - 06/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý thuyết về phát triển nguồn nhân lực theo tiếp cận năng lực. Kinh nghiệm một số nước trong việc xây dựng chương trình bồi dưỡng về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đánh giá thực tiễn xây dựng chương trình bồi dưỡng về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Xây dựng khung năng lực quản khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo dành cho nhân lực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ. Xây dựng chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Số hồ sơ lưu: 18482

### **50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác**

79454. 12-2021. **Giáo dục Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945/** PGS.TS. Trần Đức Cường, PGS.TS. Tạ Thị Thúy; ThS. Đỗ Xuân Trường; ThS. Nguyễn Lan Dung;

ThS. Bùi Thị Hà; ThS. Nguyễn Thị Lệ Hà; Cử nhân. Phạm Như Thom - Hà Nội - Viện Sử học, 2021 - 02/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Giới thiệu một cách sơ lược về giáo dục truyền thống ở Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc-chống Bắc thuộc và thời kỳ phong kiến độc lập. Trình bày có hệ thống chủ trương, chính sách, nội dung, chương trình... giáo dục, việc tổ chức thi cử của triều Nguyễn và chính quyền thực dân Pháp trong thời gian từ năm 1858 đến năm 1945. Dựng lại một cách khách quan và toàn diện về tình hình giáo dục và thi cử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945. Phân tích và làm rõ những kết quả cũng như hạn chế của giáo dục và thi cử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945. Rút ra những bài học kinh nghiệm từ nền giáo dục và khoa cử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945 nhằm phục vụ sự nghiệp giáo dục và đào tạo hiện nay ở nước ta.

Số hồ sơ lưu: 18590

### **504. Xã hội học**

#### **50402. Nhân khẩu học**

79539. 12-2021. **Mối quan hệ của người đã xây dựng gia đình riêng với anh chị em ruột ở Việt Nam hiện nay (nghiên cứu trường hợp tỉnh Ninh Bình)/** GS.TS. Nguyễn Hữu Minh, ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; TS. Lê Ngọc Lân; ThS. Trần Quý Long; ThS. Hà Thị Minh Khương; ThS. Nguyễn Hà Đông; CN. Đào Hồng Lê; CN. Phan Thị Thanh Mai - Hà Nội - Viện Nghiên cứu gia đình và giới, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện cấu trúc nhân khẩu-xã hội của các anh chị em ruột ở các gia đình theo các nhóm tuổi khác nhau. Đồng thời, nhận diện mối quan hệ anh chị em ruột trên các khía cạnh khác nhau của đời sống gia đình. Xác định ý nghĩa của quan hệ anh chị em ruột đối với cuộc sống người dân thông qua đánh giá của các cá nhân. Nêu ra đề xuất về định hướng nghiên cứu và hàm ý chính sách về phát huy vai trò mối quan hệ anh chị em ruột trong việc xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ và hạnh phúc.

Số hồ sơ lưu: 18636

#### **50404. Dân tộc học**

78640. 12-2021. **An ninh phi truyền thống ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay: Thực trạng và giải pháp/** PGS. TS. Nguyễn Linh Khiếu, PGS. TS. Đoàn Minh Huấn; PGS. TS. Phạm Hồng Thái; PGS. TS. Bé Trung Anh; PGS. TS. Nguyễn Văn Thế; PGS. TS. Nguyễn Quang Trung; PGS. TS. Nguyễn Chí Hiếu; TS. Phạm Thị Tính; ThS. Nguyễn Đức Kha; ThS. Kim Ngọc Đàm - Hà Nội - Tạp chí Cộng sản, 2020 - 06/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ thực trạng, xu hướng vận động, tác động của an ninh phi truyền thống vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay; Nhận diện những vấn đề đặt ra của những thách thức an ninh phi truyền thống vùng dân tộc thiểu số; Đề xuất phương hướng, giải pháp ứng phó với những thách thức an ninh phi truyền

thống ở vùng dân tộc thiểu số nước ta trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 18096

#### **50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội**

79195. 12-2021. **Dịch chuyển lao động nông nghiệp của Thái Lan, Malaixia và hàm ý cho Việt Nam/** TS. Lê Phương Hòa, Cử nhân. Nguyễn Hà Phương; TS. Phạm Thanh Tịnh; ThS. Nguyễn Thị Lý; Cử nhân. Nguyễn Thị Hồng Lam - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện các nhân tố tác động đến dịch chuyển lao động nông nghiệp của Thái Lan, Malaixia. Tìm hiểu thực trạng dịch chuyển lao động nông nghiệp của Thái Lan, Malaixia. Trên cơ sở nhận diện các nhân tố tác động và thực trạng dịch chuyển lao động nông nghiệp Thái Lan, Malaixia rút những bài học kinh nghiệm và hàm ý cho dịch chuyển lao động nông nghiệp của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18382

79459. 12-2021. **Nghiên cứu giải pháp nắm bắt và quản lý dư luận trên mạng xã hội/** TS. Nguyễn Tuấn Minh, ThS. Nguyễn Quang Tuấn; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; Cử nhân. Ngô Thị Châm; ThS. Phan Đức Nam; ThS. Trịnh Thị Phương; ThS. Lê Quang Ngọc; ThS. Trần Việt Long; ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; ThS. Nguyễn Trung Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hà;

ThS. Nguyễn Thị Thơm - Hà Nội - Viện Xã hội học, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Việt Nam thuộc nhóm nước có số lượng người sử dụng đông nhất thế giới. Nghiên cứu về dư luận xã hội (DLXH) trên mạng xã hội thông tin (MXHTT) cho đến nay vẫn còn là chủ đề mới, đặc biệt là ở Việt Nam. Mạng xã hội có những đặc điểm rất khác biệt so với các kênh thông tin truyền thông khác, đặc biệt là “tính mở, tính tương tác cao và tốc độ lan truyền thông tin”. Những đặc điểm này khiến cho DLXH trên mạng xã hội cũng vừa có đặc điểm của DLXH nói chung song có những đặc trưng riêng. Từ việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của dư luận trên mạng xã hội, đề tài hướng đến nhận diện thực trạng nắm bắt và quản lý dư luận trên mạng xã hội, từ đó đề xuất giải pháp nắm bắt và quản lý phù hợp.

Số hồ sơ lưu: 18591

79487. 12-2021. **An ninh nguồn nước khu vực Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam/** TS. Võ Thị Minh Lệ, ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; TS. Nguyễn Bình Giang; PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung; PGS.TS. Nguyễn Duy Lợi; ThS. Đoàn Thị Kim Tuyến; Cử nhân. Trần Thị Quỳnh Trang; TS. Đào Trọng Tứ; Cử nhân. Võ Thu Hà; Nguyễn Thị Thu Hương; Ngô Thị Phương Lan - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa các khái niệm liên quan đến an ninh nguồn nước

(ANNN), các nhân tố ảnh hưởng, tiêu chí đánh giá ANNN và cơ chế đảm bảo an ninh nguồn nước; Tìm hiểu thực trạng ANNN của các nước GMS; Xác định những vấn đề đặt ra đối với ANNN của các nước GMS; Đề xuất một số giải pháp nhằm đảm bảo ANNN của các nước GMS nói chung, Việt Nam nói riêng cụ thể là Đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 18613

79540. 12-2021. **Vai trò của văn hóa cộng đồng đối với chương trình xây dựng nông thôn mới/** TS. Trương Xuân Trường, ThS. Nguyễn Thu Hương; ThS. Hoàng Vũ Linh Chi; ThS. Đoàn Phương Thúy; ThS. Phan Đức Nam; CN. Ngô Thị Châm; ThS. Lê Quang Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thơm - Hà Nội - Viện Xã hội học, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu và xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn về văn hóa cộng đồng trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Phân tích những tác động tích cực và tiêu cực của văn hóa cộng đồng đối với chương trình xây dựng nông thôn mới. Qua đó đề xuất giải pháp tăng cường vai trò văn hóa cộng đồng trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

Số hồ sơ lưu: 18637

### **50499. Xã hội học khác**

79193. 12-2021. **Một số giải pháp phát triển các mô hình du lịch cộng đồng góp phần giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số/** TS. Nguyễn Công Thảo, ThS. Phạm Thị Cẩm Vân; TS. Nguyễn Thắm Thu Hà; TS. Đào Thị Hoàng Mai; TS.



Trần Thị Mai Lan; ThS. Đặng Thanh Nhân; ThS. Nguyễn Hải Nhung; Cử nhân. Tạ Hữu Đức; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Phạm Thị Bích Thủy - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển các mô hình du lịch cộng đồng góp phần giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số; Phân tích, đánh giá mô hình du lịch sinh thái và du lịch văn hóa và các chính sách góp phần phát triển du lịch cộng đồng vùng dân tộc thiểu số ở một số quốc gia trên thế giới, rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; Phân tích làm rõ thực trạng và tác động của hai mô hình du lịch cộng đồng trên ở vùng dân tộc thiểu số nước ta cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động này; Đề xuất giải pháp và kiến nghị chính sách phát triển các mô hình du lịch cộng đồng góp phần giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số.

Số hồ sơ lưu: 18393

79198. 12-2021. **Quan hệ Australia - ASEAN năm 2001 - 2020/** TS. Võ Xuân Vinh, ThS. Trịnh Hải Tuyền; PGS.TS. Dương Văn Huy; ThS. Trương Quang Hoàn; Cử nhân. Nguyễn Hà Phương - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu quan hệ Australia-ASEAN trên các lĩnh vực chủ yếu là chính trị-an ninh, kinh tế (thương mại và đầu tư) và hợp tác phát triển; tác động của mối quan hệ này đến Australia, ASEAN, quan hệ Việt

Nam-Australia, triển vọng quan hệ Australia-ASEAN và một số gợi ý chính sách cho Việt Nam. Nhận diện các nhân tố tác động đến quan hệ Australia-ASEAN từ năm 2001 đến năm 2020. Làm rõ hiện trạng quan hệ Australia-ASEAN từ 2001 đến 2020 trên các lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế và hợp tác phát triển. Đánh giá tác động của quan hệ Australia-ASEAN đến Australia, ASEAN và quan hệ Việt Nam-Australia. Đánh giá triển vọng quan hệ Australia-ASEAN đến năm 2025. Đưa ra một số gợi ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18381

79212. 12-2021. **Thích ứng của các quốc gia Đông Nam Á hải đảo trước sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc từ sau Đại hội 19/** PGS.TS. Dương Văn Huy, TS. Hoàng Thị Giang; ThS. Trịnh Hải Tuyền; TS. Trương Quang Hoàn; TS. Nguyễn Tuấn Anh; Cử nhân. Vũ Thị Bích Thảo - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 2020 - 11/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Sự chuyển biến trong quan hệ Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á hải đảo đang tác động mạnh mẽ tới Việt Nam, nhất là vấn đề Biển Đông, cũng như vai trò trung tâm của ASEAN. Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc nghiên cứu một cách hệ thống về chính sách của các quốc gia Đông Nam Á hải đảo với Trung Quốc vẫn còn là khoảng mờ cần phải làm rõ. Chính vì vậy, đề tài nghiên cứu : “Thích ứng của các quốc gia Đông Nam Á hải đảo trước sự gia tăng ảnh hưởng của 3 Trung Quốc từ

sau Đại hội 19” là một đề tài có giá trị khoa học, thực tiễn và có tính cấp thiết.

Số hồ sơ lưu: 18411

79437. 12-2021. **Sinh kế của người dân trong bối cảnh thiên tai và biến đổi khí hậu: trường hợp vùng Nam Trung Bộ/** TS. Bùi Quang Bình, ThS. Đỗ Thị Ngân (Thư ký khoa học); TS. Lương Thị Thu Hằng; ThS. Trần Minh; ThS. Bùi Việt Cường; ThS. Trịnh Thị Tuyết Dung; ThS. Nguyễn Đức Hoàn; ThS. Nguyễn Dương Hoa; ThS. Vũ Thị Chanh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, 2021 - 01/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích cơ sở lý luận về sinh kế, thiên tai và biến đổi khí hậu. Làm rõ các loại hình sinh kế và những ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu liên quan đến các loại hình sinh kế này. Đề xuất giải pháp giảm thiểu tính tổn thương về sinh kế của người dân Nam Trung Bộ trong bối cảnh thiên tai và biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 18585

79481. 12-2021. **Tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ (Nghiên cứu trường hợp Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật Giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn)/** TS. Nguyễn Ngọc Mai, ThS. Vũ Thanh Bằng; ThS. Đỗ Duy Hưng; ThS. Phạm Minh Phương; PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc; TS. Nguyễn Thị Quế Hương; Phạm Quang Tùng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống quá trình hình thành, phát triển của ba tôn giáo nội sinh Nam bộ. Tìm hiểu sứ mệnh (của các tôn giáo này trong bối cảnh văn hóa, xã hội miền Nam giai đoạn thế kỷ 19-20). Khái quát nội dung giáo lý, kinh bản, phương châm tu tập, các thực hành nghi lễ của ba tôn giáo nội sinh ở Nam bộ. Tìm hiểu những biến đổi cơ bản của ba tôn giáo này từ năm 2000 đến nay. Tìm hiểu vai trò của ba tôn giáo nội sinh với đời sống cá nhân, gia đình, cộng đồng người Việt phía Nam xưa và nay.

Số hồ sơ lưu: 18610

## 505. Pháp luật

### 50501. Luật học

78648. 12-2021. **Xây dựng, vận hành tổ chức quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ trong Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Huệ Minh, CN. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Trương Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Văn Đông; TS. Nguyễn Văn Tuế; ThS. Hoàng Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Hữu Thọ; CN. Nguyễn Thị Thanh Huyền; CN. Nguyễn Thị Kim Oanh; CN. Trần Thị Thanh Hương; ThS. Trần Xuân Mạnh; ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Nguyễn Đình Hùng; KS. Nguyễn Ngọc Trung - Bắc Ninh - Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam, 2020 - 11/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thành lập được bộ phận chuyên trách về Sở hữu trí tuệ tại DABACO; Xây dựng được hệ thống các văn bản phục vụ công tác quản trị tài sản trí tuệ và quản lý hoạt

động sở hữu trí tuệ Tập đoàn; Thiết lập được đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ để tổ chức triển khai các hoạt động sở hữu trí tuệ tại DABACO một cách tổng thể, đồng bộ, có hệ thống; Triển khai vận hành thí điểm các hoạt động sở hữu trí tuệ tại DABACO.

Số hồ sơ lưu: 18101

79306. 12-2021. **Sự độc lập của tòa án: Kinh nghiệm của các nước trên thế giới, gợi mở cho Việt Nam/** TS. Trương Thị Thu Trang, TS. Vũ Kiều Oanh; ThS. Nguyễn Thị Hồ Diệp; ThS. Trần Nguyễn Mỹ Linh; ThS. Nguyễn Trung Kiên - Hà Nội - Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thông tin một số vấn đề lý luận cơ bản về sự độc lập của Tòa án. Thông tin về các quy định pháp luật về sự độc lập của Tòa án của một số quốc gia điển hình cho các mô hình tổ tụng hiện nay như Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Canada, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc và Nga. Tham chiếu, rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam trong quy định về sự độc lập của Tòa án.

Số hồ sơ lưu: 18473

79473. 12-2021. **Hoàn thiện hệ thống pháp luật về giá/** ThS. Nguyễn Anh Tuấn, ThS. Phùng Thị Ánh Ngọc; Cử nhân. Vũ Hương Trà; Cử nhân. Ngô Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương; Cử nhân. Bùi Thị Thu Trang; ThS. Hoàng Ngọc Thái - Hà Nội - Cục quản lý

giá, 2020 - 02/2020 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Trình bày cơ sở lý luận về hệ thống pháp luật về giá và vai trò của Nhà nước trong việc hoàn thiện pháp luật về giá tại Việt Nam. Thực trạng quá trình xây dựng, hoàn thiện, và thực thi pháp luật về giá tại Việt Nam. Đề xuất định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật về giá tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18601

79485. 12-2021. **Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng/** ThS. Nguyễn Thị Huệ, TS. Nguyễn Hà Thanh; ThS. Quách Ngọc Tuấn; TS. Tô Nguyễn Cẩm Anh; ThS. Đỗ Thị Hương Lan; TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Phạm Thị Hằng Nga; CN. Nguyễn Hoàng Trang; CN. Tạ Thúy Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Diệu Quỳnh - Hà Nội - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về sở hữu nước ngoài tại các công ty đại chúng. Đánh giá thực trạng khuôn khổ pháp lý và việc thực hiện các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các công ty đại chúng và đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về nhà đầu tư nước ngoài và sự phù hợp với các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại, đầu tư mà Việt Nam đã ký kết. Phân tích thông lệ quốc tế liên quan đến sở hữu nước ngoài tại các công ty đại chúng, tiến hành nghiên cứu kinh nghiệm một số quốc gia (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, ASEAN...) về việc tham gia

của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán. Từ đó, đề xuất, kiến nghị giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật chứng khoán và quy định pháp luật có liên quan về sở hữu nước ngoài tại các công ty đại chúng đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

Số hồ sơ lưu: 18623

79538. 12-2021. **Một số giải pháp tăng cường quản lý nhà nước của Bộ Tài chính trong phối hợp thi hành bản án hình sự đối với pháp nhân thương mại/** ThS. Hoàng Thái Sơn, ThS. Bùi Thùy Dương; ThS. Trịnh Hà Mai Long; ThS. Khổng Thị Hà Linh; CN. Lương Lê Thủy; ThS. Trương Huỳnh Thắng; ThS. Nguyễn Đức Thắng; CN. Lê Thị Lan Hương; CN. Đào Vũ; CN. Trần Thị Hương - Hà Nội - Vụ Pháp chế Bộ Tài chính, 2020 - 10/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu một số vấn đề lý luận chung về thi hành bản án hình sự đối với pháp nhân thương mại. Nghiên cứu thực trạng pháp lý về quản lý nhà nước của Bộ Tài chính trong phối hợp thi hành bản án hình sự đối với pháp nhân thương mại, qua đó đưa ra các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước của Bộ Tài chính trong phối hợp thi hành bản án hình sự đối với pháp nhân thương mại.

Số hồ sơ lưu: 18642

## **506. Khoa học chính trị**

### **50601. Khoa học chính trị**

77724. 12-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất**

**lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII trên địa bàn thành phố Hải Phòng/** ThS Nguyễn Văn Hiếu, ThS Trần Thị Bích Hằng; ThS Nguyễn Văn Kính; ThS Trần Thị Thanh Minh; ThS Phạm Thị Kim Anh; TS Nguyễn Thị Hải Hà; CN Nguyễn Thị Kim Chi - Hải Phòng - Trường Chính trị Tô Hiệu, 2020 - 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2010-2017. Những yêu cầu đặt ra đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong thời gian tới. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2020.008

79252. 12-2021. **Những thay đổi của đường biên giới Việt - Lào trong thế kỷ XIX/** TS. Vũ Thị Thu Giang, ThS. Nguyễn Thu Hạnh; PGS.TS. Lê Trung Dũng; PGS.TS. Võ Kim Cương; ThS. Mai Thị Huyền - Hà Nội - Viện Sử học, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Quá trình hình thành nhà nước Lào và quan hệ giữa các nhà nước Lào với các nước láng giềng trước thế kỷ XIX. Quan hệ giữa Việt Nam và các vùng đất Lào về vấn đề lãnh thổ nửa đầu thế kỷ XIX. Thực trạng

các vùng đất Lào trong những thập niên giữa thế kỷ XIX. Nghiên cứu sự bành trướng của Xiêm vào các vùng đất Lào và việc Pháp bành trướng ảnh hưởng sang các vùng đất Lào. Xác định sự đối đầu Pháp – Xiêm trước hiệp ước 1893 và vấn đề Pháp tái tổ chức các vùng đất Lào. Sự tranh giành thế lực giữa các quốc gia Đông Nam Á dẫn đến sự thay đổi biên giới Việt - Lào lần thứ nhất. Âm mưu và vai trò của Pháp, Xiêm đối với sự thay đổi biên giới Việt - Lào lần thứ 2.

Số hồ sơ lưu: 18472

79255. 12-2021. **Giải quyết xung đột tài nguyên ở khu vực Đông Nam Á/** PGS.TS. Phạm Thái Quốc, ThS. Đặng Hoàng Hà; PGS.TS. Hà Văn Hội; TS. Lại Lâm Anh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; ThS. Nguyễn Đình Ngân; ThS. Đoàn Thị Kim Tuyền; Trần Thị Thu Thủy; Ngô Thị Phương Lan - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2021 - 02/2020 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận, thực tiễn và pháp lý cho giải quyết xung đột tài nguyên ở khu vực Đông Nam Á. Xung đột tài nguyên và giải quyết xung đột tài nguyên ở khu vực Đông Nam Á. Đánh giá triển vọng giải quyết xung đột tài nguyên ở khu vực Đông Nam Á và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18476

79544. 12-2021. **Quan hệ hợp tác của Việt Nam với một số nước Trung Đông trong bối cảnh phát triển mới/** PGS.TS. Lê Phước Minh,

TS. Đỗ Đức Hiệp; TS. Nguyễn Xuân Bách; ThS. Phạm Thị Kim Huế; ThS. Nguyễn Trung Tuyền; ThS. Trần Hữu Đồng; ThS. Nguyễn Thị Yến Ngọc; ThS. Vũ Li Na - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu bối cảnh phát triển mới, tập trung làm rõ những nhân tố quốc tế, khu vực mới, cơ hội và thách thức tác động đến Trung Đông, Việt Nam và quan hệ hợp tác giữa hai bên. Tìm hiểu lợi thế so sánh của Saudi Arabia, UAE và Israel trong quan hệ hợp tác và nhu cầu thúc đẩy quan hệ hợp tác của Việt Nam với các quốc gia này cũng như cơ chế, chính sách hợp tác giữa hai bên trong thời gian qua. Đánh giá thực trạng quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Saudi Arabia, UAE và Israel trong thập niên thứ hai của thế kỷ 21 trong các lĩnh vực chính trị ngoại giao, kinh tế, văn hóa-giáo dục. Đánh giá những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, điểm mạnh và điểm yếu trong quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Saudi Arabia, UAE và Israel trong thời gian qua với những nhân tố tác động mới. Đánh giá triển vọng về quan hệ hợp tác giữa các bên trong thời gian tới, đề từ đó đề xuất một số giải pháp mở rộng quan hệ hợp tác và nâng cao chất lượng hợp tác của Việt Nam với Saudi Arabia, UAE và Israel đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: 18643

79902. 12-2021. **Nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách đặc thù thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư vào tỉnh Lai Châu/**

PGS.TS Phạm Thị Khanh, PGS.TS Phạm Thị Khanh; TS. Tạ Văn Nam; PGS.Ts. Lê Quốc Lý; TS. Hà Văn Tuấn; TS. Đinh Văn Trung; TS Nguyễn Ngọc Anh; TS. Lê Thị Thúy; TS. Trần Hồng Việt; ThS. Cáp Tuấn Ba; PGS.TS. Phạm Thị Hồng Yến - Lai Châu - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020 - 08/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trong những năm qua, tỉnh Lai Châu đã tích cực xây dựng, hoạch định chủ trương, đường lối phát triển KT – XH nói chung, cơ chế, chính sách đặc thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn nói riêng; đã đạt được kết quả quan trọng: Hình thành được cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng các nguồn vốn; tạo lập nên hệ thống chính sách định hướng, dẫn dắt các nhà đầu tư từ các thành phần kinh tế đến đầu tư tại địa phương; cơ chế, chính sách đó dần đi vào cuộc sống, tạo ra xung lực mới, thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế tỉnh Lai Châu. Trong nhiều năm, nhất là trong những năm gần đây, tốc độ TTKT của Tỉnh luôn đạt ở mức cao, xếp vào nhóm các địa phương có tốc độ tăng trưởng cao của cả nước; cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng tích cực: giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ; gia tăng tích lũy vốn cho ngân sách địa phương, gia tăng thu nhập, cải thiện đời sống của nhân dân trong tỉnh; an sinh xã hội được đảm bảo; giảm nghèo khá nhanh hướng tới mục tiêu giảm nghèo bền vững; an ninh trật tự xã hội và an ninh quốc phòng được đảm bảo...

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-002

### **50602. Hành chính công và quản lý hành chính**

78635. 12-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập/ CN.** Nguyễn Trung Dũng, ThS. Đỗ Thị Hải Anh; ThS. Trần Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Ngọc Minh; ThS. Nguyễn Thị Hà; CN. Phạm Công Túc; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Lan; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Linh; ThS. Phạm Lê Cường; CN. Kim Quang Huy - Hà Nội - Vụ Tổ chức Cán bộ, 2020 - 09/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, rà soát, đánh giá tính phù hợp của nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/06/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập với những văn bản quy định cấp trên mới được ban hành. Xây dựng dự thảo nghị định sửa đổi nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/06/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Số hồ sơ lưu: 18086

79080. 12-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu báo cáo nghiệp vụ bưu chính/ CN.** Hoàng Mạnh Linh, Hoàng Bảo Ngọc; Phạm Ngọc Sơn; Trương Thị Thu Thảo; Tăng Văn Tuấn; Phạm Anh Tú - Hà Nội -

Vụ Bru chính, 2021 - 03/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về công tác báo cáo trong lĩnh vực bưu chính ở Việt Nam. Đánh giá tồn tại, hạn chế của hệ thống chỉ tiêu báo cáo nghiệp vụ bưu chính hiện nay. Nghiên cứu kinh nghiệm về báo cáo nghiệp vụ của một số lĩnh vực và yêu cầu về báo cáo nghiệp vụ bưu chính của Liên minh bưu chính thế giới (UPU). Đề xuất hệ thống chỉ tiêu báo cáo nghiệp vụ bưu chính ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18264

79545. 12-2021. **Nghiên cứu dự báo tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với một số lĩnh vực quản lý nhà nước chủ yếu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam giai đoạn 2021-2030/** ThS. Nguyễn Võ Hưng, PGS.TS. Trần Ngọc Ca; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Nguyễn Quang Lịch; ThS. Nguyễn Quỳnh Anh; Cử nhân. Phạm Thị Thắm; TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang; TS. Hoàng Xuân Thành; Cử nhân. Trần Thị Thanh Thủy; Cử nhân. Nguyễn Thu Hà - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2019 - 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu gồm các nội dung chính sau: Khái quát về cách mạng công nghệ lần thứ 4 (CMCN4), đặc điểm và các xu thế công nghệ chủ yếu. Tác động của Công nghiệp 4.0 và ứng xử của một số quốc gia. Tác động dự kiến của CMCN4 đối với hoạt động STI tại Việt nam. Quản lý khoa học và công nghệ trong bối

cảnh CMCN 4.0, cơ hội và thách thức cho Việt Nam. Chủ trương, chính sách về KH&CN và những nội dung có thể chịu tác động của CMCN 4.0. Tác động của CMCN 4.0 và hướng điều chỉnh các luật cơ bản trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 18611

79574. 12-2021. **Mô hình đánh giá tác động của hỗ trợ chính phủ tới mức độ đóng góp ngân sách nhà nước từ phía các doanh nghiệp nhỏ và vừa/** TS. Nguyễn Minh Thành, ThS. Bùi Tố Quyên; PGS.TS. Mai Ngọc Anh; PGS.TS. Phạm Thị Kim Vân; TS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Thái Bá Công; TS. Nguyễn Thu Hiền; TS. Nguyễn Thị Hồng Vân; ThS. Ngô Văn Lượng; ThS. Bùi Xuân Hóa - Hà Nội - Học viện tài chính, 2021 - 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Một số vấn đề lý thuyết cơ bản về hỗ trợ chính phủ với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đánh giá thực trạng hỗ trợ chính phủ cấp trung ương (các chính sách hỗ trợ trực tiếp) và cấp địa phương (môi trường kinh doanh cấp tỉnh) tại Việt Nam với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xây dựng mô hình ảnh hưởng của hỗ trợ chính phủ tới hiệu quả và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18654

79631. 12-2021. **Chế độ kế toán cấp xã theo Luật Kế toán 2015/** ThS. Trần Thị Thu Hương, ThS. Đào Thị Thu Hà; ThS. Toán Thị

Ngoan; ThS. Nguyễn Hoàng Tùng; ThS. Đặng Thị Ái; ThS. Nguyễn Văn Long; ThS. Phạm Thúy Làn; ThS. Nguyễn Thu Trang; ThS. Đinh Xuân Hà; CN. Đỗ Thị Thu Hiền - Hà Nội - Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán, 2021 - 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các quy định của pháp luật về thu, chi ngân sách nhà nước và hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn. Đánh giá thực trạng chế độ kế toán quy định về kế toán ngân sách cấp xã, kế toán các hoạt động tài chính khác phát sinh tại ủy ban nhân dân cấp xã. Đề xuất giải pháp xây dựng hệ thống tài khoản, mẫu biểu báo cáo phù hợp với tổ chức công tác kế toán tại cấp xã, trình độ cán bộ cấp xã và việc sử dụng có hiệu quả nguồn số liệu về thu, chi ngân sách cấp xã mà kho bạc nhà nước đã cung cấp cho ủy ban nhân dân cấp xã. Cung cấp thông tin về tài sản, nguồn vốn, nợ phải thu, phải trả, phục vụ cho lập báo cáo tài chính nhà nước, tiến tới tổ chức công tác kế toán cấp xã theo hướng chuyên nghiệp, tinh gọn và hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 18656

### **50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị**

79537. 12-2021. Hoàn thiện khung khổ pháp lý về thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ hỗ trợ nông dân/ TS. Lê Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân; ThS. Ngô Thị Lan Phương; ThS. Nguyễn Thị Vân Hà; ThS. Lê Minh Trang; ThS. Hoàng Phương Thảo; ThS. Lưu Sơn Trường; ThS. Lê Thanh Hiền; ThS. Cao Văn Chiến; ThS. Nguyễn

Hoàng Sơn - Hà Nội - Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính - Bộ Tài chính, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa và làm rõ tổng quan về các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về khuôn khổ pháp lý về tổ chức và hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước và bài học rút ra cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng khuôn khổ pháp lý về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp. Đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa Quỹ Hỗ trợ nông dân với các định chế tài chính khác trong lĩnh vực tài chính nông nghiệp, nông thôn. Trên cơ sở phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế trong tổ chức và hoạt động của Quỹ đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

Số hồ sơ lưu: 18634

### **507. Địa lý kinh tế và xã hội**

#### **50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội**

79024. 12-2021. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách nhằm giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường liên tỉnh và huy động nguồn lực để khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường/ TS. Bùi Hoài Nam, ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo; ThS. Lưu Thị Hương; KS. Kim Thị Thu Phương; ThS. Nguyễn Ngọc Tú; ThS. Tạ Thị Thùy Linh; PGS.TS. Nguyễn Đức Trọng; ThS. Lê Thu Nga; ThS. Nguyễn Thị Nga; CN. Phạm Minh Tuấn - Hà Nội - Viện



Khoa học Môi trường, 2021 - 07/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về các vấn đề cơ chế, chính sách giải quyết các sự cố ô nhiễm môi trường liên tỉnh. Thực trạng giải quyết các sự cố ô nhiễm môi trường liên tỉnh và huy động nguồn lực khắc phục, cải thiện ô nhiễm môi trường liên tỉnh ở Việt Nam. Đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách giải quyết các sự cố ô nhiễm môi trường liên tỉnh và huy động nguồn lực xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường liên tỉnh do sự cố môi trường và xây dựng nội dung dự thảo chỉ thị thủ tướng chính phủ.

Số hồ sơ lưu: 18251

79343. 12-2021. **Quản lý đất ngập nước gắn với phát triển kinh tế xã hội vùng ven biển đồng bằng sông Hồng**/ TS. Nguyễn Song Tùng, ThS. Cao Thị Thanh Nga; TS. Nguyễn Thị Bích Nguyệt; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Huyền Thu; ThS. Đặng Thành Trung; Trần Ngọc Ánh - Hà Nội - Viện Địa lí nhân văn, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về quản lý đất ngập nước và mối quan hệ với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng ven biển. Phân tích thực trạng quản lý đất ngập nước và mối quan hệ với phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển đồng bằng sông Hồng. Đề xuất các giải pháp quản lý đất ngập nước gắn với phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển đồng bằng sông Hồng.

Số hồ sơ lưu: 18487

79491. 12-2021. **Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải ở Việt Nam - Luận cứ khoa học và khuyến nghị**/ ThS. Trần Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Tuấn Cường; TS. Hoàng Dương Tùng; ThS. Trịnh Quang Hưng; ThS. La Thị Nôi; CN. Đặng Văn Vang; CN. Nguyễn Thị Thùy Linh; CN. Nguyễn Thị Nhung; CN. Nguyễn Thị Thanh Huế; CN. Bùi Ngọc Lập - Hà Nội - Vụ Chính sách thuế, Bộ Tài chính, 2020 - 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu một số vấn đề lý luận về phí bảo vệ môi trường đối với khí thải. Đồng thời, tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về các khoản thu nhằm mục đích bảo vệ môi trường và bài học đối với Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường không khí ở nước ta, sự ảnh hưởng đến sức khỏe con người và nền kinh tế xã hội. Từ đó, khuyến nghị hoàn thiện chính sách phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

Số hồ sơ lưu: 18620

### **50702. Địa lý kinh tế và văn hoá**

79211. 12-2021. **Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam**/ PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương, PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Phùng Diệu Anh; TS. Đặng Xuân Thanh; PGS.TS. Mai Quỳnh Nam; PGS.TS. Từ Thị Loan; PGS.TS. Bùi Hoài Sơn; TS. Phạm Hồng Yên; PGS.TS. Hoàng Khắc Nam; TS. Lê Xuân Kiêu; ThS. Vũ Hoa Ngọc; TS. Đào Thị Minh Hương; TS. Phí Hồng Minh; TS. Nguyễn Đình Tuấn; ThS. Đỗ Văn Hà; ThS. Đồng Mạnh Hùng;

ThS. Nguyễn Thị Phương Lan; TS. Nguyễn Cao Đức; ThS. Hoàng Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Phương Hòa; ThS. Bùi Thị Nhân - Hà Nội - Viện văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2020 - 09/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Do sự đa dạng và phức tạp của của vấn đề liên quan đến sức mạnh mềm văn hóa quốc gia nên việc tạo dựng và phát huy hiệu quả nguồn sức mạnh này đòi hỏi giới hoạch định chính sách Việt Nam phải có một quan điểm chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt. Vì vậy, Việt Nam đã đến lúc cần nghiên cứu kỹ lưỡng, nghiêm túc các vấn đề lý luận, thực tiễn làm căn cứ vững chắc để giới hoạch định chính sách Việt Nam xem xét đến khả năng xây dựng một chiến lược về phát huy sức mạnh mềm văn hóa. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam” sẽ góp phần vào việc tạo nên những tiền đề lý luận và thực tiễn nhằm tìm ra các giải pháp khả thi trong việc chuyển hóa thành công nguồn lực mềm văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa quốc gia trong quan hệ quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 18413

79279. 12-2021. **Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường vùng trung du và miền núi phía Bắc/** TS. Phạm Thị Trâm, ThS. Bùi Thị Cẩm Tú; TS. Ngô Minh Đức; CN. Nguyễn Thị Hằng; TS. Nguyễn Thu Nhung; ThS. Lê Thu Quỳnh; ThS. Trần Ngọc Ánh - Hà Nội - Viện Địa lí nhân văn, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường. Thực trạng tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường vùng trung du và miền núi phía Bắc. Đề xuất một số giải pháp thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường vùng trung du và miền núi phía Bắc.

Số hồ sơ lưu: 18457

79296. 12-2021. **Khai thác tài nguyên văn hóa phục vụ phát triển du lịch bền vững vùng Tây Bắc/** ThS. Đinh Trọng Thu, ThS. Nguyễn Thị Hòa; ThS. Đinh Thị Lam; ThS. Lê Hồng Ngọc; TS. Nguyễn Thị Bích Nguyệt; ThS. Nguyễn Thị Ngọc; CN. Trần Ngọc Ánh - Hà Nội - Viện Địa lí nhân văn, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích luận cứ khoa học của việc khai thác tài nguyên văn hóa phục vụ phát triển du lịch bền vững. Đánh giá thực trạng khai thác tài nguyên văn hóa phục vụ phát triển du lịch ở các tỉnh vùng Tây Bắc. Đề xuất giải pháp khai thác tài nguyên văn hóa để phát triển du lịch bền vững ở các tỉnh vùng Tây Bắc.

Số hồ sơ lưu: 18453

**50704. Quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải**

77252. 12-2021. **Nghiên cứu các giải pháp phát triển vận tải thủy nội địa phục vụ giải tỏa hàng hóa qua cảng tại Hải Phòng/** PGS.TS Đặng Công Xương, ThS Bùi Thanh Hải; TS Nguyễn Thị Liên; TS Nguyễn Minh Đức; TS Nguyễn Thị Thúy Hồng; TS Phạm

Thị Thu Hằng; ThS Nguyễn Thị Thanh Bình; ThS Nguyễn Thị Hương; ThS Nguyễn Ngọc Hà - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng phát triển vận tải thủy nội địa phục vụ giải tỏa hàng hóa qua cảng tại Hải Phòng. Đề xuất giải pháp phát triển vận tải thủy nội địa phục vụ giải tỏa hàng hóa qua cảng tại Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Số hồ sơ lưu: HPG.2020.003

## **508. Thông tin đại chúng và truyền thông**

### **50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội**

79585. 12-2021. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp thực thi tiếp cận thông tin trong lĩnh vực thông tin và truyền thông/** ThS. Phạm Quang Hòa, Phan Quốc Vinh; Nguyễn Văn Hà; Phạm Thị Thu Huyền; Nguyễn Thị Thu Thảo; Nguyễn Thu Trang - Hà Nội - Vụ Pháp chế, 2021 - 05/2018 - 11/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng việc thực thi tiếp cận thông tin trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. Nghiên cứu một số nội dung quy định về thực thi tiếp cận thông tin. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế có liên quan đến lĩnh vực thông tin và truyền thông. Đề xuất giải pháp thực thi tiếp cận thông tin trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Số hồ sơ lưu: 18657

## **6. Khoa học nhân văn**

### **601. Lịch sử và khảo cổ học**

#### **60102. Lịch sử thế giới; Lịch sử từng nước, từng vùng; từng khu vực**

79541. 12-2021. **Lịch sử giao thông vận tải Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2006/** TS. Nguyễn Thúy Quỳnh, ThS. Phạm Thị Vượng; PGS.TS. Đinh Quang Hải; TS. Lương Thị Hồng; TS. Phạm Thị Hồng Hà; ThS. Ngô Hoàng Nam; ThS. Nguyễn Thị Dung Huyền - Hà Nội - Viện Sử học, 2021 - 01/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Trình bày hoàn cảnh lịch sử nhằm nêu lên những yếu tố tác động đến giao thông vận tải Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2006. Chủ trương, chính sách khôi phục và phát triển giao thông vận tải Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2006. Phân tích tình hình giao thông và vận tải Việt Nam qua các giai đoạn từ năm 1975 đến năm 2006. Một số nhận xét về thành tựu, hạn chế của giao thông vận tải Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2006 và chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến những thành tựu, hạn chế. Đánh giá vai trò, đóng góp, đặc điểm của giao thông vận tải thời kỳ này. Chỉ ra một số kinh nghiệm chủ yếu cho sự phát triển giao thông vận tải nhằm phục vụ cho sự nghiệp kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 18646

**602. Ngôn ngữ học và văn học****60204. Lý luận văn học; Nghiên cứu văn học nói chung**

79206. 12-2021. **Văn học Việt Nam thế kỷ X-XIV trong bối cảnh văn hóa Đại Việt/** PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn, TS. Đỗ Thị Thu Huyền; PGS.TS. Vũ Thanh; PGS.TS. Trịnh Bá Đĩnh; TS. Nguyễn Đức Mậu; TS. Phạm Thị Ngọc Lan; TS. Phạm Văn Ánh; ThS. Trịnh Minh Nguyệt - Hà Nội - Viện Văn học, 2020 - 01/2021 - 02/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định mục đích, mục tiêu tổng quát hướng tới biên soạn, khôi phục, tái hiện diện mạo văn học thời đại Lý - Trần (thế kỷ X-XIV) từ góc nhìn văn hóa và từ xu thế, khả năng kiến tạo, đặt nền móng nền văn học truyền thống dân tộc trên căn bản quỹ đạo Đông Á và phương Đông... Tập trung cập nhật tư liệu và hệ thống hóa nguồn thư tịch Hán Nôm, văn bản tác phẩm đã dịch và các công trình nghiên cứu từ quá khứ đến ngày nay. Xác định đội ngũ tác giả, phân tích đặc điểm nội dung và nghệ thuật các tác phẩm văn học thế kỷ X-XIV (thời đại Lý - Trần) từ góc độ lý thuyết liên ngành văn hóa học và nhân mạng tính lịch sử và ý nghĩa phục vụ xã hội hiện đại. Tập trung lực lượng chuyên môn nhằm hoàn thành công trình đúng tiến độ và hướng tới xuất bản...

Số hồ sơ lưu: 18394

**60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam**

79239. 12-2021. **Văn hóa ứng xử ở Việt Nam hiện nay: Một số**

**vấn đề lý luận và thực tiễn/** TS. Nguyễn Thị Phương Mai, TS. Trịnh Thị Hằng; GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn; PGS.TS. Hoàng Thị Thơ; PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Hương; TS. Trần Thị Thúy Ngọc; TS. Nguyễn Minh Nguyên - Hà Nội - Viện Triết học, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số vấn đề lý luận cơ bản của văn hóa ứng xử ở Việt Nam hiện nay, mà cụ thể là làm rõ thực chất của văn hoá ứng xử, chỉ ra một số yếu tố ảnh hưởng đến văn hoá ứng xử và nêu lên tầm quan trọng của văn hoá ứng xử trong giai đoạn hiện nay. Khảo cứu và phân tích thực trạng văn hoá ứng xử ở Việt Nam hiện nay, từ đó chỉ ra nguyên nhân và những vấn đề đặt ra. Đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy văn hoá ứng xử ở Việt Nam hiện nay góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Số hồ sơ lưu: 18465

79266. 12-2021. **Tổng hợp, hệ thống hóa tư liệu văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ/** TS. Nguyễn Quốc Mạnh, Nguyễn Kim Dung; Lê Thị Liên; Lê Xuân Thuyên; Phan Anh Tú; Lương Chánh Tông; Nguyễn Thị Huỳnh Như; Lê Thị Thu Vân; Đỗ Lâm Anh Thư; Đào Linh Côn; Nguyễn Thị Thu Thắm; Đỗ Kim Giáng Hương; Lê Thị Mỹ Siêm; Nguyễn Đình Tô; Trần Thiện Khâm; Dương Thanh Giang; Phan Thị Kim An; Nguyễn Thị Thu Hằng; Trần Thị Hiền - Hà Nội - Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2021 - 01/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu điều kiện tự nhiên và lịch sử phát hiện nghiên cứu văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ. di tích văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ. Khảo cứu hệ thống di tích - di vật văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ. Đánh giá nhận thức về văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ. Xác định giá trị lịch sử và văn hóa nghệ thuật nổi bật của văn hóa Óc Eo.

Số hồ sơ lưu: 18456

79305. 12-2021. **Nghiên cứu bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc Cơ Lao trong hoạt động Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam/** ThS. Nguyễn Cảnh Phương, TS. Nguyễn Thị Ngân; ThS. Tô Thị Thu Trang; ThS. Nghiêm Thị Minh Hằng; ThS. Đoàn Đình Lâm; CN. Châm Nhật Tân; CN. Nguyễn Việt Bắc; ThS. Hà Thị Thu Hà; CN. Tô Thị Thanh Bình - Thái Nguyên - Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hoá nguồn tư liệu về di sản văn hoá dân tộc Cơ Lao tại Việt Nam. Xác định các yếu tố văn hoá đặc trưng tộc người và đánh giá thực trạng sự biến đổi về văn hóa dân tộc Cơ Lao. Đổi mới công tác trưng bày, giới thiệu về văn hóa dân tộc Cơ Lao phục vụ hoạt động Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam. Đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Cơ Lao phục vụ nghiên cứu, trưng bày và lưu giữ tại Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam. Tư liệu hóa văn hóa dân tộc Cơ Lao nhằm bảo tồn và phục vụ hoạt động Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam. Lập, bổ sung danh mục thông tin, câu chuyện hiện

vật, ảnh, băng hình tiêu biểu ... về văn hóa dân tộc Cơ Lao phục vụ thiết thực cho công tác sưu tầm, xây dựng sưu tập hiện vật, xây dựng kịch bản trình diễn, giáo dục trải nghiệm về văn hóa dân tộc Cơ Lao tại Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18488

79614. 12-2021. **Nghiên cứu giá trị di sản hang động , đề xuất xây dựng bảo tàng bảo tồn tại chỗ ở Tây Nguyên; lấy thí dụ hang động núi lửa ở Krông Nô, tỉnh Đắk Nông/** TS. La Thế Phúc, PGS.TS. Nguyễn Trung Minh TS. Ngô Đăng Trí; TS. Phạm Hồng Thái; PGS.TS. Phạm Đình Sắc; CN. Lương Thị Tuát; TS. Bùi Văn Thơm; ThS. Vũ Tiến Đức; PGS.TS. Nguyễn Khắc Sử; PGS.TS. Nguyễn Lâm Cường - Hà Nội - Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, 2021 - 08/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tình hình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu di sản hang động Tây Nguyên. Xác định di sản hang động và di sản địa chất liên quan đến hoạt động núi lửa ở Tây Nguyên. Giải pháp bảo tồn, quản lý, khai thác hợp lý di sản hang động và di sản địa chất liên quan hoạt động núi lửa ở Tây Nguyên. Đề xuất kịch bản trưng bày bảo tàng ngoài trời, bảo tồn tại chỗ di sản hang động núi lửa ở Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Số hồ sơ lưu: 18662

**603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo****60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ**

79321. 12-2021. **Nghiên cứu xác định các tiêu chí đánh giá chất lượng của hệ thống sở hữu trí tuệ Việt Nam/** TS. Nguyễn Hữu Cẩn, ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng; ThS. Vũ Thị Hân; ThS. Đỗ Thị Xuân Hương; CN. Nguyễn Thị Hương Xiêm; ThS. Bùi Tiến Quyết; ThS. Lê Thị Hằng; ThS. Phạm Thị Huế; CN. Phùng Thị Phương Hồng; ThS. Phùng Minh Hải - Hà Nội - Viện Khoa học sở hữu trí tuệ, 2021 - 11/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về hệ thống sở hữu trí tuệ và chất lượng của hệ thống sở hữu trí tuệ. Khái quát các tiêu chí đánh giá chất lượng của hệ thống sở hữu trí tuệ đã được áp dụng trên thế giới, các tiêu chí và thang đo chất lượng của hệ thống thi hành pháp luật về sở hữu trí tuệ. Thực trạng về đánh giá chất lượng của hệ thống sở hữu trí tuệ ở Việt Nam trong thời gian qua. Đề xuất các tiêu chí đánh giá chất lượng của hệ thống sở hữu trí tuệ và một số gợi ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18484

79340. 12-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất mô hình tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia để phù hợp với tình hình mới/** ThS. Mai Thế Bình, ThS. Phùng Thị Hiệp; ThS. Lê Ngọc Bích; ThS. Đỗ Phương Lan; CN. Phùng Thị Hoàng Mai; CN. Lê Thị

Phuong Hà; ThS. Nguyễn Lê Đức Minh; ThS. Đào Thị Minh Nguyệt; ThS. Trần Thị Hồng Nhung - Hà Nội - Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, 2021 - 11/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và thực tiễn đề đề xuất quy định hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia. Đánh giá thực trạng hoạt động tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và cấp kinh phí của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia giai đoạn từ 2013-2018. Đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia cho phù hợp với tình hình mới. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định 23/2014/NĐ-CP.

Số hồ sơ lưu: 18485

79573. 12-2021. **Huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam/** TS. Lê Thị Thùy Vân, ThS. Lưu Ánh Nguyệt; TS. Võ Thị Phương Lan; CN. Trần Văn Đức; TS. Lê Thanh Hà; ThS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Phạm Tiến Đạt; ThS. Phạm Thanh Thủy; ThS. Đỗ Ngọc Sơn; CN. Lê Thị Vân Anh - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2021 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Một số vấn đề cơ bản về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển khoa học và công nghệ. Đánh giá thực trạng huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam. Đề xuất giải pháp huy

động và sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18652

79635. 12-2021. **Xuất bản Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam Series C phục vụ hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ/** TS. Nguyễn Thị Hương Giang, Đặng Ngọc Bảo; Nguyễn Thị Hải Hằng; Phạm Thị Minh Nguyệt; Vũ Văn Hưng; Phí Công Thường; Ninh Văn Diện; Chu Anh Trà; Đinh Thị Luận; Cao Thị Thu Hằng; Lương Ngọc Quang Hưng; Hoàng Hải Yên; Khổng Thị Thanh Thảo; Lê Thị Bắc; Tăng Xuân Bình - Hà Nội - Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Chia sẻ các kết quả nghiên cứu, trao đổi học thuật giữa các nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ trong nước với quốc tế. Xây dựng và phát triển Tạp chí Khoa học và Công nghệ của Việt Nam hướng tới được chấp nhận vào cơ sở dữ liệu Scopus, đóng góp cho công cuộc hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 18671

**60399. Các vấn đề của triết học và tôn giáo khác**

79908. 12-2021. **Thực tiễn 15 năm tỉnh Lai Châu cụ thể hóa và thực thi các chủ trương, chính sách của Đảng (2004 – 2019); Những vấn đề đặt ra trong giai đoạn mới/** Th.S Lê Chí Công, Th.S. Lê Chí Công; CN. Trần Đức Vương; CN. Đặng Thanh Sơn; CN. Phí Đức Hiếu; Th.S. Vũ Văn Cương; Th.S.

Nguyễn Thị Hồng Tuyền; CN. Đặng Thu Hiếu; ThS. Hoàng Văn Quế; CN. Võ hồng Cảnh; CN. Bùi Thị Tươi - Lai Châu - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lai Châu, 2019 - 12/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở quan trọng để các cơ quan chức năng nghiên cứu, tìm hiểu trước khi hoạch định các chủ trương, chính sách vào thực tiễn, địa phương, ngành, lĩnh vực trong những năm tới; các cấp ủy làm cơ sở để cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, cũng như của cấp ủy cấp trên đảm bảo kịp thời, chất lượng, phù hợp và có tính khả thi trong thực tiễn

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-004

**Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

**2. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn



bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **3. Cách thức thực hiện:**

- Đăng ký trực tuyến tại trang thông tin điện tử: <http://dangkykqnv.vista.gov.vn/>;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;
- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

### **4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Phiếu đăng ký để rời, đóng dấu giáp lai nếu 2 tờ, không đóng vào báo cáo tổng hợp).
- 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức), báo cáo đóng bìa cứng, gáy vuông (in tên chủ nhiệm vụ, và mã số nhiệm vụ), trên trang bìa lót bên trong có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.
- 01 bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (file hoàn chỉnh, không tách riêng các file chương, mục,...); 01 bản điện tử Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.
- 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (biên bản không đóng kèm vào báo cáo tổng hợp); văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 Bản sao đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 Phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

**5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**9. Lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:**

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: dangky@vista.gov.vn

*\* Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*